BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

TRƯỜNG ĐH MỎ ĐỊA CHẤT
PHÒNG KHOA HỌC-CÔNG NGHỆ
TÀI LIỆU KHOA HỌC

BÁO CÁO

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ NĂM 2014 VÀ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ NĂM 2015

Hà Nội, 3-2015

Năm 2014, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI về Khoa học và Công nghệ; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ 18 và chương trình phát triển Khoa học và Công nghệ của Nhà trường, hoạt động KHCN của trường ta đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ.

Phát huy tiềm năng khoa học và truyền thống đoàn kết của đội ngũ cán bộ khoa học của Nhà trường, trong năm qua chúng ta đã hoàn thành tốt những nhiệm vụ NCKH của Nhà nước giao cho Trường và kế hoạch KHCN năm 2014 của Nhà trường.

Hôm nay, Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động KHCN nhằm đánh giá kết quả hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ đã đạt được trong năm 2014; rút ra các bài học kinh nghiệm và khắc phục những tồn tại trong hoạt động KHCN của Trường, trên cơ sở đó phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ KHCN năm 2015.

Báo cáo tổng kết hoạt động KHCN năm 2014 và triển khai hoạt động KHCN năm 2015, gồm 2 phần chính:

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2014

Thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao và các mục tiêu nhiệm vụ KHCN đặt ra của Nhà trường trong năm 2014, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ và đạt được các kết quả, cụ thể:

I. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp *(xem Bảng 1)*:

I.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước

Năm 2014, Trường Đại học Mỏ - Địa chất thực hiện 15 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, gồm:

- 02 đề tài thuộc chương trình trọng điểm;
- 06 đề tài NCCB trong KHTN;
- 02 đề tài NCCB định hướng ứng dụng;
- 01 nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt – Pháp;
- 04 nhiệm vụ cấp Nhà nước do Bộ Công thương quản lý;

I.1.1. Đề tài thuộc chương trình trọng điểm cấp Nhà nước

- Đề tài *"Nghiên cứu đề xuất các tiêu chí và phân vùng khai thác bền vững, bảo vệ tài nguyên nước dưới đất vùng đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ"* mã số KC08.06/11-15, do PGS.TS. Đoàn Văn Cánh làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (từ 1/2012 đến 12/2014), với tổng kinh phí 4.500 triệu đồng; được sự đồng ý của Bộ KHCN cho điều chỉnh kinh phí đoàn ra, chủ nhiệm đề tài đang khẩn trương hoàn thành bổ sung hút nước thí nghiệm, phân tích mẫu đồng vị và 03 chuyên đề còn lại, đồng thời chủ nhiệm đề tài đang tổng hợp tài liệu viết báo cáo tổng kết. Dự kiến báo cáo nghiệm thu cấp cơ sở vào quý II/2015.

- Đề tài *"Nghiên cứu, đánh giá kiến tạo hiện đại khu vực ven biển miền Trung Việt Nam và vai trò của nó đối với các tai biến thiên nhiên phục vụ dự báo và phòng tránh thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu"* mã số BĐKH.42 thuộc chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, do PGS.TS. Trần Thanh Hải làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 24 tháng (từ 1/2014 đến 12/2015), với tổng kinh phí thực hiện 7.200trđ.

Đề tài đã hoàn thành nhiệm vụ của năm 2014 theo kế hoạch được giao: đã tiến hành thực địa một số khu vực, thu thập số liệu và xử lý thông tin đều được tiến hành đồng bộ. Tiến hành xử lý số liệu và kiểm tra thực địa, xác định được nhiều yếu tố địa chất hiện đại tác động tới nền địa chất và tai biến ven biển ở miền Trung Việt Nam. Đã nhận dạng được nhiều dấu hiệu về chuyển động hiện đại của vỏ Trái đất tại một số khu vực để làm cơ sở cho việc nghiên cứu tiếp theo. Tổ chức hội thảo chuyên đề lần 1 để xin ý kiến các chuyên gia, tháng 1/2015.

I.1.2. Đề tài NCCB định hướng ứng dụng

- Đề tài *Nghiên cứu ứng dụng và phát triển mô hình phân tích, dự báo tai biến địa chất – kỹ thuật đối với công trình ngầm, công trình khai thác mỏ ở Việt Nam"* mã số ĐT.NCCB.ĐHUD.2011-G/13 do GS.TS. Nguyễn Quang Phích làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng, với tổng kinh phí là 4.100trđ (đề tài đã được cấp đủ kinh phí). Kết quả đã hoàn thành 105 chuyên đề theo đúng nội dung nghiên cứu. Công bố 3 bài báo và báo cáo khoa học; đào tạo được 2 thạc sỹ. Đề tài đang hoàn thiện báo cáo tổng kết, dự kiến sẽ bảo vệ cấp cơ sở vào tháng 4/2015.

- Đề tài *"Nghiên cứu xây dựng mô hình địa thống kê đánh giá tài nguyên khoáng mỏ khai thác lộ thiên"* mã số NCCB-ĐHUD.2012-G/01 do PGS.TS. Trương Xuân Luận chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (từ 12/2012 đến 12/2015), với tổng kinh phí là 2.900đ. Kết quả nghiên cứu của đề tài: đã xây dựng được cơ sở dữ liệu dạng Web; tiến hành 04 đợt thực địa tại Lào Cai; Thực hiện được 18 chuyên đề và tổ chức hội thảo chuyên đề tháng 12/2014.

I.1.3. Đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên

06 đề tài tiếp tục thực hiện trong năm 2014. Đến nay, kết quả nghiên cứu của các đề tài này đã công bố 04 bài báo quốc tế, 10 bài báo trong nước; 6 báo cáo khoa học tại hội nghị quốc tế và đào tạo được 13 thạc sỹ và đang hướng dẫn 3 NCS.

Đề tài mã số 105.01-2011.14 do TS. Ngô Xuân Thành làm chủ nhiệm hoàn thành các sản phẩm theo quy định của Quỹ, đã nộp hồ sơ cho quỹ Nafosted chờ nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; 03 đề tài khác chưa hoàn thành bài báo quốc tế ISI, đã làm thủ tục xin phép kéo dài thời gian thực hiện (mã số: 105.03-2011.23; 105.01-2011.18 và 105.03-2011-11). 02 đề tài mã số 105.01-2012.06 và 104.01-2012-24 đang thực hiện đúng tiến độ.

Đánh giá chung: Kết quả nghiên cứu của các đề tài được hỗ trợ từ quỹ Nafosted đã góp phần thúc đẩy hình thành và công bố nhiều bài báo trong và ngoài nước; góp phần tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, nâng cao trình độ cho cán bộ khoa học và đào tạo nhân lực trình độ cao cho các ngành địa chất, địa vật lý,.... Tuy nhiên, do đặc thù của loại hình nghiên cứu này, đòi hỏi các cán bộ khoa học phải có năng lực nghiên cứu thực sự mới có thể hình thành và thực hiện được sản phẩm chính mà Quỹ yêu cầu, đó là 02 bài báo công bố trên tạp chí trong danh mục ISI.

Từ năm 2009 đến năm 2014, nhà trường thực hiện 9 đề tài đề tài NCCB do quỹ Nafosted hỗ trợ kinh phí, các đề tài này tập trung chủ yếu ở Khoa Địa chất: 7 đề tài; Khoa Dầu khí: 1 đề tài và Khoa ĐHĐC: 1 đề tài.

I.1.4. Đề tài thuộc các chương trình trọng điểm Nhà nước do Bộ Công thương quản lý

Năm 2014, Nhà trường thực hiện 04 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước thuộc các chương trình trọng điểm do Bộ Công thương quản lý:

- Đề tài mã số ĐT.06.12/ĐMCNKK do PGS.TS. Trần Văn Thanh chủ nhiệm đã hoàn thành và được nghiệm thu cấp Nhà nước.

- Đề tài mã số ĐT.13.12/ĐMCNKK do TS. Nguyễn Anh Dũng chủ nhiệm và đề tài mã số ĐT.04.12/NLSH do TS. Tống Thị Thanh Hương chủ nhiệm đã có quyết định hội đồng nghiệm thu cấp Nhà nước, đang chờ nghiệm thu.

- Đề tài mã số ĐT.14.13/ĐMCNKK do TS. Triệu Hùng Trường đang triển khai thực hiện và kết thúc tháng 12/2015. Trong thời gian tới, chủ nhiệm đề tài cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, bổ sung chỉnh sửa các chuyên đề đã hoàn thành và thực hiện các nội dung còn lại, chuẩn bị tổng kết đề tài trong năm 2015.

I.1.5. Thực hiện nhiệm vụ HTNC theo Nghị định thư với nước ngoài

Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt – Pháp *"Nghiên cứu phát triển và ứng dụng phương pháp laser Lidar trong môi trường xon khí mỏ than"* do TS. Bùi Thị Thanh Lan làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 24 tháng (từ tháng 3/2011 - tháng 3/2013). Tổng kinh phí được cấp 3.000trđ (kinh phí đã cấp đủ). Đề tài đã nghiệm thu cấp cơ sở tháng 10/2014, chủ nhiệm đề tài đang hoàn thiện báo cáo và các sản phẩm đi kèm theo kết luận của Hội đồng cấp cơ sở và làm các thủ tục trình Bộ Khoa học và Công nghệ cho phép nghiệm thu cấp Nhà nước.

I.2. Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ

Năm 2014, Trường Đại học Mỏ - Địa chất được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao thực hiện 24 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ (01 chương trình; 21 đề tài và 01 nhiệm vụ an toàn lao động, 01 nhiệm vụ bảo vệ môi trường) với tổng kinh phí được cấp 4.019trđ và tiếp tục thực hiện 14 đề tài chuyển tiếp từ trước năm 2014 sang không còn kinh phí.

I.2.1. Chương trình KH & CN cấp Bộ

Chương trình KHCN cấp Bộ mã số CTB 2012-02 "*Nghiên cứu, đánh giá tổng hợp điều kiện địa chất công trình vùng ven biển Bắc Bộ phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, ứng phó với biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng*" do PGS.TS. Trần Đình Kiên làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (2011-2014), với kinh phí thực hiện chương trình là 6.000trđ (kinh phí cấp đến năm 2014: 3.640trđ). Do kinh phí cấp chưa đủ, là nguyên nhân chính dẫn đến một số nội dung của các đề tài thuộc chương trình chưa có kinh phí thực hiện. Ban chủ nhiệm chương trình điều hành các đề tài triển khai thống nhất, đồng bộ các nội dung nghiên cứu, đến nay chương trình đã tổ chức hội thảo lần thứ nhất và 3 đề tài đã tổ chức hội thảo để xin ý kiến của các chuyên gia, trên cơ sở đó các đề tài sẽ tiến hành bổ sung, chỉnh lý tài liệu. Khi được Bộ cấp tiếp kinh phí các đề tài sẽ tiến hành thực hiện các nội dung còn lại, đồng thời tổng hợp tài liệu và báo cáo tổng kết.

I.2.2. Đề tài KHCN cấp Bộ

- Đối với các đề tài cấp Bộ được giao năm 2014, đã triển khai thực hiện ngay sau khi được phê duyệt. Tuy nhiên, do kinh phí giao chậm và quá ít so với nhu cầu kế hoạch, nên đầu quý II năm 2014 các đề tài mới được nhận kinh phí để triển khai thực hiện nội dung nghiên cứu, điều này ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các đề tài chậm so với kế hoạch đặt ra. Mặc dù vậy, Nhà trường thường xuyên đôn đốc để các chủ nhiệm đề tài khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành khối lượng nhiệm vụ đặt ra theo đề cương đã được phê duyệt.

- 14 đề tài từ trước năm 2014 chuyển sang (không còn kinh phí), hiện đã có 12 đề tài được nghiệm thu cấp Bộ (10 tốt, 02 khá).

Ngoài ra, còn 02 đề tài cấp Bộ tồn đọng từ năm 2013 chuyển sang, Nhà trường yêu cầu chủ nhiệm các đề tài cần khẩn trương báo cáo tổng kết trong tháng 4/2015 *(đề tài B2010-02-90 do TS. Phạm Văn Tuấn chủ trì và B2010-02-105TĐ do PGS.TS. Trần Khánh chủ trì).*

I.2.3. Nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương với Ba Lan và Nhật Bản tiếp tục được thực hiện năm 2014, gồm:

- Nhiệm vụ "*Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường phóng xạ đối với con người do hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản chứa phóng xạ và đề xuất giải pháp phòng ngừa*" do GS.TS. Lê Khánh Phồn làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (1/2012 -12/2014). Tổng kinh phí 2.600 trđ, kinh phí cấp đến năm 2014 là 1.380trđ. Đề tài đã hoàn thành khối lượng chuyên môn theo kinh phí được cấp: 10 báo cáo chuyên đề, tổ chức 04 đợt khảo sát thực địa và gửi 100 mẫu môi trường sang Ba Lan để phân tích; làm tốt công tác hợp tác nghiên cứu với các nhà khoa học Ba Lan. Kết quả nghiên cứu của đề tài: có bài báo được chấp nhận đăng trong tạp chí quốc tế; 02 bài báo trong nước; 07 báo cáo khoa học tại hội nghị; 01 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn, 01 NCS làm luận án theo hướng đề tài.

- Nhiệm vụ "*Phát triển năng lực nghiên cứu đánh giá một số biến động môi trường điển hình phục vụ định hướng phát triển bền vững lưu vực sông Hồng phần lãnh thổ Việt Nam*" do TS. Lê Văn Hưng làm chủ nhiệm Thời gian thực hiện 36 tháng (1/2012 -12/2014). Tổng kinh phí 2.600 trđ, kinh phí cấp đến năm 2014 là 1.380trđ. Đề tài đã tiến hành được 6 đợt thực địa (lấy bổ sung trên 100 mẫu nước dọc theo sông Hồng, từ Lào Cai đến cửa sông Thái Bình và một số phụ lưu của Sông Hồng; lắp đặt trạm đo tự động thời tiết, trạm đo tự động áp lực không khí và nước trong lỗ khoan); khoan 3 lỗ khoan tại Bắc Ninh, Hà Nội và Lào Cai và hoàn thành các chuyên đề theo kinh phí được cấp; tổ chức hội thảo khoa học. Tổ chức đoàn các nhà khoa học trao đổi và học hỏi kinh nghiệm tại Nhật Bản.

Đánh giá chung:

Đối với chương trình và các đề tài, nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ đã thực hiện đúng nội dung và tiến độ đặt ra, đáp ứng đủ các chuyên đề theo kinh phí được cấp. Tuy nhiên, do kinh phí của nhà nước cấp cho chương trình và các đề tài kết thúc trong năm còn chậm, hoặc không đáp ứng đủ kinh phí, dẫn đến tình trạng các chủ nhiệm đề tài không thực hiện được các nội dung còn lại theo đúng kế hoạch được phê duyệt.

Đối với các đề tài hợp tác song phương, chủ nhiệm đề tài đã tổ chức triển khai ngay sau khi được phê duyệt, khắc phục khó khăn về tài chính, tìm kiếm thêm nguồn đầu tư từ đối tác đã triển khai có hiệu quả trong công tác NCKH và hợp tác quốc tế về khoa học.

Với sự điều hành, chỉ đạo của Ban Giám hiệu và đôn đốc, nhắc nhở của các đơn vị chức năng đã yêu cầu chủ nhiệm đề tài hết hạn nghiên cứu, tồn đọng từ những năm trước giải quyết dứt điểm.

I.3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Năm 2014, Trường Đại học Mỏ - Địa chất thực hiện 37 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở, 224 đề tài NCKH của sinh viên, tổ chức một số Hội thảo khoa học quốc tế và

hội thảo chuyên đề và thực hiện một số nhiệm vụ KHCN khác (hỗ trợ thông tin xuất bản, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, ...).

Đề tài NCKH cấp cơ sở chủ yếu được xây dựng trên kế hoạch phát triển khoa học - công nghệ và đào tạo của nhà trường, có xét ưu tiên cho các NCS, học viên cao học và cán bộ trẻ thực hiện. Đến nay, toàn bộ 37 đề tài được nghiệm thu (đạt 100%). Kết quả các đề tài xếp loại, gồm: Tốt:18; Khá: 10; Đạt: 09. Các đề tài này đã được thanh quyết toán tài chính theo đúng quy định của nhà nước.

Công tác quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nhà trường không ngừng đổi mới từ công tác xét duyệt đến tổ chức thực hiện và lập các Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu. Các công bố khoa học (bài báo, báo cáo khoa học, ...) là những tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại kết quả nghiên cứu của đề tài. Theo đó, chất lượng các đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nâng lên rõ rệt.

Những tồn tại và nguyên nhân:

Bên cạnh những thành tích đã đạt được kể trên, trong năm qua vẫn còn có những đề tài chưa hoàn thành nhiệm vụ (xem Bảng 1).

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng kéo dài, nhưng một số nguyên nhân chính đó là:

- Chủ nhiệm đề tài được giao giảng dạy quá nhiều và chưa có nhận thức đầy đủ trách nhiệm trong việc thực hiện đề tài;
- Chủ nhiệm đề tài kiêm nhiệm công tác quản lý (Phòng, Khoa) hoặc làm nghiên cứu sinh cho nên không dành nhiều thời gian cho việc thực hiện đề tài;

II. Hoạt động của các phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu

Hiện nay, Nhà trường có 05 phòng thí nghiệm được đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu đi vào hoạt động. Nhìn chung, hoạt động của các PTN vẫn chưa đạt được hiệu quả như mong muốn, một số trang thiết bị hỏng, cơ sở hạ tầng như hệ thống điện nước xuống cấp, hóa chất, một số linh kiện đi kèm chưa được bổ sung nên khả năng phục vụ nghiên cứu khoa học của các PTN này còn hạn chế.

Các phòng thí nghiệm này chủ yếu phục vụ cho sinh viên thực tập. Một số đề tài NCKH có sử dụng, nhưng còn hạn chế. Hiệu quả khai thác sử dụng phòng thí nghiệm còn thấp, chưa đáp ứng đúng mục tiêu của Bộ khi đầu tư phòng thí nghiệm nhằm phục vụ NCKH và đào tạo nhân lực có trình độ cao (NCS, học viên cao học).

Ngoài ra Phòng thí nghiệm Công nghệ Xây dựng mới bắt đầu được đầu tư một số ít trang thiết bị và Phòng thí nghiệm Khoa học Địa chất đang trong giai đoạn lắp đặt thiết bị và chuyển giao công nghệ sử dụng thiết bị nên chưa đi vào hoạt động.

III. Hoạt động chuyển giao Công nghệ, tư vấn, dịch vụ KHCN

Hoạt động NCKH- triển khai công nghệ được chia làm 2 hình thức: hợp đồng được ký kết trực tiếp về Trường và các hợp đồng được ký kết về các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc Trường (Trung tâm, Công ty).

III.1. Các hợp đồng ký về trường

Năm 2014, Trường tổ chức thực hiện cho 26 hợp đồng NCKH – triển khai công nghệ với tổng kinh phí quyết toán theo hợp đồng là 9.369,225trđ (giảm 18,3% so với năm 2013). Kinh phí đóng góp cho Trường từ các hợp đồng này là 462,574 trđ (giảm 35,2% so với năm 2013) (chi tiết xem Bảng 3).

Năm 2014, là năm tài chính khó khăn cho hoạt động NCKH- chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên thành tích như trên là kết quả đóng góp không nhỏ của các nhà khoa học đã chủ động liên kết mở rộng các hình thức ký kết hợp đồng NCKH – chuyển giao

công nghệ với các địa phương, doanh nghiệp từ các nguồn vốn khác nhau. Bên cạnh đó, nhà trường cũng chủ động tháo gỡ khó khăn trong công tác quyết toán tài chính, đáp ứng được yêu cầu về thủ tục tài chính đối với các đối tác.

Các hợp đồng được ký kết với các tỉnh (Tuyên Quang, Lào cai, Quảng Ninh, Hà Nội, Kon Tum, ...); hoặc các đơn vị như: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản, ... Các hợp đồng NCKH – triển khai công nghệ được ký về Trường chủ yếu do cán bộ của Khoa Địa chất, Khoa Dầu khí ký kết.

Bên cạnh những hợp đồng NCKH – triển khai công nghệ, năm qua đã có nhiều hợp đồng liên kết đào tạo cấp chứng chỉ cho các ngành nghề chuyên sâu của các khoa: Dầu khí, Giáo dục quốc phòng...

III.2. Hoạt động của các Trung tâm nghiên cứu, Công ty CODECO

III.2.1. Hoạt động của Công ty CODECO và các trung tâm nghiên cứu

Năm 2014, công ty CODECO và các trung tâm của Trường đã thực hiện 834 hợp đồng (giảm 13% so với 2013), với tổng kinh phí quyết toán 183.184,923trđ (tương đương với năm 2013). Tổng kinh phí đóng góp cho Trường theo quy định là 1,5% kinh phí thực hiện là 2.747,774trđ. Số tiền các đơn vị đã nộp cho Trường (kể cả số nợ tồn đọng trước năm 2013 tính đến 25/3/2015) là 2.510,348trđ (đạt 91,3% kinh phí phải nộp); nộp thuế cho Nhà nước 14.674,44trđ, (tương đương năm 2013) (chi tiết xem Bảng 4).

Đánh giá chung:

Kết quả hoạt động NCKH của các trung tâm nghiên cứu đã góp phần đưa các ứng dụng công nghệ mới trong các lĩnh vực thăm dò, khai thác, trắc địa – bản đồ, công nghệ thông tin phục vụ kịp thời cho các địa phương, doanh nghiệp trong công tác thăm dò, khảo sát, thiết kế tạo tiền đề cho công tác quy hoạch, hoạch định chính sách về quản lý tài nguyên khoáng sản và đất đai ở các địa phương.

Hoạt động nghiên cứu của các trung tâm đã tạo địa bàn thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp cho học viên, sinh viên của nhà trường. Trong thời gian tới, các Khoa, bộ môn và các trung tâm nghiên cứu cần phối hợp gắn kết chặt chẽ hơn nữa trong công tác NCKH - đào tạo thông qua các đề tài NCKH, hợp đồng chuyển giao công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có địa bàn thực tập, các tài liệu khoa học, các số liệu chuẩn xác nhất nhằm gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn. Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

III.2.2. Tình hình thực hiện Nghị định 115/2005/NĐ-CP và NĐ 80/NĐ-CP

Thực hiện công tác chuyển đổi các trung tâm theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP và chuyển đổi công ty theo Nghị định 80/2015/NĐ-CP, nhà trường đã thành lập Tổ Định giá tài sản của các trung tâm. Kết quả kiểm tra cho thấy phần lớn các trung tâm đã thực hiện công tác kê khai đánh giá tài sản của đơn vị mình đầy đủ, cụ thể, đáp ứng được yêu cầu của hồ sơ chuyển đổi mô hình hoạt động theo quy định. Sau gần 10 năm thực hiện công tác chuyển đổi theo yêu cầu của Nhà nước, đến tháng 5/2014, 07 trung tâm và Công ty Codeco đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép chuyển đổi. Ngay sau khi được Bộ cho phép chuyển đổi, các trung tâm, công ty Codeco đã khẩn trương hoàn thiện các thủ tục hành chính như xin cấp mới giấy phép hoạt động KHCN, khắc dấu mới, ...Công tác chuyển đổi của nhà trường cơ bản đã hoàn thành tạo động lực mới cho các trung tâm, công ty Codeco trong hoạt động NCKH – chuyển giao công nghệ. Sau khi được chuyển đổi một số trung tâm đã mở ra được nhiều hợp đồng theo hướng liên doanh liên kết với các tổng công ty, tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

IV. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên và thi Olympic

IV.1. Công tác NCKH sinh viên

Hội nghị KHSV Trường lần thứ 27 đã được triển khai ở 23 tiểu ban chuyên môn. Tại Hội nghị, có tổng số 224 đề tài được nghiệm thu và báo cáo với 767 sinh viên tham gia thực hiện dưới sự hướng dẫn của các thầy cô giáo thuộc các khoa chuyên môn trong toàn trường. Ban tổ chức HNKHSV lần thứ 27 đã thẩm định, đánh giá và lựa chọn được 54 đề tài đạt chất lượng, đề nghị Nhà trường khen thưởng, gồm: 23 đề tài đạt giải Nhất, 22 đề tài đạt giải Nhì và 9 đề tài đạt giải Ba.

Nhìn chung, kết quả thực hiện đề tài NCKH của sinh viên đã minh chứng cho kết quả học tập nghiên cứu và hình thành hướng đi trong NCKH của thế hệ trẻ trong tương lai. Nhà trường đã chọn các công trình NCKHSV có chất lượng để gửi đi dự giải *"Tài năng khoa học trẻ Việt Nam"*, kết quả có 04 công trình đạt giải, trong đó có 01 giải nhất, 01 giải ba và 02 giải khuyến khích).

IV.2. Kết quả kỳ thi Olympic cấp Trường và cấp Quốc gia

Trong kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2014 có 403 sinh viên của Trường tại các cơ sở đào tạo Hà Nội, Vũng Tàu tham dự (giảm 33,4% so với năm 2013). Ban tổ chức đã lựa chọn và đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng 86 giải: gồm 07 giải Nhất, 12 giải Nhì, 31 giải Ba và 36 giải Khuyến khích. Trên cơ sở kết quả của thi Olympic cấp Trường, Nhà trường đã thành lập 6 đội tuyển tham dự kỳ thi Olympic cấp quốc gia. Các đội tuyển đã được chuẩn bị kiến thức tương đối tốt, các sinh viên tham gia đội tuyển có tinh thần trách nhiệm cao. Kết quả của kỳ thi Olympic cấp quốc gia: môn Vật lý có 5 giải nhì và 2 giải khuyến khích); môn Toán có 2 giải nhì, 2 giải ba, 2 giải khuyến khích; môn Hóa có 4 giải nhì, 1 giải khuyến khích; đội Cơ học đạt 2 giải khuyến khích.

Đánh giá chung:

1. Thành công của HNKH sinh viên lần thứ 27 và thi Olympic trong năm 2014 là nhờ sự quan tâm sâu sát của lãnh đạo Nhà trường, sự chủ động phối hợp giữa các đơn vị trong Trường tạo điều kiện cho sinh viên tự tin, hăng hái tham gia.

2. Việc đầu tư, định hướng các đề tài, hỗ trợ tinh thần vật chất của các thầy cô giáo cho sinh viên đã góp phần không nhỏ vào thành công của hoạt động NCKH và thi Olympic và mang lại ý nghĩa thiết thực cho việc nâng cao chất lượng phục vụ đào tạo và NCKH của sinh viên.

Kiến nghị:

- Các thầy cô giáo, bộ môn và khoa chuyên môn cần nhận thức cao hơn nữa trách nhiệm trong việc lựa chọn, xét duyệt đề tài và hướng dẫn sinh viên NCKH. Nhà trường cần đầu tư nhiều hơn cho các công trình tham dự giải *"Tài năng khoa học trẻ Việt Nam"*;

- Bộ môn có môn thi Olympic Quốc gia hàng năm cần đầu tư thỏa đáng về công tác huấn luyện đội tuyển tạo, điều kiện và trang bị cho các em có đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết tham dự giải.

V. Công tác thông tin xuất bản và hội thảo khoa học

Hoạt động thông tin khoa học năm 2014 của Nhà trường đã đạt được kết quả như sau:

V.1. Về tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học

1- Đã tổ chức thành công Hội nghị Khoa học Trường lần thứ 21 (tháng 11/2014)

2- Đã tổ chức thành công Hội nghị Khoa học sinh viên lần thứ 27 (tháng 5/2014)

2- Đã tổ chức thành công 02 Hội thảo khoa học và một số Hội thảo chuyên đề, gồm:

1) Hội thảo khoa học *"Gắn kết nghiên cứu khoa học cơ bản với các lĩnh vực Mỏ, Địa chất, Dầu khí và Môi trường"* được tổ chức vào ngày 12 tháng 12 năm 2014, Khoa ĐHĐC chủ trì thực hiện.

2) Hội thảo quốc tế *"Những tiến bộ trong khai thác mỏ và xây dựng trong công trình ngầm"* được tổ chức từ ngày 21/10 đến ngày 22/10/2014 tổ chức tại Vũng Tàu, Khoa Mỏ chủ trì thực hiện.

Đánh giá chung: Các hội nghị, hội thảo đều được chuẩn bị công phu, nghiêm túc và tổ chức chu đáo. Thông qua hội thảo, các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cán bộ trẻ của nhà trường có thêm nhiều cơ hội tiếp xúc giao lưu với các nhà khoa học trong và ngoài nước để học hỏi, trao đổi chuyên môn, ngoại ngữ và kinh nghiệm trong NCKH và quản lý; đồng thời góp phần trao đổi, hợp tác quốc tế về KHCN cũng như đào tạo sau đại học.

V.2. Về công tác xuất bản tài liệu KHCN

Năm 2014, công tác biên tập và xuất bản vẫn được duy trì và thực hiện tốt, luôn tuân thủ qui chế biên tập, chú trọng nâng cao chất lượng, nội dung và đảm bảo về hình thức.

1- Về Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất

Trong năm 2014 đã biên tập và xuất bản 4 số Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất (3 số thường kỳ và 1 số chuyên đề) với tổng số 64 bài báo khoa học. Mục lục các số Tạp chí (từ số 45 đến số 48) đều được phân theo các chuyên đề (chuyên mục).

Từ các kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH – chuyển giao công nghệ, các nhà khoa học đã công bố công trình khoa học trên các tạp chí, tài liệu khoa học trong và ngoài nước. Số bài báo công bố trên tạp chí quốc tế là 27 bài (tăng 9 bài so với năm 2013); số bài báo trong nước: 148 bài (giảm 15 bài so với năm 2013) (xem Bảng 5).

Bảng 5. Tổng hợp số lượng bài báo, báo cáo khoa học của các Khoa năm 2014

(theo số liệu báo cáo của các Khoa)

TT	Khoa	Bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế	Bài báo đăng trên các tạp chí trong nước	Báo cáo Hội thảo, Hội nghị trong và ngoài nước
1	Cơ – Điện	1	14	13
2	CNTT	1	4	20
3	Dầu khí	4	14	34
4	Địa chất	9	20	44
5	Đại học Đại cương	5	7	43
6	GDQP			6
7	Kinh tế - QTKD		15	50
8	Lý luận chính trị			15
9	Mỏ	2	11	31
10	Xây dựng		7	45
11	Trắc địa	5	44	55
12	Môi trường	1	12	26
	Cộng	**27** +1=28	**148** +5=153	**382**

*(tên bài báo, báo cáo khoa học; tên tác giả, ... xem chi tiết trên **Web: www.humg.edu.vn/vi//khcn**)*

Năm 2014, nhà trường đã hỗ trợ kinh phí cho 15 bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín theo quy định của nhà trường (2trđ/bài với tác giả chính và 0,5trđ/bài với tác giả tham gia).

2- Về Tuyển tập Công trình khoa học sinh viên

Ban biên tập đã lựa chọn và cho đăng 31 báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên đã đạt giải tại HNKH sinh viên lần thứ 27. Xuất bản 300 cuốn, mỗi cuốn 180 trang khổ (19x27)cm.

3- Về tài liệu các Hội thảo khoa học

Công tác biên tập và xuất bản các báo cáo khoa học phục vụ Hội nghị Khoa học Trường, các Hội thảo Khoa học Quốc tế cũng như các Hội thảo chuyên đề, được giao cho Ban Tổ chức hoặc các Khoa chuyên môn đăng cai hội thảo đảm nhận.

Nhìn chung, công tác biên tập đều được thực hiện khá nghiêm túc, đảm bảo chất lượng nội dung và hình thức phù hợp với qui mô, tính chất của từng hội nghị, hội thảo.

VI. Hoạt động quản lý KHCN

Công tác quản lý các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ của Trường luôn được phòng KHCN và các phòng chức năng liên quan tổ chức quản lý chặt chẽ, tuân thủ các văn bản pháp quy, quy chế nội bộ.

Phòng KHCN thường xuyên theo dõi tiến độ, đôn đốc các chủ nhiệm đề tài, dự án triển khai nhiệm vụ theo các hợp đồng và đề cương nghiên cứu. Hướng dẫn kịp thời các chủ nhiệm đề tài báo cáo và thực hiện kế hoạch chi tiêu theo các quy định. Tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả các đề tài hoàn thành. Kịp thời triển khai tổ chức đăng ký các đề tài mới và xây dựng kế hoạch KHCN của Trường.

Đến Quý I/2015, các đề tài các cấp đều đã hoàn thành việc quyết toán kinh phí năm 2014. Số lượng đề tài, dự án NCKH các cấp được thực hiện và đã quyết toán kinh phí từ NSNN năm 2014 (xem bảng 2).

VII. Đánh giá chung

VII.1. Những ưu điểm, thành tích nổi bật

- Cùng với những Quy định, Thông tư của Nhà nước, của các Bộ ngành, nhà trường đã ban hành Quy định số 487/QĐ-MĐC ngày 08/5/2014 là cơ sở hành lang pháp lý cho công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Công tác quản lý hoạt động khoa học của nhà trường nhiều năm nay đã đi vào nề nếp, góp phần cho việc quản lý hoạt động KHCN ngày càng thuận lợi và nâng cao về chất lượng.

VII.2. Một số tồn tại, hạn chế

- Hoạt động quản lý của các đơn vị (khoa, bộ môn chủ quản) đối với các đề tài, dự án NCKH, các hợp đồng triển khai công nghệ phục vụ sản xuất chưa được quan tâm đúng mức; thiếu sự kiểm tra đôn đốc sát sao việc thực hiện đề tài, dự án, hợp đồng NCKH của cán bộ thuộc đơn vị quản lý.

- Việc quản lý các phòng thí nghiệm từ các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu và quản lý công sản của một số đơn vị còn lỏng lẻo. Nhà trường chưa có Quy chế tổ chức và hoạt động các phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu này.

- Việc đôn đốc, kiểm tra định kỳ các đề tài, nhiệm vụ các cấp còn chưa kịp thời.

- Việc triển khai làm việc nhóm của các đề tài còn hạn chế, chưa tự chủ trong công tác chuyên môn cũng như tài chính.

- Mối liên kết giữa nghiên cứu và đào tạo, giữa nghiên cứu với các doanh nghiệp, các địa phương còn hạn chế.

- Tiềm lực khoa học và trình độ Khoa học và Công nghệ, đội ngũ chuyên gia, cán bộ khoa học chưa đồng đều ở các ngành chuyên môn, dẫn đến tình trạng hoạt động khoa

học ở một số khoa, bộ môn còn yếu kém và rời rạc, chất lượng chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Do tính chất đặc thù về sản phẩm KHCN cùng với lực lượng cán bộ trẻ còn ít được chủ trì các đề tài lớn, nên năm 2014 Trường ta chưa có công trình NCKH tham dự "*Tài năng khoa học trẻ Việt Nam*" giành cho giảng viên trẻ tuổi dưới 35.

Một số giải pháp:

- Bổ sung, chỉnh sửa và ban hành quy định về quản lý hoạt động KH & CN để phù hợp các văn bản pháp quy hiện hành.
- Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động các phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu.
- Có chiến lược, cơ chế đầu tư thích đáng cho công tác đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu trong các lĩnh vực chủ đạo của Nhà trong thời gian tới.
- Xây dựng cơ chế đầu tư cho các công trình NCKH sinh viên và NCKH của giảng viên trẻ có năng lực nghiên cứu, để có các công trình, sản phẩm NCKH có chất lượng tham dự các giải thưởng của Bộ, của Nhà nước.
- Khen thưởng xứng đáng đối với các nhà khoa học tâm huyết, các cán bộ khoa học có bài báo đăng trên tạp chí trong danh mục ISI.

Phần thứ hai
TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2015

Năm 2015, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường vẫn tiếp tục bám sát các hướng hoạt động KHCN đã được nêu trong kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2011-2015:

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình, các đề tài NCKH các cấp đã được phê duyệt.
- Tập trung xây dựng các chương trình, đề tài KHCN mang tính liên ngành để tập hợp đông đảo các nhà khoa học trong trường cùng giải quyết về các lĩnh vực mang tính chất chuyên ngành Khoa học Trái đất – Mỏ. Tăng cường gắn kết hợp tác quốc tế trong hoạt động KHCN nhất là NCKH – chuyển giao công nghệ.
- Tham gia tích cực vào các chương trình trọng điểm của Nhà nước, Bộ, Ngành; xây dựng các đề tài NCCB trong KHTN và NCCB định hướng ứng dụng theo quỹ Nafosted.
-Tăng cường xây dựng các đề tài phục vụ các doanh nghiệp, địa phương, liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, viện nghiên cứu dựa trên năng lực, thế mạnh về các khoa học trái đất và mỏ của các nhà khoa học.
- Tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội thảo quốc tế để cho các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi, thảo luận về chuyên môn cũng như nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhằm nâng cao vai trò, vị thế của nhà trường.
- Nâng cao chất lượng của Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất, thí điểm xuất bản 1 số của tạp chí bằng tiếng Anh trong năm 2015.
- Đầu tư, đẩy mạnh hơn nữa công tác NCKH của giảng viên trẻ và của sinh viên. Định hướng các hướng nghiên cứu là thế mạnh của trường và nhu cầu cấp bách của xã hội để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, cũng như tạo ra thương hiệu của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Các nhiệm vụ KHCN năm 2015, cụ thể:

1. Các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước:

Tiếp tục thực hiện 12 đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước, gồm:

+ 02 đề tài thuộc chương trình trọng điểm mã số KC.08.06/11-15 và chương trình biến đổi khí hậu mã số BĐKH.42;

+ 01 đề tài NCCB định hướng ứng dụng;

+ 05 đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên;

+ Ký hợp đồng thực hiện 03 đề tài NCCB trong KHTN giao thực hiện từ năm 2015;

+ 01 đề tài KH & CN thuộc các chương trình trọng điểm do Bộ Công thương quản lý.

** Hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài*

Xây dựng các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư, hợp tác song phương với các nước: Nhật Bản, Đức, Ba Lan…

2. Các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ:

- Triển khai thực hiện các đề tài thuộc chương trình cấp Bộ;
- Tiếp tục triển khai thực hiện 06 đề tài cấp Bộ chuyển tiếp từ 2014 và đôn đốc hoàn thành dứt điểm các đề tài hết hạn nghiên cứu;
- Tiếp tục triển khai thực hiện 02 nhiệm vụ hợp tác NCKH song phương với Nhật Bản và Ba Lan;
- Tổ chức ký hợp đồng, kịp thời triển khai thực hiện 05 đề tài mới được giao năm 2015;
- Tiếp tục thực hiện dự án tăng cường năng lực nghiên cứu cho phòng thí nghiệm của khoa Xây dựng.

3. Các nhiệm vụ NCKH – triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ NCKH - triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp, gồm:

1. Đề tài: "*Nghiên cứu đánh giá tiềm năng đá mỹ nghệ tỉnh Kon Tum phục vụ quy hoạch thăm dò, khai thác*" do UBND tỉnh Kon Tum đặt hàng, PGS.TS. Nguyễn Khắc Giảng làm chủ nhiệm.

2. Đề tài "*Nghiên cứu bổ sung hoàn thiện bản đồ địa chất khoáng sản tỉ lệ 1:50.000 thành phố Hà Nội phục vụ quy hoạch đô thị và phát triển bền vững*" do Sở KHCN TP. Hà Nội đặt hàng, TS. Hoàng Văn Long làm chủ nhiệm.

3. Đề tài "*Nghiên cứu ứng dụng công nghệ LiDAR để quan trắc môi trường bụi không khí tỉnh Quảng Ninh*" do Sở KHCN tỉnh Quảng Ninh đặt hàng, TS. Bùi Thị Thanh Lan làm chủ nhiệm.

4. Dự án "*Ô nhiễm asen trong nước ngầm tại các vùng đồng bằng bồi tích ở Đông Nam Á"* phối hợp với Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG HN thực hiện, do PGS.TS. Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV) làm chủ nhiệm.

4. Các nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở

- Tổ chức triển khai thực hiện 42 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở;
- Tiếp tục thực hiện 153 đề tài NCKH sinh viên.

5. Các nhiệm vụ KHCN khác

- Tổ chức biên tập, xuất bản định kỳ 04 số Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất và 01 số tạp chí bằng tiếng Anh. Kiện toàn bộ máy Ban Biên tập và Hội đồng Biên tập Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất; Hoàn thành văn bản hướng dẫn chi tiết việc viết bài báo theo tiêu chuẩn quốc tế;
- Hoàn thiện phần mềm website quản lý Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất;
- Tổ chức Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 28 (5/2015) và biên tập, xuất bản tuyển tập các công trình NCKH sinh viên năm 2015;

- Tổ chức các đội tuyển tham dự Olympic quốc gia năm 2015 các môn Toán, Vật lý, Cơ học;

- Tổ chức các hội thảo quốc tế và các hội thảo chuyên đề;

- Thực hiện các hoạt động KHCN khác.

6. Nhiệm vụ quản lý KHCN

- Chỉnh sửa, bổ sung Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất cho phù hợp với các văn bản pháp quy của nhà nước mới ban hành.

- Tập trung xây dựng phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ KHCN chủ yếu giai đoạn 2016-2020 của nhà trường.

- Xây dựng cơ sở pháp lý và tổ chức bộ máy để quản lý và chuyển giao sản phẩm NCKH.

- Tổng kết hoạt động KHCN giai đoạn 2011-2015 và xây dựng kế hoạch KHCN giai đoạn 2016-2020.

- Hoàn thiện, ban hành Quy chế quản lý các phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu.

- Triển khai thực hiện quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN của Trường theo Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 5/10/2014 của Chính phủ.

Trong năm 2014, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã giành được những kết quả đáng khích lệ trong hoạt động KHCN. Những kết quả này đã khẳng định vai trò, vị trí của hoạt động KHCN trong nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, góp phần xứng đáng vào sự phát triển của Trường. Những kết quả đạt được xuất phát từ tinh thần đoàn kết của cán bộ viên chức và sinh viên trong toàn trường dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhà trường. Ngoài sự nỗ lực của Trường, chúng ta còn nhận được sự quan tâm giúp đỡ có hiệu quả của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, của các Bộ, Ngành Trung ương, của các cơ quan và địa phương trong cả nước.

Thay mặt Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường, tôi xin chân thành cảm ơn các nhà khoa học, các thầy cô giáo, các nhà quản lý cùng toàn thể CBVC và sinh viên trong toàn trường đã vượt mọi khó khăn, đồng tâm hiệp lực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Xin chân thành cảm ơn Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Khoa học & Công nghệ đã quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi để Nhà trường hoàn thành nhiệm vụ năm 2014.

Năm 2015 là năm kết thúc của kế hoạch 5 năm (2011-2015), nhiệm vụ KHCN của Trường rất nặng nề, nhưng với truyền thống đoàn kết của đội ngũ cán bộ viên chức trong toàn Trường và tiềm năng chất xám của đội ngũ cán bộ khoa học của Trường, với mối quan hệ rộng rãi của Trường với các cơ quan và địa phương trong cả nước, tin tưởng rằng Trường ta sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ KHCN năm 2015 để chuẩn bị bước vào kế hoạch 5 năm (2016-2020) và chào mừng Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Mỏ - Địa chất lần thứ 19.

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

Bảng 1. Danh mục đề tài, dự án NCKH các cấp thực hiện năm 2014

(tính đến tháng 25/3/2015)

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
			Nhà nước	Bộ	Trường	
I.	***Khoa Công nghệ thông tin 06 đề tài*** (01 đề tài cấp Nhà nước + 01 đề tài cấp Bộ+ 04 đề tài cấp cơ sở)					
1	Lê Văn Hưng	CN phần mềm		02/2012/HĐ-HTQTSP		Đang thực hiện
2	Trương Xuân Luận		NCCB-ĐHUD.2012-G/01			Đang thực hiện
3	Dương Thị Hiền Thanh	Tin học Kinh tế			T14-13	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
4	Đoàn Khánh Hoàng	Tin học Trắc địa			T14-14	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
5	Đặng Văn Nam	Tin học mỏ			T14-15	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
6	Trần Trung Chuyên	Tin học Trắc địa			T14-37	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
II	***Khoa Cơ điện 01 đề tài*** (01 đề tài cấp cơ sở)					
7	Nguyễn Thạc Khánh	KTĐ – Điện tử			T14-23	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
III	***Khoa Dầu khí 15 đề tài*** (03 đề tài cấp Nhà nước+08 đề tài cấp Bộ + 04 đề tài cấp cơ sở)					
8	Phạm Văn Tuấn	Địa chất dầu		B2010-02-90		Quá hạn 36 tháng
9	Lê Khánh Phồn	Địa vật lý		01/2012/HĐ-HTQTSP		Đang thực hiện
10	Tống Thị Thanh Hương	Lọc – Hóa dầu	ĐT.04.12/NLSH			Đã có QĐ HĐ nghiệm thu cấp NN
11	Nguyễn Anh Dũng	Lọc – Hóa dầu	ĐT.13.12/ĐMCNKK			Đã có QĐ HĐ nghiệm thu cấp NN
12	Triệu Hùng Trường	Thiết bị DK và CT	ĐT.14.13/ĐMCNKK			Đang thực hiện
13	Trần Đình Kiên	Khoan – Khai thác		CTB-2012-02		Đang thực hiện
14	Bùi Thị Lệ Thủy	Lọc – Hóa dầu		B2012-02-10		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
15	Phạm Xuân Núi	Lọc – Hóa dầu		B2012-02-09		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
16	Lê Hải An	Địa vật lý		B2012-02-05		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
17				B2014-02-19		Đang thực hiện
18	Phan Thiên Hương	Địa vật lý		B2013-02-12		Đang thực hiện
19	Hồ Văn Sơn	Lọc hóa dầu			T14-17	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
20	Nguyễn Khắc Long	Khoan Khai thác			T14-18	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
21	Lê Ngọc Ánh	Địa chất dầu khí			T14-21	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
22	Hoàng Anh Dũng	Thiết bị DK & CT			T14-22	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
IV.	***Khoa Địa chất 28 đề tài*** (07 đề tài cấp Nhà nước +13 đề tài cấp Bộ+08 đề tài cấp cơ sở)					
23	Nguyễn Quang Luật	Khoáng sản		B2011-02-03		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
24				B2014-02-33NV		Đang thực hiện
25	Đoàn Văn Cánh	Địa chất thủy văn	KC.08-06/11-15			Đang thực hiện
26	Trần Thanh Hải	Địa chất	BĐKH.42			Đang thực hiện

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
			Nhà nước	Bộ	Trường	
27	Nguyễn Bách Thảo	Địa chất thủy văn		B2010-02-84		Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
28	Lê Trọng Thắng	Địa chất công trình		B2012-02-07		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
29	Lê Tiến Dũng	Khoáng thạch		CTB-2012-02-01		Đang thực hiện
30	Tô Xuân Vu	Địa chất công trình		CTB-2012-02-02		Đang thực hiện
31	Nguyễn Văn Phóng	Địa chất công trình		CTB-2012-02-03		Đang thực hiện
32	Nguyễn Văn Lâm	Địa chất thủy văn		CTB-2012-02-04		Đang thực hiện
33	Trần Bình Chư	Khoáng sản		CTB-2012-02-05		Đang thực hiện
34	Đỗ Minh Toàn	Địa chất công trình		CTB-2012-02-07		Đang thực hiện
35	Nguyễn Huy Phương	Địa chất công trình		CTB-2012-02-06		Đang thực hiện
36	Hoàng Văn Long	Địa chất biển	105.01.2011.18			Đang thực hiện
37					T14-31	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
38	Bùi Hoàng Bắc	Tìm kiếm thăm dò	105.03.2011.11			Đang thực hiện
39					T14-32	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
40	Ngô Xuân Thành	Địa chất	105.01.2011.14			Đã nộp hồ sơ nghiệm thu
41					T14-33	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
42	Phạm Trung Hiếu	Khoáng thạch	105.03.2011.23			Đang thực hiện
43	Trần Mỹ Dũng	Địa chất	105.01.2012.06			Đang thực hiện
44	Phạm Thị Vân Anh	Khoáng thạch		B2013-02-13		Đang thực hiện
45	Lê Thị Thu	Khoáng sản		B2013-02-14		Đang thực hiện
46	Dương Văn Bình	Địa chất công trình			T14-19	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
47	Bùi Văn Bình	Địa chất công trình			T14-29	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
48	Hoàng Văn Hoan	Địa chất thủy văn			T14-30	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
49	Nguyễn Thị Thanh Thảo	NLK			T14-34	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
50	Hoàng Thị Thoa	Khoáng sản			T14-35	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
V.	***Khoa Đại học đại cương 11 đề tài*** (02 nhiệm vụ cấp nhà nước +01 đề tài cấp Bộ + 08 đề tài cấp cơ sở)					
51	Bùi Thị Thanh Lan	Vật lý	14/2011/HĐ.NĐT			Quá hạn *(đã nghiệm thu cấp cơ sở)*
52	Vũ Kim Thư	Hóa	104.01.2012.24			Đang thực hiện
53	Vũ Thị Minh Hồng	Hóa		B2014-02-16		Đang thực hiện
54	Nguyễn Trường Thanh	Toán			T14-01	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
55	Nguyễn Thị Hằng	Toán			T14-02	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
56	Nguyễn Mạnh Hùng	Vật lý			T14-03	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
			Nhà nước	Bộ	Trường	
57	Đào Việt Thắng	Vật lý			T14-04	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
58	Trần Thị Hà	Vật lý			T14-05	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
59	Hà Mạnh Hùng	Hóa học			T14-06	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
60	Lê Viết Tuấn	Giáo dục thể chất			T14-07	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
61	Đỗ Kim Phương	Ngoại ngữ			T14-08	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
VI.	***Khoa Mỏ 07 đề tài*** (01 đề tài Nhà nước + 04 đề tài cấp Bộ+ 02 đề tài cấp cơ sở)					
62	Trần Văn Thanh	Khai thác hầm lò	ĐT.06.12/ĐMCNKK			Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
63	Đặng Vũ Chí	Khai thác hầm lò		B2010-02-85		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
64	Bùi Xuân Nam	Khai thác lộ thiên		B2013-02-04ATLĐ		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
65	Vũ Đình Hiếu	Khai thác lộ thiên		B2014-02-05ATLĐ		Đã nghiệm thu cấp cơ sở
66	Phạm Văn Luận	Tuyển khoáng		B2014-02-17		Đang thực hiện
67	Nguyễn Ngọc Phú	Tuyển khoáng			T14-24	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
68	Nguyễn Văn Thịnh	Khai thác hầm lò			T14-25	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
VII	***Khoa Môi trường 07 đề tài*** (06 đề tài cấp Bộ + 01 đề tài cấp cơ sở)					
69	Đỗ Văn Bình	Địa sinh thái		B2010-02-107TĐ		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
70				B2011-07MT		Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
71	Nguyễn Phương	Môi trường cơ sở		B2013-02-15		Đang thực hiện
72				B2014-02-01MT		Đang thực hiện
73	Nguyễn Văn Dũng	Môi trường cơ sở		B2013-01MT		Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
74	Trần Thị Thu Hương	ĐST & CNMT			T14-26	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
75	Nguyễn Quốc Phi	Môi trường cơ sở		B2014-02-21		Đang thực hiện
VIII	***Khoa Trắc địa 08 đề tài*** (05 đề tài cấp Bộ+ 03 đề tài cấp cơ sở)					
76	Trần Khánh	Trắc địa công trình		B2010-02-105TĐ		Quá hạn 36 tháng
77	Nguyễn Quang Minh	Trắc địa phổ thông		B2012-02-06		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
78	Dương Vân Phong	Trắc địa cao cấp		B2012-02-08		Đã quá hạn
79	Trần Thùy Dương	Địa chính		B2013-02-11		Đang thực hiện
80	Nguyễn Văn Sáng	Trắc địa cao cấp		B2014-02-18		Đang thực hiện
81	Lê Thanh Nghị	Đo ảnh viễn thám			T14-10	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
82	Nguyễn Thế Công	Địa chính			T14-27	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
83	Bùi Khắc Luyên	Trắc địa cao cấp			T14-36	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
IX	***Khoa Xây dựng 02 đề tài*** (01 đề tài Nhà nước+01 đề tài cấp cơ sở)					
84	Nguyễn Quang Phích	XDCTN&Mỏ	NCCB-ĐHUD.2011-G/13			Đang tổng kết

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
			Nhà nước	Bộ	Trường	
85	Nguyễn Trọng Dũng	Hạ tầng cơ sở			T14-28	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
X	***Khoa Kinh tế và QTKD 02 đề tài*** (02 đề tài cấp cơ sở)					
86	Lê Đình Chiều	QTDN Mỏ			T14-11	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
87	Lê Thị Thu Hường	QTDN Mỏ			T14-12	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
XI	***Khoa Lý luận chính trị 01 đề tài*** (01 đề tài cấp cơ sở)					
88	Trần Thị Phúc An	Tư tưởng HCM			T14-09	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
XII	***Các đơn vị khác*** (02 đề tài cấp cơ sở)					
89	Trần Bắc Bộ	Khoa GDQP			T14-16	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
90	Ngô Thái Vinh	Khoa Tại chức			T14-20	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá

Tổng cộng: **90 đề tài,** trong đó:

- Cấp Nhà nước: 15 (*02 đề tài thuộc chương trình; 02 NCCB ĐHƯD; 06 NCCB; 01 NĐT; 04 đề tài Công thương)*
- Cấp Bộ: 38 (*01 chương trình, 24 đề tài, nhiệm vụ được cấp kinh phí 2014; 14 đề tài chuyển từ các năm trước sang không còn kinh phí 2014).*
- Cấp cơ sở: 37 đề tài

Bảng 2. Số lượng đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp cơ sở được thực hiện và kinh phí được quyết toán năm 2014

(Phân theo các Khoa trong toàn Trường)

TT	Đơn vị quản lý đề tài, nhiệm vụ	Nhiệm vụ cấp Nhà nước *(số lượng/tổng kinh phí (trđ))*					Nhiệm vụ cấp Bộ *(số lượng/tổng kinh phí (trđ))*			Đề tài cấp Cơ sở *(số lượng/tổng kinh phí (trđ))*	Ghi chú
		Chương trình KHCN	*Đề tài Bộ Công thương QL*	*NCCB định hướng ƯD*	*NCCB trong KHTN*	*NĐT*	*Chương trình KHCN*	*Đề tài, nhiệm vụ*	*Nhiệm vụ HT song phương*		
1	Khoa Đại học đại cương				1/215,3	1/0		1/75		8/136	
2	Khoa Mỏ		1/600					2/575		2/70	
3	Khoa Địa chất	2/3873			5/780,9			10/1.360		8/265	
4	Khoa Dầu khí		3/682				1/139	3/304	1/380	4/110	
5	Khoa Trắc địa							2/237		3/102	
6	Khoa Cơ - Điện									1/35	
7	Khoa Môi trường							3/569		1/35	
8	Khoa Xây dựng			1/0						1/30	
9	Khoa KTế-QTKD									2/27	
10	Khoa Lý luận chính trị									1/12	
11	Khoa CNTT			1/2202					1/380	4/42	
12	Đơn vị khác									2/32	
Tổng cộng		2/3873	4/1282	2/2202	6/996,2	1/0	1/139	21/3.120	2/760	37/896*	

Ghi chú: (*): 896 trđ: trong đó 800trđ từ NSKHCN và 96trđ từ nguồn khác

Bảng 3. Tình hình quyết toán các hợp đồng NCKH - triển khai công nghệ ký về Trường

(tính đến 3/2015 - theo số liệu quyết toán của Phòng Tài vụ)

TT	Mã số	Tên hợp đồng; thời gian thực hiện	Chủ nhiệm	Tổng kinh phí (đ)	Kinh phí đến 2014 (đ)	KP quyết toán 2014 (đ)	KP đóng góp cho Trường năm 2014 (đ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I		**Khoa Địa chất**		**10 242 198 685**	**4 211 211 078**	**4 211 211 078**	**198 595 905**
1	555ĐC/HĐ12	Điều tra đánh giá tổng hợp điều kiện địa chất tự nhiên, môi trường khu vực Cồn Nổi và vùng đất ngập nước ven	Lê Tiến Dũng	930 000 000	500 000 000	500 000 000	**25 000 000**
2	557ĐC/HĐ12	Đặc điểm phân bố hàm lượng flo cao trong nước ngầm khu vực huyện Đồng Xuân (Phú Yên) Việt Nam; đánh giá các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe con người (2012-2014)	Nguyễn Khắc Giảng	200 000 000	200 000 000	200 000 000	12 000 000
3	561ĐC/HĐ13	Nghiên cứu bổ sung hoàn thiện bản đồ địa chất - khoáng sản tỉ lệ 1:50.000 thành phố Hà Nội phục vụ quy hoạch đô thị và phát triển bền vững	Hoàng Văn Long	2 250 000 000			
4	562ĐC/HĐ14	Nghiên cứu đánh giá địa chất và thảm động thực vật núi Khe Pậu, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang nhằm phục vụ phát triển kinh tế du lịch	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	419 878 078	418 878 078	418 878 078	20 940 905
5	563ĐC/HĐ14	Nghiên cứu đánh giá tiềm năng đá mỹ nghệ tỉnh Kon Tum phục vụ quy hoạch thăm dò, khai thác	Nguyễn Khắc Giảng	662 875 064	300 000 000	300 000 000	15 000 000
6	564ĐC/HĐ14	Dự án "Ô nhiễm asen trong nước ngầm tại các vùng đồng bằng bồi tích ở Đông Nam Á"	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2 107 564 543			
7	565ĐC/HĐ14	Thành lập bản dồ cấu trúc - kiến tạo tỉ lệ 1:200.000 thuộc đề án "đánh giá tiềm năng tài nguyên urani Việt Nam" năm 2014	Trần Thanh Hải	2 925 301 000	2 792 333 000	2792 333 000	125 655 000
8	566ĐC/HĐ14	Thành lập bản đồ vỏ phong hóa vùng miền núi các tỉnh Lào Cai, Yên Bái tỉ lệ 1:50.000 thuộc đề án "Điều tra, đánh giá và phân vùng cảnh báo nguy cơ trượt lở đất, đá	Nguyễn Khắc Giảng	746 580 000			
II		**Khoa Dầu khí**		**6 609 074 402**	**4 188 619 500**	**4 188 619 500**	**191 249 600**

9	75DK/HĐ13	Nghiên cứu đặc điểm trầm tích và đánh giá chất lượng đá chứa cacbonnat tuổi Miocen khu vực Phú Khánh	Lê Hải An	2 161 275 402			
10	76DK/HĐ13	Nghiên cứu địa chấn địa tầng phân tập cho các lô Champasak và Saravan -CHDCND Lào	Nguyễn Thị Minh Hồng	897 750 000	901 661 625	901 661 625	40 573 000
11	77DK/HĐ13	Cung cấp dịch vụ nghiên cứu địa tầng phân tập và môi trường trầm tích cho lô M-2 thềm lục địa Myarmar	Nguyễn Thị Minh Hồng	1 894 830 000	1 903 507 875	1903 507 875	85 653 000
12	78DK/HĐ13	Hợp đồng đào tạo bồi dưỡng nâng cao	Lê Hải An	106 239 000			
13	79DK/HĐ13	Đào tạo khóa học Dầu khí đại cương	Lê Hải An	41 850 000			
14	81DK/HĐ14	Cung cấp dịch vụ nghiên cứu môi trường và địa tầng phân tập cho các lô Champasak và Saravan, CHDCND Lào	Nguyễn Thị Minh Hồng	693 500 000	693 500 000	693 500 000	31 207 000
15	82DK/HĐ15	Hợp đồng phân tích mẫu	Phạm Văn Tuấn	123 680 000			
16	01/2014/HĐ-ĐT	Đào tạo khóa học cho cán bộ công ty Dầu khí nước ngoài	Lê Hải An	225 750 000	225 750 000	225 750 000	11 061 000
17	03/2014/HĐ-ĐT	Đào tạo khóa học cho cán bộ công ty Dầu khí nước ngoài	Lê Hải An	232 000 000	232 000 000	232 000 000	11 377 800
18	05/2014/HĐ-ĐT	Đào tạo khóa học cho cán bộ công ty Dầu khí nước ngoài	Lê Hải An	232 200 000	232 200 000	232 200 000	11 377 800
III		**Khoa Mỏ**		**640 000 000**			
19	93M/HĐ12	Nghiên cứu lựa chọn các giải pháp kỹ thuật công nghệ và quản lý nhằm giảm tổn thất tài nguyên và ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác một số khoáng sản trọng điểm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (2012-2013)	Nguyễn Phụ Vụ	640 000 000			
IV		**Đơn vị khác**		**1 791 595 660**	**969 395 000**	**969 395 000**	**72 728 850**
20	21MT/HĐ12	Ứng dụng phương pháp đồng vị môi trường đánh giá tính bền vững của trữ lượng tầng qp vùng Hà Nội	Bùi Học/Đỗ Văn Bình	**150 000 000**	126 550 000	126 550 000	5 977 250
21	22GDQP/HĐ14	Tổ chức giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng - An ninh cho trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội (phụ lục 01)	Nguyễn Văn Quảng	39 580 000	38 783 000	38 783 000	3 878 000
22	22GDQP/HĐ14	Tổ chức giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng - An ninh cho trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội (phụ lục 02)	Nguyễn Văn Quảng	240 084 000	234 326 000	234 326 000	23 400 000

23	23ĐHĐC/HĐ14	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ LiDAR để quan trắc môi trường bụi không khí tỉnh Quảng Ninh	Bùi Thị Thanh Lan	597 851 660	300 000 000	300 000 000	15 000 000
24	24GDQP/HĐ14	Tổ chức giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng - An ninh cho Học viện Ngoại giao	Nguyễn Văn Quảng	234 080 000	219 736 000	219 736 000	21 973 600
25	25HB/HĐ14	Hợp đồng đào tạo bồi dưỡng kiến thức ngoại ngữ	Nguyễn Gia Khuê	50 000 000	50 000 000	50 000 000	2 500 000
26	26CNTT/HĐ14	Lập trình và biên tập các trang bản đồ điện tử ở các mức độ biểu thị khác nhau	Nguyễn Trường Xuân	480 000 000			
		Cộng (mục I đến mục IV)		**19 282 868 747**	**9 369 225 578**	**9 369 225 578**	**462 574 355**

Bảng 4. Hoạt động KHCN của các trung tâm, công ty CODECO năm 2014

(số liệu tính đến ngày 25/3/2015)

(theo số liệu báo cáo của các Trung tâm, công ty)

TT	Trung tâm, công ty	Số hợp đồng thực hiện năm 2014	Kinh phí thực hiện (1000đ)			Kinh phí nộp Trường (1000đ)				Các loại thuế (1000đ)
			Tổng	Đã về năm 2014	Đã quyết toán số kinh phí	Số nợ tồn trước 2014	Mức giao nộp 2014 (1,5%)	Đã nộp	Còn phải nộp	
1	Công ty CODECO	67	33 228 407		33 228 407		498 426	261 000	237 426	3 656 053
2	TT NC Địa kỹ thuật	340	55 729 000		55 729 000		835 935	835 935		1 462 500
3	TT NC Môi trường Địa chất	172	35 854 630		35 854 630		537 819	537 819		3 836 317
4	TT Hỗ trợ Phát triển KHKT	106	30 076 000		23 418 349		351 275	351 275		2 545 500
5	TT KHCN Mỏ và Môi trường	47	15 374 744		15 374 744		230 621	230 621		1 632 712
6	TT NC Trắc địa công trình	27	5 425 000		5 425 000	25 260	81 375	81 375	25 260	573 500
7	TT NCƯD CNM Trắc địa - Bản đồ	24	2 939 377		2 939 377		44 091	44 091		306 701
8	TT NC Cơ điện mỏ	11	3 666 406	3 666 406	2 390 960		35 864	35 864		227 155
9	TT TK Công nghệ khoáng chất	40	10 474 000		8 824 456		132 367	132 367		434 002
	Tổng cộng	**834**	**192 767 564**		**183 184 923**	**25 260**	**2 747 774**	**2 510 348**	**262 686**	**14 674 440**

* Ghi chú: ***Mức giao nộp năm 2014 là 1,5% tổng doanh thu (mức đóng góp tối thiểu 30 trđ).***

3.2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

BÁO CÁO

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHCN GIAI ĐOẠN 2011-2015, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2016

HÀ NỘI, THÁNG 3/2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

BÁO CÁO

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHCN GIAI ĐOẠN 2011-2015, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2016

HÀ NỘI, THÁNG 3/2016

Mở đầu

Hoạt động khoa học và công nghệ (KHCN) của Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2011-2015 đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ, khẳng định vai trò quan trọng trong nhiệm vụ chính trị của Nhà trường. Được Đảng ủy, Ban Giám hiệu quan tâm và chỉ đạo hiệu quả, đội ngũ cán bộ khoa học của Trường đã đoàn kết, hoàn thành tốt các nhiệm vụ KHCN được giao, bám sát các nhu cầu của xã hội đặt ra; tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế trong NCKH và đào tạo.

Trong 5 năm qua, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã nhận được sự giúp đỡ toàn diện và có hiệu quả của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, Ban, Ngành Trung ương, đồng thời có sự hợp tác chặt chẽ của các địa phương, cơ quan hữu quan trong cả nước. Đây là những tiền đề và thuận lợi rất quan trọng cho hoạt động KHCN của Nhà trường. Các địa phương trong cả nước là những địa chỉ trực tiếp áp dụng những thành quả hoạt động KHCN vào thực tế sản xuất, gắn hoạt động này với đời sống và phát triển kinh tế - xã hội.

Chào mừng thành công Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Mỏ - Địa chất lần thứ XIX và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, chúng ta phấn khởi, điểm lại những thành quả nổi bật về hoạt động KHCN của Trường trong 5 năm (2011-2015). Bản báo cáo gồm 2 phần chính:

1. Kết quả hoạt động KHCN 5 năm (2011-2015);

2. Phương hướng chính hoạt động KHCN của Nhà trường trong kế hoạch 5 năm (2016-2020) và triển khai hoạt động KHCN năm 2016.

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN 5 NĂM (2011-2015)

A. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Với đội ngũ cán bộ, viên chức của Nhà trường hiện nay là 922 người, trong đó có 705 giảng viên (02 GS.TS, 56 PGS.TS, 139 TS, 427 ThS và 81 KS, CN). Số giảng viên có trình độ tiến sỹ trở lên là 197 người, tăng 76% so với giai đoạn trước (năm 2010 là 112 người). Số liệu này thể hiện rõ chất lượng nguồn nhân lực trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Nhà trường đang tăng nhanh. Hàng năm, nhà trường thực hiện gần 100 đề tài KHCN các cấp (xem Bảng 1, 2, 3, 4) và gần 1000 hợp đồng NCKH và chuyển giao công nghệ với các địa phương, doanh nghiệp trong cả nước (Bảng 4, 5, 6). Các số liệu cụ thể như sau:

I. Nhiệm vụ cấp Nhà nước

Trong 5 năm qua, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã được Nhà nước giao thực hiện 29 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, gồm:

- 02 đề tài KHCN thuộc các chương trình KHCN trọng điểm cấp Nhà nước (KC.08 và Biến đổi khí hậu);
- 07 nhiệm vụ thuộc các chương trình trọng điểm do Bộ Công thương quản lý;
- 02 nhiệm vụ Hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư;
- 02 nhiệm vụ NCCB định hướng ứng dụng;
- 12 đề tài NCCB trong KHTN;
- 03 đề tài KHCN tiềm năng;
- 01 đề án hợp tác nghiên cứu với Đan Mạch.

I.1. Nhiệm vụ KHCN thuộc các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước

1) Đề tài thuộc chương trình mã số KC08.06/11-15 *"Nghiên cứu đề xuất các tiêu chí và phân vùng khai thác bền vững, bảo vệ tài nguyên nước dưới đất vùng đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ"*, do PGS.TS Đoàn Văn Cánh làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 41 tháng (từ 1/2012 đến 5/2015), với tổng kinh phí 4.500 triệu đồng. Kết quả nghiên cứu của đề tài xây dựng được bộ tiêu chí và phân vùng khai thác bền vững tài nguyên nước dưới đất đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ; đã công bố 01 bài báo quốc tế, 07 bài báo và báo cáo tại hội nghị khoa học; hướng dẫn 06 học viên cao học và đào tạo 02 NCS nghiên cứu theo hướng của đề tài. Đề tài đã được nghiệm thu cấp Quốc gia, xếp loại Khá.

2) Đề tài thuộc chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, mã số BĐKH.42 *"Nghiên cứu, đánh giá kiến tạo hiện đại khu vực ven biển miền Trung Việt Nam và vai trò của nó đối với các tai biến thiên nhiên phục vụ dự báo và phòng tránh thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu"* do PGS.TS Trần Thanh Hải làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 24 tháng (từ 1/2014 đến 12/2015), với tổng kinh phí thực hiện 7.200trđ. Đề tài đã tập hợp được lực lượng lớn các nhà địa chất đầu ngành tham gia thực hiện, hoàn thành 01 bộ bản đồ, sơ đồ cấu trúc – tân kiến tạo và kiến tạo hiện đại khu vực miền Trung; công bố 10 bài báo khoa học, 07 báo cáo tại hội nghị quốc tế, đào tạo được 03 thạc sỹ, góp phần đào tạo 3 NCS. Đề tài đã được nghiệm thu cấp Quốc gia tháng 12/2015, kết quả xếp loại Xuất sắc.

I.2. Nhiệm vụ NCCB định hướng ứng dụng

1) Đề tài *Nghiên cứu ứng dụng và phát triển mô hình phân tích, dự báo tai biến địa chất – kỹ thuật đối với công trình ngầm, công trình khai thác mỏ ở Việt Nam"* mã số ĐT.NCCB.ĐHUD.2011-G/13 do GS.TS Nguyễn Quang Phích làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng, với tổng kinh phí là 4.100trđ. Kết quả đã hoàn thành 105 chuyên đề theo đúng nội dung nghiên cứu. Công bố 3 bài báo và báo cáo khoa học; đào tạo được 2 thạc sỹ. Đề tài đã được đánh giá tại cấp cơ sở, hiện đã trình Bộ KHCN cho phép nghiệm thu cấp Nhà nước.

2) Đề tài *"Nghiên cứu xây dựng mô hình địa thống kê đánh giá tài nguyên khoáng mỏ khai thác lộ thiên"* mã số NCCB-ĐHUD.2012-G/01 do GS.TS Trương Xuân Luận chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (từ 12/2012 đến 12/2015), với tổng kinh phí là 2.900trđ. Kết quả nghiên cứu của đề tài: đã xây dựng được cơ sở dữ liệu dạng Web; tiến hành các đợt thực địa tại Lào Cai; thực hiện được 35 chuyên đề và tổ chức 02 hội thảo khoa học; hoàn thành đầy đủ các nội dung nghiên cứu theo kinh phí được cấp. Dự kiến đề tài sẽ kết thúc cuối năm 2016.

I.3. Đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên

12 đề tài NCCB trong KHTN được thực hiện trong giai đoạn 2011-2015. Đến nay, kết quả nghiên cứu của các đề tài này đã công bố 14 bài báo quốc tế, 16 bài báo trong nước; 9 báo cáo khoa học tại hội nghị quốc tế và đào tạo được 17 thạc sỹ và 5 NCS.

Hiện nay, 05 đề tài đã hoàn thành nhiệm vụ; 02 đề tài (mã số:105.01-2011.18 và 105.03-2011.11) chưa hoàn thành bài báo quốc tế ISI, Quỹ Nafosted cho phép gia hạn đến hết tháng 12/2015.

02 đề tài mã số 105.01-2012.06 và 104.01-2012.24 thực hiện đúng tiến độ và 03 đề tài triển khai từ năm 2015.

Đánh giá chung: Kết quả nghiên cứu của các đề tài được hỗ trợ từ quỹ Nafosted đã góp phần thúc đẩy hình thành và công bố nhiều bài báo trong và ngoài

nước; góp phần tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, nâng cao trình độ cho cán bộ khoa học và đào tạo nhân lực trình độ cao cho các ngành địa chất, địa vật lý,.... Tuy nhiên, do đặc thù của loại hình nghiên cứu này, đòi hỏi các cán bộ khoa học phải có năng lực nghiên cứu mới có thể hình thành và thực hiện được sản phẩm chính mà Quỹ yêu cầu, đó là 02 bài báo công bố trên tạp chí trong danh mục ISI.

I.4. Nhiệm vụ KHCN thuộc các chương trình trọng điểm Nhà nước do Bộ Công Thương quản lý

Trong giai đoạn này, Nhà trường thực hiện 07 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước thuộc các chương trình trọng điểm do Bộ Công thương quản lý:

- 04 đề tài được giao thực hiện năm 2011 và 2012 đã được nghiệm thu cấp Nhà nước, gồm đề tài mã số: ĐT.01.11/ĐMCNKK, ĐT.10.11/ĐMCNKK, ĐT.06.12/ĐMCNKK và ĐT.13.12/ĐMCNKK.
- 02 đề tài: mã số ĐT.04.12/NLSH và ĐT.14.13/ĐMCNKK đã hoàn thành nội dung nghiên cứu, đang chờ Bộ Công Thương tổ chức nghiệm thu cấp Nhà nước.
- Dự án mã số DA.16.08 đang thực hiện đúng tiến độ.

I.5. Đề tài KHCN tiềm năng

Năm 2012, Trường Đại học Mỏ -Địa chất đã được Văn phòng các Chương trình trọng điểm (Bộ KHCN) giao thực hiện 3 đề tài KHCN tiềm năng với tổng kinh phí 2.488 triệu đồng. Nhìn chung, các đề tài được chủ nhiệm đề tài thực hiện nghiêm túc về nội dung cũng như tiến độ. Ba đề tài này đều do các cán bộ trẻ của bộ môn Lọc – Hóa dầu thực hiện và đã bảo vệ cấp Nhà nước trong tháng 3/2013, các đề tài này đều được các hội đồng đánh giá đạt yêu cầu.

I.6. Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư với nước ngoài

1. Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt – Pháp *"Nghiên cứu phát triển và ứng dụng phương pháp laser Lidar trong môi trường xon khí mỏ than"* do TS Bùi Thị Thanh Lan làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 24 tháng (từ tháng 3/2011 - tháng 3/2013). Tổng kinh phí được cấp 3.000trđ. Đề tài đã được nghiệm thu cấp Nhà nước tháng 10/2015 với kết quả xếp loại Đạt.

2. Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt – Đức *"Hợp tác nghiên cứu thành phần vật chất, đề xuất quy trình công nghệ chế biến, định hướng phương pháp khai thác và bảo vệ môi trường mỏ đất hiếm Nậm Xe, tỉnh Lai Châu, Việt Nam"* do PGS.TS Phan Quang Văn làm chủ nhiệm. Thời hạn 36 tháng (từ tháng 12/2015 đến 12/2018). Tổng kinh phí được cấp 4.400trđ. Ngay sau khi nhận nhiệm vụ chủ nhiệm đã triển khai được 02 đợt thực địa; tổ chức được đoàn ra trao đổi thông tin làm việc với phía đối tác bàn về công tác thực địa, phân tích mẫu trong thời gian tới.

3. Trường Đại học Mỏ - Địa chất đồng chủ trì thực hiện dự án (Pha II) hợp tác với Vương quốc Đan Mạch *"Nghiên cứu ô nhiễm acsen trong nước ngầm ở đồng bằng Sông Hồng"*, dự án được thực hiện trong 4 năm (1/2009 – 12/2012). Pha II đã kết thúc tốt đẹp, dự án đã đạt được các kết quả chính sau:

- 14 học viên cao học đã hoàn thành luận văn thạc sĩ do các nhà khoa học Việt Nam và Đan Mạch đồng hướng dẫn. Nội dung của luận văn cũng là một phần nội dung nghiên cứu của dự án.
- Công bố 10 bài báo trên các tạp chí uy tín trên thế giới trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí "Nature Geoscience".
- 03 nghiên cứu sinh và 01 học viên cao của đã bảo vệ thành công luận án và luận văn.

- Thiết lập 02 bãi thí nghiệm ngoài trời tại Đan Phượng và Nam Dư (Hà Nội); khoan, lấy mẫu hút nước thí nghiệm, quan trắc nghiên cứu xâm nhập mặn hiện đại tại Nam Định và Thái Bình phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Tổ chức thành công Hội nghị Quốc tế về asen trong nước ngầm vùng Nam Á tổ chức tại Hà Nội vào tháng 11/2011 với hơn 100 đại biểu tham dự đến từ 20 nước trên thế giới.

- Bàn giao thiết bị và các bãi thí nghiệm cho các đối tác phía Việt Nam sử dụng phục vụ cho công tác NCKH và giảng dạy.

II. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

Trong 5 năm 2011-2015, Trường Đại học Mỏ - Địa chất được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao thực hiện 82 đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ *(trước năm 2011 chuyển sang 35 đề tài, giai đoạn 2011-2015 có 47 đề tài)*, gồm:

01 chương trình mã số CTB-2012-02 (gồm 07 đề tài);

02 nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương;

72 đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Bộ. Tình hình thực hiện, cụ thể:

II.1. Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ

Năm 2012, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép chủ trì thực hiện chương trình KHCN mã số CTB-2012-02 *"Nghiên cứu, đánh giá tổng hợp điều kiện địa chất công trình vùng ven biển Bắc Bộ phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, ứng phó với biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng"* do PGS.TS Trần Đình Kiên làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 2012-2014, với tổng kinh phí 6.000trđ.

07 đề tài thuộc chương trình đã hoàn thành nội dung nghiên cứu, được nghiệm thu cấp Bộ và kết quả đều xếp loại tốt.

Kết quả nghiên cứu của Chương trình đã đóng góp trong việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao chuyên sâu về nghiên cứu các điều kiện địa chất công trình, đồng thời góp phần quan trọng trong việc định hướng và cung cấp cơ sở dữ liệu tin cậy cho công tác quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của các tỉnh cũng như của cả vùng ven biển Bắc Bộ. Góp phần nâng cao nhận thức về hiểm họa thiên tai, xây dựng phương pháp, tạo cơ sở khoa học cho định hướng nghiên cứu và phát triển bền vững kinh tế - xã hội ở vùng ven biển đồng bằng Bắc Bộ nói riêng, duyên hải cả nước nói chung;

Kết quả nghiên cứu của chương trình phục vụ trực tiếp công tác quy hoạch tổng thể các khu vực kinh tế ven biển, hệ thống đê biển, cảng biển, giao thông đường bộ, quản lý nguồn nước, ... ở các khu vực nghiên cứu thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình.

Chương trình đã xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuẩn về điều kiện địa chất công trình vùng ven biển Bắc Bộ; Bộ bản đồ và sơ đồ định hướng quy hoạch tổng thể xây dựng, khai thác kinh tế lãnh thổ vùng nghiên cứu; Công bố 02 báo cáo khoa học tại Hội nghị Quốc tế năm 2015; 13 bài báo trên tạp chí uy tín chuyên ngành trong nước; 07 báo cáo hội nghị khoa học trong nước; Đào tạo: 11 thạc sỹ và góp phần đào tạo 02 NCS.

Ban Chủ nhiệm chương trình đã hoàn thành báo cáo tổng kết và đang chờ Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức tổng kết chương trình.

II.2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

Tổng số 72 đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Bộ thực hiện trong giai đoạn này, trong đó: trước năm 2011 chuyển sang có 35 đề tài, giai đoạn 2011-2015 có 37 đề tài. Đã có 51 đề tài được nghiệm thu cấp Bộ (*trong đó có 37 đề tài đạt loại tốt, 14 đề tài loại khá*); 05 đề tài đã nghiệm thu ở cấp cơ sở. 15 đề tài đang triển khai thực hiện đúng tiến độ và 01 đề tài đã quá hạn nghiên cứu.

II.3. Nhiệm vụ hợp tác song phương về khoa học công nghệ

Năm 2012, Trường Đại học Mỏ - Địa chất được giao thực hiện 02 nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương về khoa học công nghệ, gồm:

- Nhiệm vụ mã số 01/2012/HĐ-HTQTSP "*Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường phóng xạ đối với con người do hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản chứa phóng xạ vùng Tây Bắc Việt Nam và đề xuất giải pháp phòng ngừa*" (nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu giữa Việt Nam – Ba Lan) do GS.TS Lê Khánh Phồn làm chủ nhiệm.

- Nhiệm vụ mã số 02/2012/HĐ-HTQTSP "*Phát triển năng lực nghiên cứu đánh giá một số biến động môi trường điển hình phục vụ định hướng phát triển bền vững lưu vực sông Hồng, phần lãnh thổ Việt Nam*" (nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu giữa Việt Nam – Nhật Bản) do TS Lê Văn Hưng làm chủ nhiệm.

Cả hai nhiệm vụ này đã triển khai với kết quả khả quan, đã hoàn thành các nội dung nghiên cứu theo kinh phí được cấp. Hợp tác nghiên cứu khoa học của các nước ký kết song phương góp phần thúc đẩy năng lực nghiên cứu của các thành viên thực hiện đề tài tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu tiên tiến của Ba Lan và Nhật Bản. Đã có các bài báo khoa học công bố thuộc danh mục ISI, học viên cao học và NCS nghiên cứu theo hướng đề tài. Tuy nhiên, do kinh phí cấp không đảm bảo tiến độ đã ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thực hiện cũng như kết quả của nhiệm vụ.

Đánh giá chung: Trong 5 năm qua, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã gắn mục tiêu các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo. Các đề tài cấp Bộ trong thời gian qua chủ yếu do các nhà khoa học của trường đề xuất phần lớn tập trung giải quyết các yêu cầu cấp thiết của thực tế, trong lĩnh vực điều tra cơ bản, đánh giá tài nguyên nước ngầm, khoáng sản, đất đai, triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN thuộc các lĩnh vực chuyên môn của trường phục vụ sự phát triển bền vững nền kinh tế - xã hội và cuộc sống con người. Thông qua các đề tài nghiên cứu đội ngũ giảng viên của trường ngày càng nâng cao kiến thức chuyên môn, gắn lý thuyết với thực tế. Kết quả thực hiện các đề tài NCKH và triển khai công nghệ là tài liệu phong phú đóng góp đáng kể vào việc bổ sung các cơ sở lý thuyết và thực tiễn, nâng cao chất lượng giáo trình, bài giảng phục vụ đào tạo. Kết quả của các đề tài NCKH còn giúp cho việc hình thành nhiều đồ án tốt nghiệp, luận văn, luận án. Đó là những hiệu quả đáng kể của hoạt động NCKH mang lại cho hoạt động đào tạo của Nhà trường.

Tuy vậy, trong việc thực hiện nhiệm vụ NCKH cấp Bộ, trong 5 năm qua cũng còn một số hạn chế sau:

- Việc cấp kinh phí cho một số đề tài không đảm bảo tiến độ, nên phải kéo dài thời gian thực hiện (chủ yếu đề tài thực hiện từ năm 2012, 2013 và 2014);

- Một số đề tài còn kéo dài thời hạn nghiên cứu do chủ nhiệm đề tài không chủ động sắp xếp thời gian để thực hiện hoặc gặp khó khăn về số liệu, phân tích thí nghiệm;

- Kết quả nghiên cứu của một số đề tài còn chưa được công bố hoặc triển khai ứng dụng thực tế nên hiệu quả kinh tế - xã hội chưa cao. Nguyên nhân chủ yếu là do

phần lớn các đề tài đều ở dạng nghiên cứu cơ bản. Các địa phương, doanh nghiệp chưa chủ động hợp tác với các nhà khoa học trong đầu tư tài chính và đưa tiến bộ KHCN vào ứng dụng thực tế.

III. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học phục vụ các địa phương

Trong 5 năm qua, song song với việc thực hiện các nhiệm vụ cấp Nhà nước và cấp Bộ, các nhà khoa học của Trường còn được các Sở KHCN, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh và các Tập đoàn kinh tế lớn đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ KHCN. Các nhiệm vụ này chủ yếu tập trung giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan tới các lĩnh vực đang là thế mạnh của Nhà trường, như điều tra, khai thác và quản lý tài nguyên nước dưới đất; ứng dụng công nghệ mới trong đánh giá tiềm năng và quản lý tài nguyên, khoáng sản; điều tra, đánh giá môi trường các vùng mỏ. Trong giai 2011-2015 Nhà trường đã thực hiện 23 nhiệm vụ NCKH phục vụ các địa phương với tổng kinh phí 33.254 trđ (xem Bảng 4).

IV. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Nghiên cứu khoa học cấp trường (cơ sở) nhằm phục vụ mục tiêu của Nhà trường là đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học, khai thác tốt hơn tiềm năng của đội ngũ CBGD trẻ. Trong giai đoạn 2011-2015, Hiệu trưởng đã phê duyệt 228 đề tài cấp cơ sở, với tổng kinh phí hỗ trợ là 5.628 trđ. Tuy số lượng các đề tài giảm 23% so với giai đoạn trước, nhưng kinh phí thực hiện đã tăng hơn 7 lần. Nhà trường chú trọng đổi mới công tác quản lý và nâng cao chất lượng đề tài NCKH cấp cơ sở từ khâu đăng ký, xét duyệt, đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu. Kết quả là chất lượng các đề tài đã được nâng cao rõ rệt trong đó một số đề tài cấp cơ sở đã có cả các công bố quốc tế.

Tuy nhiên, một số đề xuất đề tài cấp cơ sở còn hạn chế như chưa sát với mục tiêu chuyên môn, chất lượng của đề cương nghiên cứu thấp. Vì vậy, trong thời gian tới một vấn đề đặt ra đối với các đơn vị (khoa, bộ môn) là chú trọng xây dựng mục tiêu, các định hướng chuyên môn của đơn vị, thẩm định nội dung đề cương các đề tài và giám sát việc thực hiện đề tài của cán bộ chủ trì.

Nhà trường luôn quan tâm tới hoạt động nghiên cứu khoa học cho cán bộ trẻ, đặc biệt là học viên cao học và nghiên cứu sinh là cán bộ giảng dạy của nhà trường trong đó có ưu tiên, khuyến khích các NCS, học viên cao học chủ trì đề tài NCKH cấp cơ sở, tham gia thực hiện các đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước. Kết quả của đề tài là tiền đề cho các luận văn, luận án và công bố các công trình NCKH trên các tạp chí trong và ngoài trường, các hội thảo khoa học, góp phần tạo động lực cho các NCS, học viên cao học hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu.

V. Một số kết quả nổi bật trong thực hiện chương trình, đề tài NCKH các cấp

Trong số các đề tài thực hiện trong giai đoạn 2011-2015, có nhiều đề tài có giá trị khoa học và ý nghĩa thực tiễn cao được Hội đồng nghiệm thu các cấp đánh giá tốt, tiêu biểu là:

1) Đề tài KHCN cấp Nhà nước mã số BĐKH.42 thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ Chương trình Mục tiêu quốc gia Ứng phó với biến đổi khí hậu KHCN-BĐKH/11-15 do PGS.TS. Trần Thanh Hải chủ nhiệm. Sản phẩm của đề tài là bộ bản đồ cấu trúc - tân kiến tạo và kiến tạo hiện đại khu vực ven biển miền Trung; công bố 10 bài báo khoa học, 07 báo cáo tại hội nghị quốc tế, đào tạo 03 thạc sỹ, góp phần đào tạo 3 NCS. Đề tài thực hiện đúng tiến độ và đã nghiệm thu cấp Quốc gia

tháng 12/2015, đạt loại Xuất sắc.

2) PGS.TS Đoàn Văn Cánh chủ nhiệm hai đề tài:

- Đề tài KHCN cấp Nhà nước KC.06.08/11-15, kết quả nghiên cứu của đề tài xây dựng được bộ tiêu chí và phân vùng khai thác bền vững tài nguyên nước dưới đất đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ; đã công bố 01 bài báo quốc tế, 07 bài báo và báo cáo tại hội nghị khoa học; đào tạo được 06 học viên cao học và 02 NCS theo hướng của đề tài.

- Đề tài KHCN cấp Bộ mã số B2010-02-106TĐ, kết quả của đề tài đã thăm dò, tìm kiếm và khai thác nước đưa vào sử dụng phục vụ sinh hoạt tại huyện miền núi của tỉnh Bắc Giang nơi rất khó khăn về nguồn nước sinh hoạt, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đề tài được UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá cao về kết quả NCKH – chuyển giao công nghệ.

3) Chương trình KHCN cấp Bộ mã số CTB-2012-02 do Ban chủ nhiệm chương trình *(PGS.TS Trần Đình Kiên, PGS.TS Lê Trọng Thắng và PGS.TS Nguyễn Quang Luật điều hành)* đã xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuẩn về điều kiện địa chất công trình vùng ven biển Bắc Bộ và bộ bản đồ, sơ đồ định hướng quy hoạch tổng thể xây dựng, khai thác kinh tế lãnh thổ vùng nghiên cứu; định hướng công tác quy hoạch tổng thể các khu vực kinh tế ven biển, hệ thống đê biển, cảng biển, giao thông đường bộ, quản lý nguồn nước, ... thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình.

4) PGS.TS Nguyễn Văn Lâm (BM.ĐCTV) chủ nhiệm các đề tài NCKH – chuyển giao công nghệ cho các địa phương, đặc biệt là các tỉnh miền núi phía bắc nơi khan hiếm nguồn nước ngọt phục vụ cho sinh hoạt của địa phương được các Sở KHCN đặt hàng, đã thực hiện có hiệu quả, tạo uy tín thương hiệu trong hoạt động NCKH – chuyển giao công nghệ của nhà trường cho các địa phương.

5) PGS.TS Lê Tiến Dũng chủ nhiệm các đề tài, hợp đồng NCKH – chuyển giao công nghệ cho các địa phương về địa chất, địa mạo, tân kiến tạo, tạo tiền đề cho công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác tài nguyên, khoáng sản các tỉnh Nam Định, Quảng Trị, Gia Lai, Kom Tum, ... làm cơ sở khoa học cho địa phương trong công tác quản lý và điều hành các hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản của các tỉnh.

6) PGS.TS Lê Hải An chủ nhiệm đề tài hợp tác NCKH – chuyển giao công nghệ giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã được nghiệm thu đạt kết quả tốt. Kết quả nghiên cứu ngoài ý nghĩa khoa học còn có ý nghĩa thực tiễn rất lớn, đã xây dựng được hệ phương pháp luận và quy trình nghiên cứu đá cacbonat trong khu vực bể Phú Khánh, là cơ sở khoa học cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong công tác quản lý và điều hành các hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí.

7) PGS.TS Nguyễn Anh Dũng chủ nhiệm 02 đề tài do Bộ Công Thương đặt hàng. Kết quả nghiên cứu đã đề xuất được quy trình chế tạo hệ hóa phẩm gốc sinh học bền nhiệt; Quy trình sử dụng và chế độ công nghệ khai thác khi sử dụng hệ hóa phẩm mới. Kết quả thử nghiệm, đánh giá hiệu quả của hệ hóa phẩm gốc sinh học bền nhiệt mới trên mô hình thực nghiệm, ứng dụng trong khai thác dầu khí để nâng cao hệ số thu hồi dầu.

8) Kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH cấp cơ sở mã số: T14-31 (TS Hoàng Văn Long chủ nhiệm), T14-32 (TS Bùi Hoàng Bắc chủ nhiệm), T14-01 (NCS Nguyễn Trường Thanh chủ nhiệm), T15-10 (ThS Nguyễn Thị Thu Hiền chủ nhiệm), T15-05 (CN Đinh Văn Thiên) .... đã có công bố trên các tạp chí quốc tế, bổ

sung tài liệu vào bài giảng, giáo trình góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học của Nhà trường.

B. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ luôn là thế mạnh của Trường Đại học Mỏ - Địa chất trong nhiều năm qua. Hoạt động này thông qua việc thực hiện các hợp đồng KHCN nhằm giải quyết những nhiệm vụ cụ thể mà đời sống kinh tế xã hội đặt ra. Kinh phí cho hoạt động này đến từ ngân sách Nhà nước và các nguồn khác của các địa phương, các tập đoàn, công ty và đơn vị sản xuất. Trong 5 năm qua, hoạt động KH và chuyển giao công nghệ đã phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. Hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ của Nhà trường được thực hiện dưới hai hình thức là các đề tài, hợp đồng được ký trực tiếp về Trường và các hợp đồng được ký kết về các trung tâm nghiên cứu, công ty Codeco (xem Bảng 4, 5 và Bảng 6).

Bảng 6. Kết quả hoạt động NCKH – chuyển giao công nghệ giai đoạn 2011-2015

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2006-2010	Giai đoạn 2011-2015	Tỉ lệ % (tăng/giảm)
1	Số hợp đồng đã thực hiện	*H.đồng*	5.718	4.719	-17
2	Kinh phí quyết toán	*trđ*	803.946	938.297	+17
3	Số tiền đóng góp cho Trường	*trđ*	12.444	15.615	+25
4	Nộp thuế các loại	*trđ*	64.701	79.942	+24

Phát huy thế mạnh của Trường, sự hợp tác giữa Nhà trường với các địa phương, các đơn vị trong phạm vi cả nước trong những năm qua đã và đang liên tục phát triển. Các lĩnh vực hợp tác trong hoạt động KHCN ngày một đa dạng, phong phú hơn, đáp ứng những nhu cầu cấp thiết của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Các trung tâm, công ty của Trường đã khẳng định tốt vai trò nghiên cứu triển khai và phục vụ đào tạo của mình, đóng góp xứng đáng vào thành tích chung của Nhà trường.

Các dự án, đề tài KHCN của Nhà trường mang những đặc thù riêng và được tập trung vào các lĩnh vực chính sau:

- Nghiên cứu khảo sát, đánh giá hiện trạng bức xạ tự nhiên, xây dựng cơ sở dữ liệu về môi trường phóng xạ và đề xuất các biện pháp xử lý.
- Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá tiềm năng khoáng sản rắn, tài nguyên nước, vật liệu xây dựng phục vụ việc quy hoạch phát triển công nghiệp địa phương, tận thu khoáng sản, bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên các địa phương.
- Nghiên cứu thành phần vật chất lớp phong hóa thổ nhưỡng, điều kiện thủy văn - môi trường, xác định ảnh hưởng của chúng tới quy hoạch phát triển cây trồng, thủy lợi, thủy điện, bảo vệ môi trường nước dưới đất phục vụ cuộc sống con người.
- Khảo sát, thăm dò tỉ mỉ, tư vấn thiết kế khai thác các mỏ khoáng sản vừa và nhỏ, thiết kế xây dựng các công trình trên mặt và công trình ngầm phục vụ khai thác mỏ và giao thông.
- Đo vẽ, thành lập các loại bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, giải thửa, bản đồ địa chất và phân vùng khoáng sản ở các tỉ lệ khác nhau, phục vụ việc phân vùng kinh tế lãnh thổ và bảo vệ biên giới, biển và hải đảo của tổ quốc.
- Khảo sát lập bản đồ chi tiết quy hoạch xây dựng, xác định các chỉ tiêu nền móng công trình xây dựng, quan trắc sự biến dạng của các công trình, nghiên cứu và đề xuất các biện pháp xử lý.

Kết quả của hàng trăm dự án và các hợp đồng KHCN đã được nhà trường chuyển giao tới các Bộ, địa phương, doanh nghiệp trong cả nước, như Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tập đoàn Than- Khoáng sản Việt Nam, các tỉnh như Hà Nội, Quảng Ninh, Yên Bái, Quảng Nam, Kon Tum, ...

Thông qua việc thực hiện các dự án, các đề tài NCKH – triển khai công nghệ, thầy và trò của Nhà trường đã mở rộng địa bàn thực tập, tạo được nhiều cơ hội mới thuận lợi cho việc đưa tiến bộ KHKT vào thực tế sản xuất, kết hợp tốt giữa học với hành, giúp người học làm quen với khoa học tiên tiến, với thiết bị công nghệ cao. Nhiều đề tài tốt nghiệp, luận văn, luận án đã được hình thành trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ trên.

Như vậy NCKH và triển khai công nghệ đã thiết thực nâng cao chất lượng đào tạo và góp phần xứng đáng vào việc hoàn thành nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường.

C. HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KHÁC

I. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ

Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã được nhà nước đầu tư 07 phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu (TCNLNC). Từ năm 2011 đến nay, Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo đầu tư 02 dự án phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu, gồm:

Dự án tăng cường năng lực nghiên cứu (TCNLNC) cho phòng thí nghiệm "*Địa kỹ thuật công trình*", dự án được Bộ phê duyệt thực hiện trong 2 năm với tổng kinh phí từ NSNN là 8.000trđ. thực hiện năm 2010-2011. Dự án đã được nghiệm thu cấp Bộ và đi vào hoạt động với hiệu quả tốt. Ngoài các thiết bị được nhà nước đầu tư, Nhà trường còn sử dụng vốn tự có để đồng bộ hóa các thiết bị còn thiếu, phục vụ nhu cầu sử dụng phòng thí nghiệm của các nhà khoa học trong và ngoài trường.

Năm 2014-2015, Nhà trường được giao thực hiện dự án TCNLNC cho phòng thí nghiệm "*Xây dựng công trình ngầm*" với tổng kinh phí 9.400trđ (NSNN: 7.000trđ, nguồn vốn đối ứng 2.400trđ). Dự án đã tiếp nhận thiết bị và đang vận hành.

Bên cạnh đó, Dự án "*Phòng thí nghiệm Khoa học Địa chất*" được Bộ phê duyệt thực hiện trong 3 năm (2012-2014), với tổng kinh phí 60.000 trđ (NSNN: 40.000 trđ, nguồn vốn đối ứng 20.000 trđ). Nhà trường đã chuyển giao thiết bị và giao cho Khoa Địa chất tổ chức vận hành đưa vào sử dụng bước đầu có hiệu quả.

Nhà trường tiếp tục kiểm tra, đánh giá hiện trạng của các phòng thí nghiệm đã được đầu tư, xây dựng và ban hành quy chế quản lý, kiện toàn bộ máy nhân sự; bổ sung các thiết bị, vật tư còn thiếu, sửa chữa kịp thời các trang bị cơ sở hạ tầng hư hỏng, nhằm khai thác tối đa các thiết bị đã có phục vụ NCKH và đào tạo; đồng thời xem xét kỹ các đề án xây dựng các phòng thí nghiệm mới nhằm tránh sự chồng chéo, thiếu đồng bộ, đầu tư thiết bị lạc hậu không đáp ứng được tiêu chuẩn trong nước và hội nhập quốc tế.

II. Nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên

Thông qua việc tổ chức thi Olympic các cấp và tổ chức Hội nghị khoa học sinh viên, Nhà trường đã bồi dưỡng, khuyến khích và tạo điều kiện cho các tài năng trẻ phát triển.

II.1. Tổ chức thi Olympic

Vào tháng 3 hàng năm, Nhà trường tổ chức thi Olympic cấp Trường cho các môn học gồm Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Cơ lý thuyết, Sức bền vật liệu, Cơ học đất, Tin học, ...

Trong 5 năm qua, 5 kỳ thi được tổ chức với 2208 thí sinh dự thi, có 442 em sinh viên đạt giải cấp Trường. Sau mỗi kỳ thi cấp Trường, các đội tuyển được thành lập, huấn luyện và tham dự thi Olympic quốc gia ở các môn Toán, Hóa, Vật lý và các môn Cơ học. Kết quả có 84 thí sinh đạt giải quốc gia, tăng gấp đôi giai đoạn trước (Bảng 7).

Bảng 7. Tổng hợp kết quả thi Olympic các cấp giai đoạn 2011-2015

TT	Nội dung	Giai đoạn 2006-2010	Giai đoạn 2011-2015	Tỉ lệ % (tăng/giảm)
1	Số sinh viên dự thi	2423	2208	-8,9
2	Số sinh viên đạt giải cấp Trường	580	442	-23,8
3	Số sinh viên đạt giải quốc gia	40	84	+110
	- nhất	*2*	*4*	
	- nhì	*6*	*25*	
	-ba	*13*	*27*	
	-khuyến khích	*19*	*28*	

Năm 2013, Nhà trường cùng với Hội Vật lý Việt Nam tổ chức thành công kỳ thi Olympic Vật lý Quốc gia tại Trường, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Nhà trường về năng lực chuyên môn cũng như khả năng tổ chức các sự kiện khoa học lớn. Đoàn sinh viên của Trường Đại học Mỏ -Địa chất tại kỳ thi này đã được giải Nhất toàn đoàn, góp phần quan trọng cho sự thành công của kỳ thi.

II.2. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

Hàng năm, nhà trường đều tổ chức hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học, trong đó đã tài trợ kinh phí cho gần 200 đề tài NCKH sinh viên. Bên cạnh đó, các khoa và các bộ môn chuyên môn cũng tham gia tích cực vào hoạt động tài trợ cho NCKHSV.

Hội nghị khoa học sinh viên thường niên của nhà trường được tổ chức nhân dịp kỷ niệm ngày sinh nhật Bác vào tháng 5 hàng năm. Hội nghị là diễn đàn để sinh viên công bố các kết quả nghiên cứu khoa học của mình.

Từ năm 2011-2015, Nhà trường đã tổ chức thành công 5 Hội nghị Khoa học sinh viên, với 1068 báo cáo khoa học được trình bày tại các tiểu ban. Hội đồng khoa học của các tiểu ban đã đánh giá nghiêm túc chất lượng các báo cáo lựa chọn và đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng 249 báo cáo đạt các giải.

Ban Tổ chức hội nghị của Nhà trường đã lựa chọn các công trình có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao để gửi tham dự giải tài năng khoa học trẻ giành cho sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả đã có 14 báo cáo đạt giải, trong đó có 1 giải nhất, 7 giải ba và 6 giải khuyến khích. Báo cáo giải nhất đã nhận được Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (xem Bảng 8).

Trong hai năm (2012 và 2014), Tập đoàn Dầu khí TNK (nay là Công ty Dầu khí Rosneft) của Cộng hòa Liên Bang Nga đã hỗ trợ khoản kinh phí 55.000 USD cho 25 đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên và 03 nhóm chế tạo robot. Sự hỗ trợ kinh phí này đã góp phần cho thành công của các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên chất lượng cao, nâng cao năng lực nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình và làm việc theo nhóm của sinh viên. Trong số 25 đề tài được hỗ trợ nói trên, một số có kết quả tốt có ý nghĩa khoa học, thực tiễn, được công bố trên các tạp chí và đạt được những giải thưởng cao. Kết quả NCKH sinh viên 5 năm được tổng hợp trong Bảng 8.

Bảng 8. Tổng hợp kết quả NCKH sinh viên giai đoạn 2011-2015

TT	Nội dung	Giai đoạn 2006-2010	Giai đoạn 2011-2015	Tỉ lệ % (tăng/giảm)
1	Số sinh viên tham gia	3835	4020	+5,5
2	Số báo cáo khoa học	1105	1068	-3,3
3	Số báo cáo đạt giải cấp Trường	273	249	-8,8
4	Số báo cáo giải cấp Bộ	32	14	-56,2
	- nhất	*2*	*1*	
	- nhì	*2*		
	- ba	*7*	*7*	
	- khuyến khích	*21*	*6*	

Nhà trường thường xuyên quan tâm tới việc khích lệ sinh viên giỏi, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học, tạo các điều kiện thuận lợi cho các em sinh viên ôn luyện, dự thi và thực hiện tốt các đề tài NCKH của mình, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Công tác NCKH và thi Olympic của sinh viên trong 5 năm qua đã đi vào nề nếp, kết quả năm sau tốt hơn năm trước. Công tác tổ chức, quản lý hoạt động KH sinh viên cũng đã được cải tiến nhằm tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên đạt được kết quả tốt nhất trong công tác này.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng, còn không ít các đề tài NCKHSV mang tính hình thức, hàm lượng khoa học thấp, một số cán bộ hướng dẫn chưa thực sự tận tâm với công tác nghiên cứu của sinh viên do mình phụ trách. Hơn nữa, kinh phí hỗ trợ cho mỗi đề tài còn rất khiêm tốn cũng là một lý do làm cho chất lượng nhiều đề tài NCKH của sinh viên chưa được như mong muốn.

Để công tác NCKH của sinh viên trong những năm tới có kết quả tốt hơn, cần nâng cao vai trò trách nhiệm của các thầy, các bộ môn chuyên môn trong việc lựa chọn các đề tài; tạo điều kiện để sinh viên có nhiều thời gian nghiên cứu trong phòng thí nghiệm, tiếp cận với các trang thiết bị hiện đại; đồng thời đẩy mạnh liên kết với các nhà khoa học thuộc các cơ quan khoa học ngoài trường trong việc đồng hướng dẫn, và tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với thực tế. Nhà trường cũng cần cải tiến và hoàn thiện các quy chế và quy trình một cách hợp lý nhằm thúc đẩy hơn nữa công tác nghiên cứu khoa học sinh viên.

III. Hoạt động thông tin khoa học

Hoạt động thông tin khoa học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất được thể hiện ở các công tác như tổ chức các hội nghị khoa học và các hội thảo chuyên đề trong nước và quốc tế, thiết lập và thực hiện các đề tài NCKH theo Nghị định thư, hợp tác quốc tế về trao đổi học thuật và xuất bản, phát hành các tài liệu khoa học.

Trong 5 năm qua (2011-2015), Nhà trường đã tổ chức 2 hội nghị khoa học Trường (lần thứ 20 năm 2012 và 21 năm 2014). Trong các hội nghị này, 515 báo cáo khoa học của các tác giả trong và ngoài nước đã được trình bày tại các tiểu ban chuyên môn về tất cả các lĩnh vực hoạt động khoa học công nghệ và các hướng nghiên cứu và đào tạo của nhà trường. Các hội nghị này còn là nơi giao lưu và trao đổi thông tin giữa các nhà khoa học, về các xu thế và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, các phương pháp và tiếp cận KHCN tiên tiến. Đây cũng là nơi truyền tải nhanh nhất và hiệu quả nhất thông tin về kết quả nghiên cứu và triển khai áp dụng.

Ngoài việc tổ chức các HNKH trường, trong 5 năm qua, Nhà trường cũng đã phối hợp với các tổ chức khoa học và các trường đại học ở nước ngoài, tổ chức thành

công nhiều hội thảo quốc tế như *"Những tiến bộ kỹ thuật môi trường trong khai thác tài nguyên thiên nhiên"* tháng 6/2011; *"Địa chất và tài nguyên khoáng sản khối Đông Dương và vùng lân cận Tây Nam Trung Quốc"* tháng 6/2012; *Những tiến bộ trong khai thác mỏ và xây dựng trong công trình ngầm" tháng* 10/2014; *"Những tiến bộ địa kỹ thuật với sự phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu"* tháng 11/2015 và hàng chục hội thảo khoa học cho các ngành của trường như Khai thác mỏ, xây dựng công trình ngầm và mỏ, Địa chất - Địa chất thủy văn, Môi trường, Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản, Ứng dụng công nghệ mới v.v.... Các hội thảo đã thu hút được nhiều nhà khoa học quốc tế tham dự. Nội dung của nhiều cuộc hội thảo đã được biên tập và xuất bản dưới dạng các tuyển tập, phổ biến rộng rãi trong và ngoài nước.

Các hội thảo không chỉ mang ý nghĩa khoa học, gắn kết mật thiết các nhà khoa học với công tác NCKH - triển khai công nghệ mà thiết thực phục vụ công tác quy hoạch đào tạo nhân lực trình độ cao.

Về hoạt động xuất bản, 5 năm qua, Nhà trường đã đầu tư thỏa đáng và cho xuất bản rộng rãi trong cả nước các tài liệu khoa học của Trường với nội dung ngày một phong phú hơn, chất lượng cao hơn, với nhiều đầu sách tra cứu, tham khảo (Bảng 9).

Bảng 9. Tổng hợp các tài liệu khoa học đã in ấn và phát hành giai đoạn 2011-2015

Năm	Tên tài liệu khoa học	Số lượng ấn phẩm	Ghi chú
2011	- Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất *(từ số 33-36: 9 số có 5 số chuyên đề)*	3700	
	- Tuyển tập các công trình NCKH sinh viên năm 2011	300	
2012	- Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất (từ số 37-40: có 1 số chuyên)	1200	
	- Tuyển tập các báo cáo (HNKH 20)	700	
	- Tuyển tập các công trình NCKH sinh viên năm 2012	300	
2013	- Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất (từ số 41 -44)	1200	
	- Tuyển tập các công trình NCKH sinh viên - năm 2013	300	
2014	- Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất (từ số 45-48: có 1 số chuyên)	1200	
	- Tuyển tập các báo cáo (HNKH 21)	700	
	- Tuyển tập các công trình NCKH sinh viên năm 2014	300	
2015	- Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất (từ số 49, 50, 51,52)	1200	
	- Tuyển tập các công trình NCKH sinh viên 2015	300	
Tổng cộng	***1. Tuyển tập các báo cáo HNKH***	***1400***	
	2. Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất từ số 33-52: có 25 số)	***8500***	
	3. Tuyển tập các báo cáo KHSV (từ 2011 đến 2015– 5 đầu sách)	***1500***	
	4. Các tài liệu phục vụ Hội thảo (30 hội thảo)	***3300***	

Từ tháng 1/2011 đến tháng 1/2016, Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất đã xuất bản 25 số (có 7 số chuyên đề) với 8500 ấn phẩm. Các ấn phẩm này được gửi tới một số thư viện quốc gia và cả bạn đọc ngoài nước và được đánh giá là tài liệu khoa học có giá trị trong các lĩnh vực khoa học Trái đất và Mỏ. Tháng 4/2015 Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất đã được Cục Báo chí cho phép xuất bản bằng tiếng Anh (02 số/năm và đã được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp chỉ số giao dịch quốc tế ISSN số 1859-1469.

Ngoài những tài liệu trên, Nhà trường cũng đã xuất bản "Tuyển tập các báo cáo khoa học" để đăng tải kết quả các Hội nghị khoa học. Năm năm qua, 21 đầu sách với hàng ngàn ấn phẩm đã là tài liệu của các hội nghị, hội thảo khoa học..

Nhiều kết quả của các đề tài NCKH các cấp đã được các nhà khoa học chuyển tải thành các bài báo, báo cáo khoa học tại các hội nghị trong và ngoài nước. Tuy nhiên, các công trình công bố quốc tế còn có sự phân bố không đồng đều giữa các khoa và chủ yếu tập trung ở một số khoa như Địa chất, Dầu khí, Khoa học cơ bản, Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ (Bảng 9, 10).

Bảng 9. Số lượng các công trình công bố giai đoạn 2011-2015 được phân theo Khoa

TT	Khoa	Bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế	Bài báo đăng trên các tạp chí trong nước	Báo cáo Hội thảo, Hội nghị trong và ngoài nước
1	Cơ – Điện	3	93	68
2	Công nghệ thông tin	6	30	38
3	Dầu khí	24	130	96
4	Địa chất	34	103	124
5	Khoa học cơ bản	24	48	122
6	Giáo dục quốc phòng		2	6
7	Kinh tế - QTKD		71	155
8	Lý luận chính trị		26	32
9	Mỏ	11	79	125
10	Xây dựng	10	39	114
11	Trắc địa – Bản đồ và QLĐĐ	19	191	149
12	Môi trường	4	47	93
	Cộng	**135**	**859**	**1152**

(tên bài báo, báo cáo, tác giả chi tiết trên website: http://www.humg.edu.vn/vi/khoa-hoc-cong-nghe/tin-tuc-su-kien)

Bảng 10. Số lượng các công trình công bố giai đoạn 2011-2015 so với giai đoạn 2006-2010

TT	Nội dung	Giai đoạn 2006-2010	Giai đoạn 2011-2015	Tỉ lệ % (tăng/giảm)
1	Số bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế	27	135	+400
2	Số bài báo khoa học công bố trên tạp chí trong nước	596	859	+44,1
3	Số báo cáo công bố tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước	442	1152	+160,6

IV. Hoạt động quảng bá sản phẩm – Sở hữu trí tuệ

Trường Đại học Mỏ - Địa chất được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy phép hoạt động khoa học và công nghệ (tháng 5/2015). Theo đó, nhà trường được hoạt động nghiên cứu khoa học, thực hiện các chương trình, đề tài, dự án trong các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo của Trường; được phép chuyển giao kết quả NCKH và công nghệ, tổ chức trao đổi thông tin và thực hiện dịch vụ KHCN trong các lĩnh vực nghiên cứu của Trường và hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ của Trường.

Năm 2015, PGS.TS Trần Thanh Hải vinh dự được nhận giải thưởng Tạ Quang Bửu. Đây là Giải thưởng nhằm tôn vinh các nhà khoa học có công trình công bố xuất sắc trong nghiên cứu cơ bản được đăng trong các tạp chí đẳng cấp thế giới .

PGS.TS Đinh Văn Chiến đã được cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích (năm 2013, hiện gia hạn đến 2020) cho sản phẩm "*Phương pháp phun nổ để phục hồi chi tiết bị mài mòn*".

Theo công bố của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Bộ KHCN), Trường Đại học Mỏ - Địa chất là 1 trong 20 tổ chức của Việt Nam có nhiều công bố quốc tế nhất trong giai đoạn 2010-2014.

V. Thực hiện chuyển đổi hoạt động các Trung tâm theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP và Công ty Codeco theo Nghị định 80/NĐ-CP

Thực hiện công tác chuyển đổi các trung tâm theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP và chuyển đổi công ty theo Nghị định 80/2005/NĐ-CP, Nhà trường đã thành lập Tổ Định giá tài sản của các trung tâm. Kết quả kiểm tra cho thấy phần lớn các trung tâm đã thực hiện công tác kê khai đánh giá tài sản của đơn vị mình đầy đủ, cụ thể, đáp ứng được yêu cầu của hồ sơ chuyển đổi mô hình hoạt động theo quy định. Sau gần 10 năm thực hiện công tác chuyển đổi theo yêu cầu của Nhà nước, đến tháng 5/2014, 07 trung tâm và Công ty Codeco đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép chuyển đổi. Ngay sau khi hoàn thành thủ tục và được Bộ cho phép chuyển đổi, các trung tâm, Công ty Codeco đã khẩn trương hoàn thiện các thủ tục hành chính như xin cấp mới giấy phép hoạt động KHCN, khắc dấu mới, ... Công tác chuyển đổi của nhà trường đã hoàn thành tạo động lực mới cho các trung tâm, công ty Codeco trong hoạt động NCKH – chuyển giao công nghệ. Sau khi được chuyển đổi một số trung tâm đã mở ra được nhiều hợp đồng theo hướng liên doanh liên kết với các tổng công ty, tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

VI. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ

Hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học của nhà trường trong giai đoạn này có nhiều kết quả nổi bật, đã thực hiện được nhiều đề tài, dự án như: 02 nhiệm vụ hợp tác KHCN theo nghị định thư với CH Pháp và CHLB Đức; 02 nhiệm vụ hợp tác song phương với Ba Lan và Nhật Bản; đồng chủ trì pha I và II dự án VietAs với Đan Mạch (đã kết thúc) với kết quả tốt; đang phối hợp với Trường Đại học Khoa học tự nhiên tiếp tục thực hiện dự án với Đan Mạch do Liên minh Châu Âu tài trợ kinh phí. Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị ngoài nước tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế nhằm tạo điều kiện cho các nhà khoa học của trường có điều kiện trao đổi thông tin, học hỏi kinh nghiệm về chuyên môn, nâng cao trình độ ngoại ngữ, đồng thời nâng cao uy tín và vị thế của nhà trường trong hoạt động KHCN.

VII. Công tác quản lý KHCN

Nhiệm vụ quản lý các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ hàng năm của Trường đã đi vào nề nếp. Công tác này đã được phòng KHCN và các phòng chức năng liên quan bám sát các văn bản pháp quy, quy chế nội bộ để tổ chức quản lý chặt chẽ.

- Phòng KHCN thường xuyên theo dõi tiến độ, đôn đốc các chủ nhiệm đề tài, dự án triển khai nhiệm vụ theo các hợp đồng và đề cương nghiên cứu; hướng dẫn kịp thời các chủ nhiệm đề tài báo cáo tiến độ, kết quả và thực hiện kế hoạch chi tiêu theo

các quy định. Tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả các đề tài hoàn thành. Kịp thời triển khai tổ chức đăng ký các đề tài mới và xây dựng kế hoạch KHCN của Trường.

- Phòng Tài vụ đã kịp thời giải quyết kinh phí cho các đề tài, dự án thực hiện theo tiến độ và dự toán của chủ nhiệm đề tài, hướng dẫn các chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện đúng các yêu cầu quản lý chi tiêu tài chính theo quy định của Nhà nước.

- Các khoa, bộ môn kịp thời triển khai tổ chức đăng ký, xét duyệt sơ bộ các đề xuất nhiệm vụ KHCN theo hướng dẫn của Trường. Tham gia tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả ở cấp cơ sở và cấp Bộ.

Tuy nhiên, hoạt động quản lý của một số đơn vị (khoa, bộ môn chủ quản) đối với các đề tài, dự án NCKH; các hợp đồng triển khai công nghệ phục vụ sản xuất chưa được quan tâm đúng mức, thiếu sự kiểm tra đôn đốc sát sao đến việc thực hiện đề tài, dự án, hợp đồng NCKH của cán bộ thuộc đơn vị quản lý.

VIII. Công tác tài chính

Trong 5 năm qua (2011-2015) Nhà trường đã sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước đầu tư cho hoạt động KHCN. Các đề tài, dự án các cấp đều hoàn thành việc quyết toán kinh phí được cấp hàng năm.

Ngoài kinh phí được Nhà nước đầu tư, hàng năm Nhà trường còn trích một phần kinh phí đáng kể từ nguồn chi thường xuyên hỗ trợ cho các hoạt động KHCN: đề tài NCKH cấp cơ sở, NCKH của sinh viên, các hội nghị, hội thảo... nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động KHCN của Trường.

Phòng KHCN đã phối hợp chặt chẽ với phòng Tài vụ hướng dẫn, đôn đốc các chủ nhiệm đề tài quyết toán kinh phí hàng năm theo đúng quy định về tài chính.

Năm 2015, ngoài ngân sách nhà nước chi cho hoạt động cấp nhà nước và cấp bộ, nhà trường đã triển khai thực hiện nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ quy định cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm hàng năm dành tối thiểu 5% từ nguồn thu hợp pháp để đầu tư, khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị và dành 3% từ nguồn thu học phí để sinh viên và người học hoạt động nghiên cứu với tổng kinh phí chi cho hoạt động KHCN cấp cơ sở là 2.100trđ.

Phần thứ hai
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN 5 NĂM 2016-2020 VÀ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2016

A. MỤC TIÊU

Đẩy mạnh hoạt động khoa học - công nghệ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ nhu cầu xã hội của Trường Đại học Mỏ-Địa chất từ năm 2016 đến năm 2020 nhằm:

- Xây dựng Trường Đại học Mỏ-Địa chất thành một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.
- Đề xuất và trực tiếp thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả của các hoạt động khoa học - công nghệ và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, góp phần thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển Trường đã được Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XIX thông qua.
- Đổi mới công tác quản lý khoa học - công nghệ, gắn hoạt động khoa học - công nghệ với đào tạo và phục vụ nhu cầu xã hội.
- Xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quản lý về khoa học - công nghệ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

B. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU

I. Xây dựng Trường Đại học Mỏ-Địa chất theo mô hình đại học định hướng ứng dụng

1. Nghiên cứu cơ chế quản lý đại học đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao theo mô hình đại học định hướng ứng dụng;
2. Xây dựng hệ thống nghiên cứu khoa học trong mô hình chung của Trường Đại học Mỏ-Địa chất theo hướng một đại học ứng dụng;
3. Xây dựng cơ chế hoạt động và quản lý đảm bảo sự liên thông giữa 3 hệ thống chức năng trong Trường Đại học Mỏ - Địa chất: đào tạo - nghiên cứu khoa học - phục vụ nhu cầu xã hội.

II. Đổi mới quản lý và tổ chức hoạt động khoa học - công nghệ:

1. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hệ thống quản lý khoa học - công nghệ; phân cấp quản lý một cách hợp lý giữa Nhà trường và các đơn vị trong toàn trường.
2. Xây dựng qui định về nghiên cứu khoa học trong cán bộ giảng dạy của Trường Đại học Mỏ-Địa chất.
3. Xây dựng qui định về quản lý phòng thí nghiệm và trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất.
4. Rà soát và ban hành các văn bản qui định về quản lý khoa học - công nghệ nhằm khuyến khích các hoạt động sáng tạo trong hoạt động khoa học - công nghệ, thúc đẩy việc áp dụng nhanh các tiến bộ khoa học - công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội.
5. Tiếp tục thực hiện việc đổi mới tổ chức và quản lý các đơn vị khoa học - công nghệ (công ty, trung tâm nghiên cứu) tự hạch toán theo qui định của Nhà nước:
   - Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và phục vụ thực tiễn;
   - Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

6. Xây dựng cơ chế liên kết đào tạo - nghiên cứu khoa học - sản xuất kinh doanh, kết hợp chặt chẽ đào tạo với nghiên cứu khoa học giữa các đơn vị đào tạo và trung tâm nghiên cứu với các doanh nghiệp.

III. Hoạt động khoa học - công nghệ thích ứng với cơ chế thị trường

1. Xây dựng cơ chế tổ chức và quản lý các hoạt động khoa học - công nghệ và các đơn vị nghiên cứu khoa học phù hợp với cơ chế thị trường;

2. Hình thành các đơn vị dịch vụ, sản xuất tham gia phát triển thị trường khoa học - công nghệ (tư vấn, dịch vụ chuyển giao khoa học - công nghệ...).

IV. Phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ:

1. Xây dựng qui hoạch, kế hoạch về bồi dưỡng, đào tạo lại và đào tạo nguồn nhân lực khoa học - công nghệ (gồm cả đội ngũ làm khoa học và quản lý khoa học - công nghệ) của Trường; chú trọng đào tạo cán bộ khoa học - công nghệ có trình độ cao, tăng cường gửi cán bộ đi đào tạo ở các nước có trình độ khoa học - công nghệ tiên tiến.

2. Xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu khoa học - công nghệ; ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện và quản lý các hoạt động khoa học - công nghệ.

3. Xây dựng các quy định và chính sách nhằm phát triển hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ; thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ quốc tế cho phát triển khoa học - công nghệ; thu hút Việt kiều tham gia hoạt động khoa học - công nghệ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất.

4. Xây dựng qui chế về đổi mới tổ chức và quản lý trang thiết bị, phòng thí nghiệm nghiên cứu.

5. Thí điểm thành lập Viện nghiên cứu trong trường phục vụ nghiên cứu định hướng ứng dụng.

6. Thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh liên ngành giải quyết những nhiệm vụ KHCN thuộc các chương trình trọng điểm Quốc gia.

7. Thành lập Quỹ phát triển Khoa học-Công nghệ của Nhà trường.

V. Tập trung chỉ đạo việc thực hiện các hướng ưu tiên phát triển khoa học - công nghệ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất:

1. Trên cơ sở các hướng ưu tiên của Nhà nước và tiềm năng của đội ngũ cán bộ khoa học mạnh của Trường Đại học Mỏ - Địa chất, xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có định hướng và chọn lọc trong khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, định hướng cho hoạt động khoa học - công nghệ của Nhà trường.

2. Nghiên cứu các công nghệ cao, công nghệ mũi nhọn dựa trên cơ sở các thành tựu của khoa học cơ bản: công nghệ thông tin, công nghệ điện tử - viễn thông, công nghệ vật liệu mới, công nghệ môi trường, công nghệ sinh học, công nghệ nanô, công nghệ xây dựng công trình ngầm, công nghệ mới trong trắc địa-bản đồ, công nghệ thăm dò và khai thác khoáng sản biển, khoáng sản ẩn sâu,...

3. Nghiên cứu cơ bản phục vụ công tác qui hoạch lãnh thổ, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

4. Nghiên cứu những nội dung thuộc khoa học Trái đất và Mỏ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội trong bối cảnh ứng phó với Biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Nghiên cứu khoa học và công nghệ trong dự báo và khai thác khoáng sản ẩn sâu.

5. Nghiên cứu khoa học và công nghệ liên quan đến địa chất- khoáng sản biển, trắc địa biển phục vụ chiến lược khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên địa chất Biển góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ chủ quyền lãnh hải quốc gia.

6. Nghiên cứu phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ đào tạo tiên tiến trong điều kiện thực tiễn của nhà trường.

7. Nghiên cứu triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ phục vụ đời sống xã hội, nhất là cho nông thôn, vùng núi và khu vực Tây Nguyên.

8. Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ theo hướng hiện đại hoá cơ sở hạ tầng khoa học - công nghệ, phát triển có qui hoạch nguồn nhân lực khoa học - công nghệ có trình độ cao.

9. Thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản thông qua Quỹ phát triển Khoa học - Công nghệ Quốc gia.

C. TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KH&CN NĂM 2016

Năm 2016, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ vẫn tiếp tục bám sát các định hướng hoạt động KHCN đã được nêu trong kế hoạch hoạt động KHCN của Nhà trường, gồm:

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề tài KHCN các cấp đã được phê duyệt.
- Tập trung xây dựng các chương trình, đề tài KHCN mang tính liên ngành để tập hợp đông đảo các nhà khoa học trong trường cùng giải quyết về các lĩnh vực mang tính chất chuyên ngành Khoa học Trái đất và Mỏ. Tăng cường gắn kết hợp tác quốc tế trong hoạt động KHCN nhất là NCKH – chuyển giao công nghệ.
- Tham gia tích cực vào các chương trình trọng điểm của Nhà nước, Bộ, Ngành; xây dựng các đề tài NCCB trong KHTN và NCCB định hướng ứng dụng theo quỹ Nafosted.
-Tăng cường xây dựng các đề tài phục vụ các doanh nghiệp, địa phương, liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, viện nghiên cứu dựa trên năng lực, thế mạnh về các khoa học Trái đất và Mỏ của các nhà khoa học.
- Tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội thảo quốc tế để cho các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi, thảo luận về chuyên môn cũng như nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhằm nâng cao vai trò, vị thế của nhà trường.
- Nâng cao chất lượng của Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất, xuất bản 1 số của tạp chí bằng tiếng Anh trong năm 2016.
- Đầu tư, đẩy mạnh hơn nữa công tác NCKH của giảng viên trẻ và của sinh viên. Định hướng các hướng nghiên cứu là thế mạnh của trường và nhu cầu cấp bách của xã hội để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, cũng như tạo ra thương hiệu của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Trung tâm nghiên cứu, Công ty Codeco;
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, tăng cường hợp tác xây dựng các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư, hợp tác nghiên cứu song phương về các lĩnh vực thuộc các ngành đang là thế mạnh của nhà trường.
- Xây dựng các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu cho phòng thí nghiệm.

Các nhiệm vụ KHCN năm 2016, cụ thể:

1. Các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước

Tiếp tục thực hiện 06 đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước, gồm:

+ 01 đề tài NCCB định hướng ứng dụng;

+ 03 đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên;

+ 01 đề tài KHCN thuộc các chương trình trọng điểm do Bộ Công thương quản lý;

+ 01 nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu khoa học theo nghị định thư Việt – Đức.

** Hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài*

Tiếp tục xây dựng các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư, hợp tác song phương với các nước: Nhật Bản, Đức, Ba Lan, Pháp...

2. Các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ

Tập trung thực hiện 25 đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Bộ, với tổng kinh phí: 6.562trđ, gồm:

- Tiếp tục triển khai thực hiện 12 đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ chuyển tiếp từ 2015 và đôn đốc hoàn thành dứt điểm các đề tài hết hạn nghiên cứu;
- Tiếp tục triển khai thực hiện 02 nhiệm vụ hợp tác NCKH song phương với Nhật Bản và Ba Lan, kết thúc tháng 12/2016;
- Tổ chức ký hợp đồng, kịp thời triển khai thực hiện 11 đề tài mới được giao năm 2016;

3. Các nhiệm vụ NCKH – triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ NCKH - triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp, gồm:

1. Đề tài "*Sử dụng công nghệ viễn thám radar xác định mức độ sụt lún bề mặt tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*", Sở KHCN tỉnh Quảng Ninh đặt hàng, PGS.TS Nguyễn Quang Minh làm chủ nhiệm.
2. Đề tài "*Ô nhiễm asen trong nước ngầm tại các vùng đồng bằng bồi tích ở Đông Nam Á*" thuộc dự án PREAS do Liên minh Châu Âu tài trợ, do PGS.TS Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV) làm chủ nhiệm.
3. Đề tài nhánh "*Nghiên cứu đề xuất các mô hình giải pháp công nghệ khai thác và bảo vệ phát triển bền vững nguồn nước karst phục vụ cấp nước sinh hoạt tại các vùng núi cao, khan hiếm nước khu vực Bắc Bộ*" thuộc đề tài độc lập cấp Nhà nước, do Viện Thủy điện và Năng lượng tái tạo đặt hàng PGS.TS. Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV) thực hiện.

4. Các nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở

- Tổ chức triển khai thực hiện 32 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở;
- Tiếp tục thực hiện 195 đề tài NCKH sinh viên.

5. Các nhiệm vụ KHCN khác

- Tổ chức Hội nghị Quốc tế *"Các khoa học Trái đất và Phát triển bền vững Tài nguyên Địa chất - Earth Sciences and Sustainable Geo-resources Development - ESASGD 2016*" nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Trường tại 8 phân ban khoa học vào ngày 14/11/2016;
- Tổ chức biên tập, xuất bản 07 số Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất (có 03 số chuyên đề và 01 số tạp chí bằng tiếng Anh). Kiện toàn bộ máy Ban Biên tập và Hội đồng Biên tập Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất; Hoàn thành văn bản hướng dẫn chi tiết viết bài báo theo tiêu chuẩn quốc tế;
- Tiếp tục hoàn thiện phần mềm website quản lý Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất (tiếng Việt và tiếng Anh);
- Tổ chức Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 29 (5/2016) và biên tập, xuất bản Tuyển tập các công trình NCKH sinh viên năm 2016;

- Tổ chức các đội tuyển tham dự Olympic quốc gia năm 2016 các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Cơ học;

- Tổ chức các hội thảo quốc tế và các hội thảo chuyên đề;

- Thực hiện các hoạt động KHCN khác.

6. Nhiệm vụ quản lý KHCN

- Chỉnh sửa, bổ sung Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất cho phù hợp với các văn bản pháp quy của nhà nước mới ban hành.

- Xây dựng cơ sở pháp lý và tổ chức bộ máy để quản lý và chuyển giao sản phẩm NCKH.

- Ban hành Quy chế quản lý các phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu.

- Tiếp tục thực hiện quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN của Trường theo Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 5/10/2014 của Chính phủ.

Kết luận

Với những thành tích đã đạt được trong hoạt động KHCN 5 năm (2011-2015), Trường Đại học Mỏ - Địa chất xứng đáng với vai trò là một cơ quan khoa học đầu ngành trong cả nước về các lĩnh vực Mỏ, Địa chất, Trắc địa, Dầu khí. Hoạt động KHCN đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học, đồng thời góp phần nâng cao trình độ chuyên môn của các cán bộ khoa học trong Trường. Các kết quả NCKH - chuyển giao công nghệ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã có nhiều đóng góp quan trọng phục vụ cho việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của trung ương và nhiều địa phương trong cả nước.

Hoạt động KHCN 5 năm qua (2011-2015) của Trường đã giành được những kết quả tốt đẹp, đóng góp xứng đáng vào thành tích chung của Trường và khẳng định vai trò quan trọng của công tác NCKH và triển khai công nghệ đối với nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

Những thành quả hoạt động KHCN của Trường trong thời gian qua khởi nguồn từ sự đoàn kết nhất trí cao của các nhà khoa học, tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ, viên chức, của các tổ chức nghiên cứu và quản lý Nhà trường dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy và Ban Giám hiệu. Bên cạnh đó là sự giúp đỡ nhiệt tình, hiệu quả của các Bộ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương,...), cùng nhiều Ban, Ngành trung ương và các địa phương trong cả nước đã góp phần không nhỏ vào thành công trên.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020 của Nhà trường là rất nặng nề. Nhưng với sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, với truyền thống đoàn kết của đội ngũ cán bộ viên chức trong toàn Trường và tiềm năng chất xám của đội ngũ cán bộ khoa học, với mối quan hệ rộng rãi của Trường với các cơ quan và địa phương trong cả nước, tin tưởng rằng Trường Đại học Mỏ - Địa chất sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ KHCN giai đoạn tới./.

Bảng 1. Danh mục đề tài, nhiệm vụ NCKH các cấp thực hiện năm 2015
(đến tháng 25/3/2016)

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
			Nhà nước	*Bộ*	*Trường*	
I.	***Khoa Công nghệ thông tin 06 đề tài*** (01 đề tài cấp Nhà nước + 02 đề tài cấp Bộ+ 03 đề tài cấp cơ sở)					
1	Trương Xuân Luận	Tin học Địa chất	NCCB-ĐHUD.2012-G/01			Đang thực hiện
2	Lê Văn Hưng	Công nghệ phần mềm		02/2012/HĐ-HTQTSP		Đang thực hiện
3	Nguyễn Tuấn Anh	Tin học Trắc địa		B2015-02-26		Đang thực hiện
4	Lê Hồng Anh	Tin học Mỏ			T15-01	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
5	Phạm Thị Nguyệt	Tin học Kinh tế			T15-02	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
6	Lê Thanh Huệ	Tin học Kinh tế			T15-41	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
II.	***Khoa Cơ điện 02 đề tài*** (02 đề tài cấp cơ sở)					
7	Khổng Cao Phong	Tự động hóa			T15-03	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
8	Bùi Đình Thanh	Điện khí hóa			T15-04	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
III.	***Khoa Dầu khí 12 đề tài*** (04 đề tài cấp Nhà nước+07 đề tài cấp Bộ + 01 đề tài cấp cơ sở)					
9	Tống T. Thanh Hương	Lọc – Hóa dầu	ĐT.04.12/NLSH			Đã có QĐ HĐ nghiệm thu cấp NN
10	Triệu Hùng Trường	Thiết bị Dầu khí và CT	ĐT.14.13/ĐMCNKK			Đã gửi hồ sơ chờ nghiệm thu cấp NN
11	Nguyễn Anh Dũng	Lọc – Hóa dầu	ĐT.13.12/ĐMCNKK			Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
12			DA.16/08			Đang thực hiện
13				B2015-02-25		Đang thực hiện
14	Lê Khánh Phồn	Địa vật lý		01/2012/HĐ-HTQTSP		Đang thực hiện
15	Phạm Văn Tuấn	Địa chất dầu		B2010-02-90		Quá hạn 48 tháng
16	Trần Đình Kiên	Khoan – Khai thác		CTB-2012-02		Chuẩn bị Hội nghị tổng kết
17	Phan Thiên Hương	Địa vật lý		B2013-02-12		Đã nghiệm thu cấp cơ sở
18	Lê Hải An	Địa vật lý		B2014-02-19		Đang thực hiện
19	Nguyễn Thế Vinh	Khoan Khai thác		B2014-02-20		Đang thực hiện
20	Nguyễn Thị Linh	Lọc – Hóa dầu			T15-05	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
IV.	***Khoa Địa chất 24 đề tài*** (08 đề tài cấp Nhà nước +13 đề tài cấp Bộ+03 đề tài cấp cơ sở)					
21	Đoàn Văn Cánh	Địa chất thủy văn	KC.08-06/11-15			Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
22	Trần Thanh Hải	Địa chất	BĐKH.42			Đã nghiệm thu, xếp loại Xuất sắc
23	Ngô Xuân Thành	Địa chất	105.01.2011.14			Đã nộp hồ sơ nghiệm thu
24	Phạm Trung Hiếu	Khoáng thạch	105.03.2011.23			Đã nghiệm thu

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
			Nhà nước	*Bộ*	*Trường*	
25	Trần Mỹ Dũng	Địa chất	105.01.2012.06			Đang tổng kết
26	Hoàng Văn Long	Địa chất biển	105.01.2011.18			Đang tổng kết
27				B2015-02-24		Đang thực hiện
28	Nguyễn Văn Lâm	Địa chất thủy văn	105.99.2014.19			Đang thực hiện
29				CTB-2012-02-04		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
30	Nguyễn Quang Luật	Khoáng sản		B2011-02-03		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
31	Nguyễn Bách Thảo	Địa chất thủy văn		B2010-02-84		Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
32	Lê Trọng Thắng	Địa chất công trình		B2012-02-07		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
33	Lê Tiến Dũng	Khoáng thạch		CTB-2012-02-01		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
34	Tô Xuân Vu	Địa chất công trình		CTB-2012-02-02		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
35	Nguyễn Văn Phóng	Địa chất công trình		CTB-2012-02-03		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
36	Trần Bình Chư	Khoáng sản		CTB-2012-02-05		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
37	Nguyễn Huy Phương	Địa chất công trình		CTB-2012-02-06		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
38	Đỗ Minh Toàn	Địa chất công trình		CTB-2012-02-07		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
39	Phạm Thị Vân Anh	Khoáng thạch		B2013-02-13		Đã có HĐ nghiệm thu cấp cơ sở
40	Lê Thị Thu	Khoáng sản		B2013-02-14		Nghiệm thu cấp cơ sở
41	Bùi Hoàng Bắc	Tìm kiếm thăm dò	105.03.2011.11			Đang tổng kết
42					T15-16	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
43	Nguyễn Đình Luyện	Khoáng sản			T15-14	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
44	Nguyễn Hữu Hiệp				T15-15	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
V.	***Khoa Đại học đại cương 11 đề tài*** (02 nhiệm vụ cấp nhà nước +01 đề tài cấp Bộ + 08 đề tài cấp cơ sở)					
45	Bùi Thị Thanh Lan	Vật lý	14/2011/HĐ.NĐT			Nghiệm thu, xếp loại đạt
46	Vũ Kim Thư	Hóa	104.01.2012.24			Đang tổng kết
47	Vũ Thị Minh Hồng	Hóa		B2014-02-16		Đang thực hiện
48	Lê Đắc Tuyên	Vật lý			T15-06	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
49	Đinh Văn Thiên	Vật lý			T15-07	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
50	Đào Việt Thắng	Vật lý			T15-08	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
51	Lê Thị Duyên	Hóa			T15-09	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
52	Nguyễn Thị Thu Hiền	Hóa			T15-10	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
53	Công Tiến Dũng	Hóa			T15-11	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
54	Võ Thị Hạnh	Hóa			T15-12	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
			Nhà nước	*Bộ*	*Trường*	
55	Dương Thúy Hường	Ngoại ngữ			T15-13	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
VI.	***Khoa Mỏ 08 đề tài*** (01 đề tài Nhà nước + 03 đề tài cấp Bộ+ 04 đề tài cấp cơ sở)					
56	Vũ Đình Hiếu	Khai thác lộ thiên	105.08.2014.10			Đang thực hiện
57				B2014-02-05ATLĐ		Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
58	Bùi Xuân Nam	Khai thác lộ thiên		B2015-02-06ATLĐ		Đang tổng kết
59	Phạm Văn Luận	Tuyển khoáng		B2014-02-17		Đang thực hiện
60	Nhữ Thị Kim Dung	Tuyển khoáng			T15-17	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
61	Trần Trung Tới	Tuyển khoáng			T15-18	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
62	Phạm Văn Hòa	Khai thác lộ thiên			T15-19	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
63	Đỗ Ngọc Hoàn	Khai thác lộ thiên			T15-20	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
VII.	***Khoa Môi trường 07 đề tài*** (01 đề tài HT NĐT+ 03 đề tài cấp Bộ + 04 đề tài cấp cơ sở)					
64	Nguyễn Phương	Môi trường cơ sở		B2013-02-15		Nghiệm thu cơ sở
65				B2014-02-01MT		Đã nghiệm thu
66	Nguyễn Quốc Phi	Môi trường cơ sở		B2014-02-21		Đang thực hiện
67	Phan Quang Văn	KT môi trường mỏ	NĐT.02.GER/15			Đang thực hiện
68	Vũ Thị Lan Anh	Môi trường cơ sở			T15-21	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
69	Nguyễn Hoàng Nam	KT môi trường mỏ			T15-22	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
70	Trần Thị Thanh Thủy	ĐST và CNMT			T15-23	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
71	Vũ Thị Phương Thảo	ĐST và CNMT			T15-24	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
VIII.	***Khoa Trắc địa 12 đề tài*** (01 đề tài NCCB + 06 đề tài cấp Bộ+ 05 đề tài cấp cơ sở)					
72	Trần Khánh	Trắc địa công trình		B2010-02-105TĐ		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
73	Nguyễn Quang Minh	TĐPT và sai số		B2012-02-06		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
74			105.99.2014.25			Đang thực hiện
75	Dương Vân Phong	Trắc địa cao cấp		B2012-02-08		Nghiệm thu cấp cơ sở
76	Trần Thùy Dương	Địa chính		B2013-02-11		Nghiệm thu cấp cơ sở
77	Nguyễn Văn Sáng	Trắc địa cao cấp		B2014-02-18		Đang thực hiện
78	Dương Thành Trung	TĐPT và sai số		B2015-02-22		Đang thực hiện
79	Lưu Anh Tuấn	TĐPT và sai số			T15-29	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
80	Trần Vân Anh	Đo ảnh và viễn thám			T15-30	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
81	Nguyễn Quốc Long	Trắc địa mỏ			T15-31	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
82	Phạm Thanh Thạo	TĐPT và sai số			T15-32	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
83	Bùi Ngọc Quý	Bản đồ			T15-33	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
			Nhà nước	*Bộ*	*Trường*	
IX.	***Khoa Xây dựng 02 đề tài*** (01 đề tài Nhà nước+01 đề tài cấp Bộ + 03 đề tài cấp cơ sở)					
84	Nguyễn Quang Phích	XDCTN&Mỏ	NCCB-ĐHUD.2011-G/13			Chờ nghiệm thu cấp NN
85	Nguyễn Trọng Dũng	XD cơ sở hạ tầng		B2015-02-23		Đang thực hiện
86	Đặng Trung Thành	XDCTN và mỏ			T15-34	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
87	Trần Tuấn Minh	XDCTN và mỏ			T15-35	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
88	Nguyễn Văn Mạnh	Kỹ thuật xây dựng			T15-36	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
X.	***Khoa Kinh tế và QTKD 04 đề tài*** (04 đề tài cấp cơ sở)					
89	Bùi Thị Thu Thủy	K.toán doanh nghiệp			T15-25	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
90	Nguyễn T. Bích Ngọc	Kinh tế cơ sở			T15-26	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
91	Vũ Diệp Anh	Kinh tế cơ sở			T15-27	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
92	Đồng Thị Bích	QTDN mỏ			T15-28	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
XI.	***Khoa Lý luận chính trị 01 đề tài*** (01 đề tài cấp cơ sở)					
93	Nguyễn Thi Phương				T15-37	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
XII.	***Các đơn vị khác 05 đề tài*** (02 nhiệm vụ cấp Bộ + 03 đề tài cấp cơ sở)					
94	Nguyễn Quang Luật	Phòng KHCN		B2015-02-33NV		Đang tổng kết
95	Đinh Văn Thắng	Phòng KHCN		B2015-02-34NV		Đang thực hiện
96		Phòng KHCN			T15-40	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
97	Nguyễn Văn Quảng	Khoa GDQP			T15-38	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
98	Hà Văn Thanh	Khoa GDQP			T15-39	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá

Tổng cộng: 98 đề tài thực hiện trong năm 2015, trong đó:

1. Cấp Nhà nước: 19 (*02 đề tài thuộc chương trình; 02 NCCB ĐHƯD; 09 NCCB; 02 NĐT; 04 đề tài thuộc Bộ Công thương quản lý);*
2. Cấp Bộ: 38 (*01 chương trình, 28 đề tài, nhiệm vụ được cấp kinh phí 2015; 09 đề tài chuyển từ năm trước sang không còn kinh phí 2015);*
3. Cấp cơ sở: 41 *(39 đề tài và 02 nhiệm vụ. Kết quả nghiệm thu: Tốt: 25; Khá: 14; Đạt 02).*

Bảng 2. Tổng hợp số lượng đề tài NCKH các cấp thực hiện và quyết toán kinh phí năm 2015

(Phân theo các Khoa trong toàn Trường)

TT	Đơn vị quản lý đề tài, nhiệm vụ KHCN	Đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước *(số lượng/tổng kinh phí (trđ))*					Đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ *(số lượng/tổng kinh phí (trđ))*				Đề tài NCKH cấp cơ sở *(số lượng/tổng KP (trđ))*
		Chương trình KHCN	*Bộ Công Thương quản lý*	*NCCB ĐHƯD*	*NCCB trong KHTN*	*Nghị định thư*	*Chương trình KHCN*	*Đề tài, nhiệm vụ KHCN*	*Đề tài HTQT song phương*	*Dự án Tăng cường NLNC*	
1	Khoa KHCB				1/77,7			1/105			8/255
2	Khoa Mỏ				1/386			2/310			4/115
3	Khoa Địa chất	2/4300			2/550		1/491	10/2950			3/120
4	Khoa Dầu khí		2/1690					4/626	1/380		1/40
5	Khoa Trắc địa- Bản đồ và QLĐĐ				1/339			3/538			5/150
6	Khoa Cơ – Điện										2/40
7	Khoa Môi trường					1/1880(*)		3/640			4/130
8	Khoa Xây dựng							1/70		1/6000	3/80
9	Khoa KTế-QTKD										4/57
10	Khoa Lý luận chính trị										1/12
11	Khoa CNTT			1/1065				1/60	1/380		3/100
12	Các đơn vị khác							2/500			3/84
Tổng cộng		**2/4300**	**2/1690**	**2/1065**	**5/1.352,7**	**1/1880(*)**	**1/491**	**27/5799**	**2/760**	**1/6000**	41/1183

Ghi chú: (*): đề tài, nhiệm vụ chưa quyết toán kinh phí năm 2015

Bảng 3. Bảng tổng hợp số lượng đề tài NCKH các cấp thực hiện và kinh phí quyết toán giai đoạn 2011- 2015

(Phân theo các Khoa trong toàn Trường)

TT	Đơn vị quản lý đề tài, nhiệm vụ KHCN	Đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước Số lượng các đề tài/Kinh phí thực hiện (trđ)						Đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ Số lượng các đề tài/Kinh phí thực hiện (trđ)				Đề tài NCKH cấp cơ sở *(số lượng/tổng KP (trđ))*
		Chương trình KHCN	*Bộ Công Thương quản lý*	*NCCB ĐHƯD*	*NCCB trong KHTN*	*Nghị định thư*	*KHCN tiềm năng*	*Chương trình KHCN*	*Đề tài, nhiệm vụ KHCN*	*Đề tài HTQT song phương*	*Dự án Tăng cường NLNC*	
1	Khoa Khoa học cơ bản				1/777	1/3.000			1/180			44/882
2	Khoa Mỏ		2/3.850		1/386				5/2.215			18/465
3	Khoa Địa chất	2/11.700			8/5.578			1/850	13/8.990		1/8.000	32/1.120
4	Khoa Dầu khí		5/10.110		1/520		3/2.488		7/3.250	1/1.760		12/475
5	Khoa Trắc địa- Bản đồ và QLĐĐ				1/339				5/2.165			21/554
6	Khoa Cơ – Điện											15/427
7	Khoa Môi trường					1/1.880			7/1.730			9/285
8	Khoa Xây dựng			1/4.100					1/70		1/7.000	6/153
9	Khoa KTế-QTKD											18/270
10	Khoa Lý luận C.trị											16/176
11	Khoa CNTT			1/2.202					3/930	1/1.760		26/629
12	Các đơn vị khác								2/500			11/192
Tổng cộng		**2/11.700**	**7/13.960**	**2/6.302**	**12/7.600**	**2/4.880**	**3/2.488**	**1/850**	**44/20.030**	**2/3.520**	**2/15.000**	**228/5.628**

Ghi chú: *số liệu chỉ tính với các đề tài, nhiệm vụ các cấp được cấp kinh phí trong giai đoạn 2011-2015.*

Bảng 4. Tình hình thực hiện đề tài KHCN cấp Tỉnh, thành phố và tương đương giai đoạn 2011-2015

TT	Mã số	Đơn vị đặt hàng	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện *(từ ...đến)*	Tổng kinh phí (đ)	Tình hình thực hiện
1	546ĐC/HĐ09	Sở KHCN tỉnh Ninh Bình	Nghiên cứu tổng hợp tài nguyên NDĐ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình điều tra chi tiết hóa phục vụ cấp nước cho một số khu vực trọng điểm	Lê Tiến Dũng	2009-2011	600 000 000	Đã nghiệm thu
2	549ĐC/HĐ09	Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Điều tra, đánh giá khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế và vùng cho phép khai thác sử dụng nước trên địa bàn TP Hà Nội	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2009-2011	4 538 130 000	Đã nghiệm thu
3	551ĐC/HĐ10	Sở KHCN tỉnh Kon Tum	Nghiên cứu đánh giá tiềm năng dải khoáng hóa Au-Cu-Mo ở Sa Thầy Đắc Tô để phục vụ cho quy hoạch, đầu tư khai thác khoáng sản	Lê Tiến Dũng	2010-2012	1 199 623 000	Đã nghiệm thu
4	552ĐC/HĐ11	Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hà Nội	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2011-2012	3 229 859 000	Đã nghiệm thu
5	555ĐC/HĐ12	Sở KHCN tỉnh Ninh Bình	Điều tra, đánh giá tổng hợp điều kiện địa chất tự nhiên, môi trường khu vực Cồn Nổi và vùng đất ngập nước ven biển trên địa bàn tỉnh Ninh Bình phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng	Lê Tiến Dũng	2012-2013	930 000 000	Đã nghiệm thu
6	556ĐC/HĐ12	Sở KHCN tỉnh Kon Tum	Nghiên cứu đánh giá tiềm năng đá mỹ nghệ tỉnh Kon Tum phục vụ quy hoạch thăm dò, khai thác	Nguyễn Khắc Giảng	2012-2015	1 495 875 000	Đã nghiệm thu giai đoạn 1
7	561ĐC/HĐ13	Sở KHCN Hà Nội	Nghiên cứu bổ sung hoàn thiện bản đồ địa chất - khoáng sản tỉ lệ 1:50.000 thành phố Hà Nội phục vụ quy hoạch đô thị và phát triển bền vững	Hoàng Văn Long	2013-2015	2 250 000 000	Đã nghiệm thu
8	562ĐC/HĐ14	Sở Tài nguyên và Môi trường Tuyên Quang	Nghiên cứu đánh giá địa chất và thảm động thực vật núi Khe Pậu, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang nhằm phục vụ phát triển kinh tế du lịch	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	1/2014-12/2014	419 878 000	Đã nghiệm thu
9	564ĐC/HĐ14	Dự án hợp tác với Viện Khảo sát Địa chất Đan Mạch	Dự án "Ô nhiễm asen trong nước ngầm tại các vùng đồng bằng bồi tích ở Đông Nam Á"	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2014-2017	2 107 564 000	Đang thực hiện

10	567ĐC/HĐ15	Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Nam	Giải pháp quản lý tổng hợp tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2015-2016	477 000 000	Đang thực hiện
11	569ĐC/HĐ16	Viện Khoa học Thủy Lợi	Nghiên cứu đề xuất các mô hình, giải pháp công nghệ khai thác và bảo vệ phát triển bền vững nguồn nước karst phục vụ cấp nước sinh hoạt tại các vùng núi cao, khai hiếm nước khu vực Bắc Bộ	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2016-2018	2449 000 000	Đang thực hiện
12	64DK/HĐ11	Sở KHCN tỉnh Quảng Ngãi	Xây dựng và quản lý dữ liệu thông tin - bản đồ địa chất khoáng sản để phục vụ cho việc quản lý, quy hoạch, đầu tư phát triển khai thác khoáng sản tỉnh Quảng Ngãi	Nguyễn Kim Long	2011-2012	439 200 000	Đã nghiệm thu
13	67DK/HĐ11	Sở KHCN tỉnh Lai Châu	Điều tra khảo sát dịch tễ học dân cư sống trong khu vực mỏ đất hiếm của huyện Phong Thổ, Tam Đường tỉnh Lai Châu	Lê Khánh Phồn	2011-2012	862 790 000	Đã nghiệm thu
14	75DK/HĐ13	Tập đoàn Dầu khí VN	Nghiên cứu đặc điểm trầm tích và đánh giá chất lượng đá chứa cacbonnat tuổi Miocen khu vực Phú Khánh	Lê Hải An	2013-2014	2161 000 000	Đã nghiệm thu
15	76DK/HĐ13	Công ty Điều hành thăm dò khai thác dầu khí nước ngoài	Nghiên cứu địa chấn địa tầng phân tập cho các lô Champasak và Saravan -CHDCND Lào	Nguyễn Thị Minh Hồng	2013-2014	897 750 000	Đã nghiệm thu
16	77DK/HĐ13	Công ty Điều hành thăm dò khai thác dầu khí nước ngoài	Nghiên cứu địa tầng phân tập và môi trường trầm tích cho lô M-2 thềm lục địa Myarmar	Nguyễn Thị Minh Hồng	2013-2014	1 894 830 000	Đã nghiệm thu
17	83DK/HĐ15	Cty Lọc hóa dầu Bình Sơn	Nâng cao hiệu quả sử dụng và thu hồi xúc tác trong phân xưởng cracking xúc tác (RFCC) nhà máy Lọc dầu Dung Quất	Nguyễn Anh Dũng	2015-2016	3 668 000 000	Đang thực hiện
18	93M/HĐ12	Sở KHCN tỉnh Cao Bằng	Nghiên cứu lựa chọn các giải pháp kỹ thuật công nghệ và quản lý nhằm giảm tổn thất tài nguyên và ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác một số khoáng sản trọng điểm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Nguyễn Phụ Vụ	2012-2013	640 000 000	Đã nghiệm thu

19	17CNTT/HĐ122	Sở KHCN tỉnh Gia Lai	Xây dựng và quản lý dữ liệu thông tin địa chất khoáng sản tỉnh Gia Lai	Lê Thanh Huệ	2012-2013	750 000 000	Đã nghiệm thu
20	89TĐ/HĐ09	Sở KHCN tỉnh Gia Lai	Ứng dụng công nghệ tích hợp tư liệu viễn thám và hệ thống thông tin địa lý để thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp tại huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Phạm Vọng Thành	2010-2012	562 360 000	Đã nghiệm thu
21	90TĐ/HĐ15	Sở KHCN tỉnh Quảng Ninh	Sử dụng công nghệ viễn thám radar xác định mức độ sụt lún bề mặt tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Quang Minh	2014-2015	896 000 000	Đang thực hiện
22	21MT/HĐ12	Trung tâm Năng lượng Hạt nhân (IACA)	Ứng dụng phương pháp đồng vị môi trường đánh giá tính bền vững của trữ lượng tầng qp vùng Hà Nội	Bùi Học/Đỗ Văn Bình	2013-2015	187 500 000	Đã nghiệm thu
23	23ĐHĐC/HĐ14	Sở KHCN tỉnh Quảng Ninh	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ LiDAR để quan trắc môi trường bụi không khí tỉnh Quảng Ninh	Bùi Thị Thanh Lan	2014-2015	597 851 000	Đang tổng kết

Bảng 5. Hoạt động KHCN của các trung tâm, công ty CODECO năm 2015

(số liệu tính đến ngày 25/3/2016)

(theo số liệu báo cáo của các Trung tâm, công ty)

TT	Trung tâm, công ty	Số hợp đồng thực hiện năm 2015	Kinh phí thực hiện (1000đ)			Kinh phí nộp Trường (1000đ)				Các loại thuế (1000đ)
			Tổng	Đã về năm 2015	Đã quyết toán số kinh phí	Số nợ tồn trước 2015	Mức giao nộp 2015 (1,5%)	Đã nộp	Còn phải nộp	
1	Công ty CODECO	62	23 723 540		23 723 540	237 426	355 853	592 850		2 643 850
2	TT NC Địa kỹ thuật	338	58 000 000		58 000 000		870 000	870 000		2 878 400
3	TT NC Môi trường Địa chất	78	37 884 739		37 884 739		568 271	568 271		4 501 246
4	TT Hỗ trợ Phát triển KHKT	85	23 749 962		23 749 962		356 249	356 249		1 719 758
5	TT KHCN Mỏ và Môi trường	83	9 367 511		9 367 511		140 513	140 513		729 579
6	TT NC Trắc địa công trình	21	5 667 000		5 667 000	25 260	85 005	85 000	25 260	607 700
7	TT NCUD CNM Trắc địa - Bản đồ	26	10 555 000		9 597 828		144 000	144 000		1 000 000
8	TT NC Cơ điện mỏ	17	3 386 638		2 550 314		38 255	38 255		300 000
9	TT TK Công nghệ khoáng chất	25	5 956 035		5 956 035		89 341	89 341		702 427
	Tổng cộng	**735**	**178 290 425**		**176 496 929**	**262 686**	**2 647 487**	**2 884 479**	**25 260**	**15 082 960**

* Ghi chú: ***Mức giao nộp năm 2015 là 1,5% tổng doanh thu (mức đóng góp tối thiểu 30 trđ).***

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

BÁO CÁO

TỔNG KẾT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2016 VÀ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2017

Hà nội, 3/2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

BÁO CÁO

TỔNG KẾT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2016 VÀ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2017

Hà nội, 3/2017

Kính thưa .....

Thưa các quý vị đại biểu,

Năm 2016, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII về Khoa học và Công nghệ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XIX và Chương trình phát triển Khoa học và Công nghệ của Nhà trường, hoạt động khoa học và công nghệ (KHCN) của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ.

Phát huy tiềm năng, thế mạnh và truyền thống nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ và giảng viên trong trường, trong năm qua chúng ta đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ và kế hoạch KHCN năm 2016 của Nhà trường.

Hôm nay, Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động KHCN nhằm đánh giá kết quả hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ đã đạt được trong năm 2016; rút ra các bài học kinh nghiệm và khắc phục những tồn tại trong hoạt động KHCN của Trường, trên cơ sở đó đặt mục tiêu và phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ KHCN cho năm 2017.

Báo cáo tổng kết hoạt động KHCN năm 2016 và triển khai hoạt động KHCN năm 2017 gồm 2 phần chính:

1. Kết quả hoạt động KHCN năm 2016;
2. Kế hoạch và phương hướng triển khai hoạt động KHCN năm 2017.

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2016

A. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

I. Tiềm lực khoa học và công nghệ

Tiềm lực khoa học của Trường được thể hiện qua các nhân tố sau đây:

Nhân lực khoa học: Tính đến thời điểm năm 2016, Trường ta có 681 giảng viên, trong đó 02 GS.TS, 56 PGS.TS, 151 TS, 393 ThS và 79 KS/CN. Số giảng viên có trình độ tiến sỹ trở lên là 209 người (chiếm 30,7% tổng số cán bộ giảng dạy).

Về tổ chức hoạt động khoa học công nghệ: Trường có 08 trung tâm nghiên cứu hoạt động trong các lĩnh Khoa học Trái đất và Mỏ và 01 công ty (Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất - Codeco) hoạt động theo loại hình doanh nghiệp khoa học công nghệ.

hỗ trợ cho 01 NCS. Đề tài bảo vệ cấp Nhà nước tháng 4/2016, với kết quả xếp loại Khá.

- Đề tài *"Nghiên cứu xây dựng mô hình địa thống kê đánh giá tài nguyên khoáng mỏ khai thác lộ thiên"* mã số NCCB-ĐHUD.2012-G/01 do PGS.TS Trương Xuân Luận chủ nhiệm. Thời gian thực hiện từ 12/2012 đến 12/2017, với tổng kinh phí là 2.900đ. Kết quả nghiên cứu của đề tài: Hoàn thành 02 modul cơ sở dữ liệu bản đồ cho hai khu mỏ (đồng Sin Quyền và than Cao Sơn). Tổ chức được 02 đoàn ra trao đổi học thuật – báo cáo hội thảo tại Pháp và Áo. Công bố 01 bài báo quốc tế, 1 bài báo trong nước; 02 báo cáo hội thảo nước ngoài và 3 báo cáo khoa học trong nước. Đào tạo được 3 ThS, hỗ trợ 3 NCS theo hướng đề tài. Chủ nhiệm đề tài cần đẩy nhanh tiến độ và báo cáo cơ sở trong quý III/2017.

II.1.3. Đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên

10 đề tài tiếp tục thực hiện trong năm 2016. Đến nay, kết quả nghiên cứu của các đề tài này đã công bố 8 bài báo thuộc danh mục ISI, 10 bài báo trong nước; 14 báo cáo khoa học tại hội nghị quốc tế và trong nước; hỗ trợ đào tạo cho 5 NCS và đào tạo được 13 thạc sỹ.

Kết quả thực hiện đã có 03 đề tài được Quỹ Nafosted cho phép nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; 05 đề tài đang thực hiện đúng tiến độ; 01 đề tài đã nộp báo cáo chờ nghiệm thu, còn 01 đề tài chưa hoàn thành báo cáo tổng kết do chưa đủ số lượng bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI.

Hàng năm, nhà trường được Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia phê duyệt tài trợ từ 2 đến 3 đề tài thực hiện. Kết quả nghiên cứu của các đề tài được hỗ trợ từ quỹ Nafosted đã góp phần đẩy mạnh công bố nhiều công trình khoa học dưới dạng các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành ở trong và ngoài nước; góp phần tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, nâng cao trình độ cho cán bộ khoa học và đào tạo nhân lực trình độ cao cho các ngành Địa chất, Khai thác mỏ, Trắc địa, Hóa, Môi trường, ...

II.1.4. Đề tài thuộc các chương trình trọng điểm Nhà nước do Bộ Công thương quản lý

Năm 2016, Nhà trường tiếp tục thực hiện 03 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước thuộc các chương trình trọng điểm do Bộ Công thương quản lý. Kết quả, đã có 02 nhiệm vụ được nghiệm thu cấp Nhà nước, còn 01 nhiệm vụ đang khẩn trương tổng kết, sẽ hoàn thành trong năm 2017.

II.1.5. Thực hiện nhiệm vụ HTNC theo Nghị định thư với nước ngoài

Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt – Đức *"Hợp tác nghiên cứu thành phần vật chất, đề xuất quy trình công nghệ chế biến, định hướng phương pháp khai thác và bảo vệ môi trường mỏ đất hiếm Nậm Xe, tỉnh Lai Châu, Việt Nam"* do PGS.TS Phan Quang Văn làm chủ nhiệm. Thời hạn 36 tháng (từ tháng 12/2015 đến

thảo trong và ngoài nước; xuất bản được 04 sách chuyên khảo, 02 sách, giáo trình; hỗ trợ đào tạo 10 tiến sỹ, đào tạo được 27 thạc sỹ.

Ngoài các đề tài thực hiện và nghiệm thu đúng tiến độ còn đề tài cấp Bộ mã số B2013-02-13 tồn đọng từ năm 2015 chuyển sang chưa nghiệm thu. Chủ nhiệm đề tài cần khẩn trương nghiệm thu trong tháng 4/2017.

II.2.3. Nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương với Ba Lan và Nhật Bản tiếp tục được thực hiện năm 2016, gồm:

- Nhiệm vụ "*Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường phóng xạ đối với con người do hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản chứa phóng xạ và đề xuất giải pháp phòng ngừa*" do GS.TS Lê Khánh Phồn làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (1/2012 -12/2014) được gia hạn đến 12/2016, tổng kinh phí 2.600 tr.đ. Kết quả nghiên cứu đã đạt được của đề tài gồm: Công bố 03 bài báo trên tạp chí quốc tế; 02 bài báo trong nước; 07 báo cáo khoa học tại hội nghị; hướng dẫn 01 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn, hướng dẫn 01 NCS làm luận án theo hướng đề tài. Đề tài đã được nghiệm thu tháng 2/2017, kết quả đạt loại Tốt.

- Nhiệm vụ "*Phát triển năng lực nghiên cứu đánh giá một số biến động môi trường điển hình phục vụ định hướng phát triển bền vững lưu vực sông Hồng phần lãnh thổ Việt Nam*" do TS. Lê Văn Hưng làm chủ nhiệm Thời gian thực hiện 36 tháng (1/2012 -12/2014), được gia hạn đến 10/2017. Đến tháng 12/2016 nhiệm vụ được cấp đủ kinh phí là 2.600 tr.đ. Đề tài đã hoàn thành các chuyên đề, một số mô hình phục vụ đánh giá các biến động môi trường điển hình cho lưu vực sông Hồng, hoàn thành bộ cơ sở dữ liệu về biến động môi trường điển hình, công bố 01 bài báo quốc tế, 02 bài báo trong nước; 05 báo cáo hội thảo quốc tế và 01 báo cáo khoa học trong nước, đào tạo 02 ThS, hỗ trợ hướng dẫn 02 NCS. Tổ chức đoàn các nhà khoa học trao đổi và học hỏi kinh nghiệm tại Nhật Bản. Dự kiến nghiệm thu cơ sở cuối quý II/2017.

II.3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Trong năm 2016, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã phê duyệt và triển khai thực hiện 31 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở, 240 đề tài NCKH của sinh viên, tổ chức một số Hội thảo khoa học quốc tế, hội thảo chuyên đề và thực hiện một số nhiệm vụ KHCN khác (hỗ trợ thông tin xuất bản, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, ...).

Đề tài NCKH cấp cơ sở chủ yếu được xây dựng trên kế hoạch phát triển khoa học - công nghệ và đào tạo của nhà trường, có xét ưu tiên cho các NCS, học viên cao học và cán bộ trẻ thực hiện. Đến nay, 29 đề tài được nghiệm thu (đạt 93,5%). Kết quả các đề tài xếp loại, gồm: Tốt: 20; Khá: 07; Đạt: 02. Các đề tài này đã được thanh quyết toán tài chính theo đúng quy định của nhà nước.

Công tác quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nhà trường không ngừng đổi mới từ công tác xét duyệt đến tổ chức thực hiện và lập các Hội đồng đánh giá, nghiệm

1. Các hợp đồng ký về trường

Năm 2016 có nhiều khó khăn cho hoạt động NCKH ứng dụng và chuyển giao công nghệ thuộc các ngành nghề trọng tâm của nhà trường như Địa chất công trình, Dầu khí, Thăm dò - Khai thác khoáng sản, điều tra địa chất cơ bản, tai biến địa chất và môi trường,.... Các đề tài, hợp đồng NCKH được thực hiện trong năm chủ yếu từ những năm trước chuyển sang.

Năm 2016, đã có 15 đề tài, hợp đồng NCKH - triển khai công nghệ ký về trường được thực hiện với tổng kinh phí quyết toán theo hợp đồng là 3.327,984 tr.đ (chi tiết xem Bảng 3).

Bảng 4. Tổng hợp kết quả các đề tài NCKH – triển khai công nghệ với doanh nghiệp, địa phương trực tiếp ký Trường

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Tỉ lệ Tăng/ giảm (%)
1	Số lượng hợp đồng	hợp đồng	19	15	-21,05
2	Tổng kinh phí quyết toán	Tr.đ	4 032	3 327	-17,48
3	Số tiền đóng góp cho Trường	Tr.đ	199,3	169,5	-14,95

2. Hoạt động của các trung tâm nghiên cứu, Công ty CODECO

Các Trung tâm, Công ty của Trường đã khẳng định tốt vai trò NCKH - triển khai công nghệ và đào tạo của đơn vị mình, góp phần vào thành tích chung trong hoạt động NCKH, thiết thực cùng các Khoa nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời đóng góp một phần kinh phí không nhỏ cho hoạt động chung của nhà trường. Kết quả hoạt động của 08 trung tâm nghiên cứu và công ty CODECO được trình bày trong Bảng 5 dưới đây:

Bảng 5. Tổng hợp kết quả hoạt động NCKH – triển khai công nghệ của các trung tâm và công ty CODECO trong năm 2016

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Tỉ lệ tăng/ giảm (%)
1	Số lượng hợp đồng	hợp đồng	735	1023	39,2
2	Tổng doanh thu của TT, Cty	Tr.đ	176.496	184.461	4,5
3	Số tiền đóng góp cho Trường	Tr.đ	2.647	2.763	4,5
4	Số tiền thuế đã nộp	Tr.đ	15.082	16.078	6,6

Nhìn chung, hoạt động của các PTN vẫn chủ yếu phục vụ cho sinh viên thực tập, chưa đạt được hiệu quả như mong muốn, việc sử dụng các phòng thí nghiệm cho NCKH còn hạn chế, chưa đáp ứng đúng mục tiêu đầu tư nhằm phục vụ NCKH và đào tạo nhân lực có trình độ cao (NCS, học viên cao học). Một số trang thiết bị xuống cấp, các linh kiện đi kèm chưa được bổ sung, cơ sở hạ tầng chưa bảo đảm nên khả năng phục vụ nghiên cứu khoa học của các PTN này còn hạn chế... Trong thời gian tới, nhà trường sẽ có cơ chế tăng cường vai trò tự chủ cho các phòng thí nghiệm.

II. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên và thi Olympic

I.1. Nghiên cứu khoa học sinh viên

Hội nghị KHSV Trường lần thứ 29 đã được triển khai ở 24 tiểu ban chuyên với tổng số 240 đề tài được báo cáo (xem Bảng 6). Ban tổ chức HNKHSV lần thứ 29 đã thẩm định, đánh giá và lựa chọn được 52 đề tài đạt chất lượng, đề nghị Nhà trường khen thưởng, gồm: 24 đề tài đạt giải Nhất, 20 đề tài đạt giải Nhì và 8 đề tài đạt giải Ba.

Chất lượng chuyên môn của các đề tài NCKHSV được đánh giá là cao hơn so với những năm trước. Nhìn chung, kết quả thực hiện đề tài NCKH của sinh viên đã minh chứng cho kết quả học tập nghiên cứu và hình thành hướng đi trong NCKH của thế hệ trẻ trong tương lai. Nhà trường đã chọn 04 công trình NCKHSV có chất lượng tố nhất để gửi đi tham dự xét giải thưởng *"Sinh viên nghiên cứu khoa học"* của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả là tất cả các công trình tham gia đều đạt giải, gồm: 01 giải nhất, 02 giải nhì và 01 giải khuyến khích.

Bên cạnh đó, năm đầu tiên nhà trường đã gửi 06 công trình nghiên cứu khoa học sinh viên tham gia xét giải thưởng Eureka 2016 do thành đoàn TP Hồ Chí Minh tổ chức với kết quả đạt 01 giải khuyến khích.

Trong cuộc thi "*Nước và Cuộc sống*" do Bộ Tài Nguyên và Môi trường phối hợp với Trung ương Đoàn TNCS HCM tổ chức, nhóm sinh viên của Khoa Môi trường với công trình dự thi "*Chế tạo vật liệu tổ hợp Nano Fe_2O_3.TiO_2 phủ trên chất mang đá ong ứng dụng để xử lý nước ngầm bị ô nhiễm Asen*" đã đạt giải Vàng.

Bảng 6. Đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học sinh viên 2 năm 2015 và 2016.

TT	Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Tỉ lệ Tăng/giảm (%)
1	Tổng số đề tài	189	240	26,9
2	Số sinh viên tham gia	642	900	40,2
3	Giải thưởng cấp Trường	42	52	23,8
	Nhất	14	24	+70

3	Giải thưởng quốc gia	12	30	150
	Nhất	*2*	*1*	-50
	Nhì	*7*	*11*	57
	Ba	*1*	*4*	300
	Khuyến khích	*2*	*14*	600

Đánh giá chung:

1. Công tác nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên các cấp trong năm qua, đã đạt được nhiều kết quả kết quả đáng khích lệ. Có được thành công này, sự quan tâm chỉ đạo của Ban Giám hiệu, sự chủ động phối hợp giữa các đơn vị trong trường cùng sự tần tình hướng dẫn của các thầy, cô giáo đã tạo điều kiện cho sinh viên tự tin, hăng hái tham gia.

2. Các đề tài NCKHSV đã có sự thay đổi rõ rệt về chất, trong đó có nhiều đề tài thể hiện ý tưởng nghiên cứu mới lạ, có tính ứng dụng cao trong sản xuất.

3. Việc đầu tư, định hướng các đề tài, hỗ trợ tinh thần, vật chất của các thầy cô giáo cho sinh viên đã góp phần không nhỏ vào thành công của hoạt động NCKH và thi Olympic và mang lại ý nghĩa thiết thực cho việc nâng cao chất lượng phục vụ đào tạo và NCKH của sinh viên.

Kiến nghị:

Để nâng cao chất lượng cho công tác NCKH sinh viên và Thi Olympic, các tập thể và cá nhân cần làm tốt các nhiệm vụ sau:

- Đối với các thầy cô giáo, bộ môn và khoa chuyên môn cần nhận thức cao hơn nữa trách nhiệm trong việc lựa chọn, xét duyệt đề tài và hướng dẫn sinh viên NCKH. Nhà trường cần đầu tư nhiều hơn cho các công trình tham dự giải "*Sinh viên nghiên cứu khoa học*" cấp Bộ; Những đề tài có giá trị khoa học và thực tiễn cao, có ý tưởng mới và sáng tạo nên được đề xuất kéo dài thời gian thực hiện với nguồn kinh phí tài trợ lớn hơn so với các đề tài thông thường.

- Đối với bộ môn có môn thi Olympic Quốc gia hàng năm cần đầu tư hơn nữa về công tác huấn luyện đội tuyển, công tác sơ tuyển, tạo điều kiện và trang bị cho các em có đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết tham dự giải.

III. Hoạt động thông tin khoa học

III.1. Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất

học Mỏ - Địa chất tự đánh giá về năng lực chuyên môn và ngoại ngữ, từ đó tiếp tục hoàn thiện kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ.

Ngoài ra, Nhà trường đã giao cho Khoa Trắc địa, Bản đồ và QLĐĐ chịu trách nhiệm chuyên môn trong việc tổ chức Hội nghị Quốc tế "*Công nghệ địa không gian và thành lập bản đồ di động*" từ ngày 04/5 đến 10/5/2016. Kết quả hội nghị là diễn đàn để các nhà khoa học trong nước và quốc tế giới thiệu và trao đổi các kết quả nghiên cứu về lĩnh vực công nghệ địa không gian và công nghệ thành lập bản đồ di động.

Đánh giá chung: Các hội nghị, hội thảo đều được chuẩn bị công phu, nghiêm túc và tổ chức chu đáo. Thông qua hội thảo, các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cán bộ trẻ của nhà trường có thêm nhiều cơ hội tiếp xúc giao lưu với các nhà khoa học trong và ngoài nước để học hỏi, trao đổi chuyên môn, ngoại ngữ và kinh nghiệm trong NCKH và quản lý; đồng thời góp phần trao đổi, hợp tác quốc tế về KHCN cũng như đào tạo sau đại học.

III.3. Các kết quả công bố khoa học

Từ các kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH, các nhà khoa học đã công bố các kết quả nghiên cứu trên nhiều tạp chí, tài liệu khoa học trong và ngoài nước. Số bài báo công bố trên tạp chí quốc tế năm 2016 là 85 bài, tăng 40 bài so với năm 2015 nhưng chủ yếu tập trung ở một số khoa như Xây dựng, Khoa học cơ bản, Dầu khí, Khoa học và Kỹ thuật Địa chất (xem Bảng 9 và Bảng 10).

Bảng 8. Tổng hợp số lượng bài báo, báo cáo khoa học năm 2016 của các Khoa trong trường *(theo số liệu báo cáo của các Khoa)*.

TT	Đơn vị	Bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế	Bài báo đăng trên các tạp chí trong nước	Báo cáo Hội thảo, Hội nghị trong và ngoài nước
1	Cơ – Điện	1	13	29
2	CNTT	5	13	21
3	Dầu khí	17	29	15
4	Khoa học và KT Địa chất	9	30	30
5	Khoa học cơ bản	14	17	31
6	Kinh tế - QTKD		19	32

Sau khi kết thúc Hội nghị NCKHSV Lần thứ 29, Ban tổ chức đã lựa chọn và cho đăng 44 báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên đã đạt giải tại các tiểu ban chuyên môn của HNKH sinh viên.

IV. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ

Hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học của nhà trường có nhiều kết quả nổi bật. Đã thực hiện được nhiều đề tài, dự án trong đó có 02 nhiệm vụ hợp tác KHCN theo nghị định thư với CHLB Pháp và CHLB Đức, 02 nhiệm vụ hợp tác song phương với Ba Lan và Nhật Bản. Đã phối hợp với Trường Đại học Khoa học tự nhiên tiếp tục thực hiện dự án hợp tác với Đan Mạch do Liên minh Châu Âu tài trợ kinh phí.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế nhằm tạo điều kiện cho các nhà khoa học của trường có điều kiện trao đổi thông tin, học hỏi kinh nghiệm về chuyên môn, nâng cao trình độ ngoại ngữ, đồng thời nâng cao uy tín và vị thế của nhà trường trong hoạt động KHCN.

Nhà trường đã triển khai chương trình hợp tác quốc tế Erasmus+ với Trường ĐH. KHCN AHG Krakov (Ba Lan) về trao đổi học thuật cho giảng viên và sinh viên, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, trình độ ngoại ngữ và khả năng hội nhập quốc tế cho cán bộ và sinh viên của Trường. Năm qua, đã có 08 sinh viên đại học của Trường được đi thực tập 3 tháng tại trường AGH, 03 giảng viên của trường tham gia giảng dạy các chương trình Thạc sĩ và TS tại AGH. Đã có 02 NCS của AGH đến thực tập tại trường và 03 giảng viên của AGH đến giảng một số môn tại các khoa Dầu khí, Trắc địa.Ngoài ra, Nhà trường cũng đã chú trọng phát triển và mở rộng quan hệ hợp tác về đào tạo và NCKH với các nước có trình độ công nghệ tiên tiến như Anh, Mỹ, Australia, Nhật Bản, Đức, ...

V. Công tác quản lý KHCN

Nhiệm vụ quản lý các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ của Trường đã đi vào nề nếp. Công tác này đã được phòng KHQT và các phòng chức năng liên quan thực hiện và tổ chức quản lý chặt chẽ bám sát các văn bản pháp quy, quy chế nội bộ. Chủ động xây dựng kế hoạch KHCN của Trường theo đúng yêu cầu của Nhà trường và các cơ quan quản lý cấp trên. ..

- Phòng KHQT thường xuyên theo dõi tiến độ, đôn đốc các chủ nhiệm đề tài, dự án triển khai nhiệm vụ theo đúng các hợp đồng và đề cương nghiên cứu. Hướng dẫn kịp thời các chủ nhiệm đề tài thực hiện kế hoạch nghiên cứu theo các quy định. Kịp thời tổ chức đăng ký các đề tài mới và đánh giá nghiệm thu kết quả các đề tài hoàn thành.

- Phòng Tài vụ đã kịp thời giải ngân kinh phí cho các đề tài, dự án thực hiện theo đúng tiến độ và dự toán của đề tài. Hướng dẫn các chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện đúng việc chi tiêu tài chính theo quy định của Nhà nước.

- Có nhiều thành tích trong công tác NCKH sinh viên, Olympic các cấp, với các giải thưởng đáng khích lệ tạo động lực quan trọng trong học tập và NCKH của sinh viên.

- Đã tổ chức thành công hội thảo quốc tế ESASGD-2016, với quy mô lớn nhất từ trước đến nay.

- Số lượng công bố khoa học, đặc biệt là công bố quốc tế của cán bộ khoa học nhà trường năm 2016 vẫn giữ vững, tiếp tục khẳng định vai trò, vị thế của nhà trường trong nước và trong khu vực.

II. Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động KHCN của Trường trong năm qua còn một số tồn tại và hạn chế nhất định, cụ thể:

- Hoạt động KHCN của nhà trường chưa tương xứng với nhiệm vụ và tiềm lực KHCN của Trường. Nhà trường chưa có các kết quả sở hữu trí tuệ. Sản phẩm NCKH được chuyển giao còn rất khiêm tốn, các kết quả nghiên cứu chủ yếu vẫn dừng ở mức độ nghiên cứu lý thuyết và phục vụ đào tạo;

- Do cơ chế, chính sách của Nhà nước thay đổi, việc đề xuất thực hiện các nhiệm vụ lớn, đặc biệt là các nhiệm vụ do nhà nước đặt hàng, nhiệm vụ thuộc các chương trình trọng điểm có nhiều khó khăn do điều kiện để đề xuất là phải có đặt hàng của các bộ, ngành, địa phương.

- Hoạt động triển khai công nghệ của các tổ chức khoa học vẫn chủ yếu là thực hiện các hợp đồng dịch vụ KHCN, chưa có sản phẩm chuyển giao cụ thể mang thương hiệu của trung tâm, của trường;

- Kinh phí đầu tư cho hoạt động KHCN còn hạn chế; kinh phí nhà nước cấp không đúng kế hoạch nên ảnh hưởng đến tiến độ của đề tài. Kinh phí cấp cho các đề tài KHCN cấp Bộ hạn chế nên kết quả nghiên cứu của nhiều đề tài còn dừng ở mức nghiên cứu lý thuyết.

- Năng lực và xây dựng các đề xuất và viết thuyết minh nhiệm vụ của cán bộ còn hạn chế, trong nhiều trường hợp chưa đáp ứng được yêu cầu của Hội đồng chuyên môn;

- Hoạt động KHCN cấp cơ sở chưa có sự chủ động và thường xuyên do chưa thành lập được Quỹ phát triển KHCN.

- Công tác triển khai, tổ chức thực hiện đề tài của một số chủ nhiệm còn lúng túng, dẫn đến thực hiện không đúng tiến độ, hoặc kéo dài quá hạn hợp đồng.

- Nhà trường đang trong giai đoạn chuyển giao thế hệ, nhiều nhà khoa học đầu ngành đã nghỉ hưu trong khi các cán bộ trẻ (chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số cán bộ của Trường) chưa thực sự đủ năng lực khoa học để kế thừa các nhà khoa học tiền nhiệm.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội thảo quốc tế để cho các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi, thảo luận về chuyên môn cũng như nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhằm nâng cao vai trò, vị thế của nhà trường.

- Tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng của Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác NCKH của giảng viên trẻ và của sinh viên.

- Đề xuất các giải pháp làm tăng nguồn thu từ hoạt động KHCN cho Trường.

Để đạt được các mục tiêu nêu trên cần triển khai thực hiện các giải pháp khắc phục những vấn đề còn tồn tại của năm 2016, làm tiền để cho việc tăng cường hoạt động KHCN trong năm 2017, trong đó có một số nhiệm vụ cụ thể sau:

- Đẩy mạnh việc xây dựng nguồn nhân lực KHCN có trình độ cao, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu trong các lĩnh vực chủ đạo của Nhà trong thời gian tới để đáp ứng yêu cầu thực tế và hội nhập quốc tế;

- Tiếp tục đa dạng hóa các loại hình nghiên cứu;

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học. Tăng cường mở các đề tài hợp tác với các nước dưới dạng các nhiệm vụ nghị định thư, nhiệm vụ song phương, tổ chức các hội thảo, hội nghị, trao đổi học thuật;

- Tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng các phòng thí nghiệm, tích cực đầu tư thiết bị thí nghiệm gắn liền với sản xuất;

- Nhà trường tổ chức các đợt tập huấn kỹ năng xây dựng các đề xuất khoa học, viết thuyết minh đề tài NCKH và viết bài báo khoa học cho cán bộ trẻ;

- Làm tốt công tác khen thưởng và có chế tài xử lý đối với các đề tài quá hạn và tồn đọng.

Các nhiệm vụ cụ thể của hoạt động KHCN năm 2017 bao gồm:

1. Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia:

- Xây dựng được ít nhất 1 đề tài cấp quốc gia;

- Tiếp tục thực hiện 09 đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước, gồm:

+ Đề tài cấp Quốc gia thuộc Chương trình KHCN ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường mã số BĐKH.13/16-20.

+ 01 nhiệm vụ HTNC theo nghị định thư Việt – Đức;

+ 01 đề tài NCCB định hướng ứng dụng;

+ 05 đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên;

+ 01 nhiệm vụ thuộc dự án trọng điểm do Bộ Công thương quản lý.

- Tổ chức ký hợp đồng, kịp thời triển khai thực hiện 02 đề tài NCCB được giao năm 2017.

- Tổ chức Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 30 (5/2017) và biên tập, xuất bản tuyển tập các công trình NCKH sinh viên năm 2017;

- Tổ chức các đội tuyển tham dự Olympic quốc gia năm 2017 các môn Toán, Vật lý, Cơ học;

- Tổ chức các hội thảo quốc tế và các hội thảo chuyên đề;

- Thực hiện các hoạt động KHCN khác.

6. Nhiệm vụ quản lý KHCN

- Xây dựng chiến lược KHCN của Trường đến năm 2025;

- Ban hành Quy chế hoạt động KHCN trong Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

- Thành lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ của nhà trường;

- Xây dựng quy trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp.

Những kết quả đã đạt được trong hoạt động KHCN năm 2016, năm đầu của kế hoạch 5 năm (2016-2020) là đáng khích lệ và tiếp tục khẳng định vai trò, vị trí của hoạt động KHCN trong nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, góp phần xứng đáng vào sự phát triển của Trường. Những kết quả đạt được nói trên xuất phát từ năng lực đội ngũ cán bộ khoa học, tinh thần đoàn kết của cán bộ viên chức và sinh viên trong toàn trường, sự quản lý và chỉ đạo sát sao của Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhà trường. Ngoài sự nỗ lực của Trường, Nhà trường còn nhận được sự quan tâm giúp đỡ có hiệu quả của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, của các bộ, ngành,, các cơ quan trung ương và địa phương trong cả nước.

Năm 2017, các nhiệm vụ KHCN của Trường rất nặng nề, nhưng với truyền thống đoàn kết của đội ngũ cán bộ viên chức trong toàn Trường và tiềm năng chất xám của đội ngũ cán bộ khoa học của Trường, với mối quan hệ tốt đẹp của Trường với nhiều địa phương, doanh nghiệp trong cả nước, tin tưởng rằng Trường Đại học Mỏ - Địa chất sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ KHCN năm 2017.

Bảng 1. Danh mục đề tài, nhiệm vụ NCKH các cấp thực hiện năm 2016
(tính đến ngày 24/3/2017)

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (*từ ... đến*)	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
				Nhà nước	*Bộ*	*Trường*	
I.	**Khoa Công nghệ thông tin 05 nhiệm vụ** *(01 đề tài cấp Nhà nước + 02 đề tài cấp Bộ+ 02 đề tài cấp cơ sở)*						
1	Trương Xuân Luận	Tin học Địa chất	2012-2016	NCCB-ĐHUD.2012-G/01			Đang thực hiện
2	Lê Văn Hưng	Công nghệ phần mềm	2012-2017		B2012-02-02SP		Đang thực hiện
3			1/2016-12/2016			T16-02	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
4	Nguyễn Tuấn Anh	Tin học Trắc địa	2015-2017		B2015-02-26		Đang thực hiện
5	Lê Quang Cường	Tin học mỏ	1/2016-12/2016			T16-01	Chuyển công tác, xin dừng
II.	**Khoa Cơ điện 04 nhiệm vụ** *(01 nhiệm vụ cấp Bộ + 03 đề tài cấp cơ sở)*						
6	Đinh Văn Thắng	Kỹ thuật điện– Điện tử	2015-2017		B2015-02-33NV		Đang tổng kết
7	Đặng Văn Chí	Tự động hóa XN mỏ	1/2016-12/2016			T16-03	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
8	Phạm Thị Thủy	Kỹ thuật cơ khí	1/2016-12/2016			T16-04	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
9	Đỗ Như Ý	Điện khí hóa	1/2016-12/2016			T16-05	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
III.	**Khoa Dầu khí 17 nhiệm vụ** *(04 đề tài cấp Nhà nước +10 đề tài cấp Bộ + 03 đề tài cấp cơ sở)*						
10	Tống T. Thanh Hương	Lọc – Hóa dầu	2012-2015	ĐT.04.12/NLSH			Đã nghiệm thu, kết quả đạt
11			2016-2017		B2016-MDA-02ĐT		Đang thực hiện
12	Triệu Hùng Trường	Thiết bị Dầu khí và CT	2013-2016	ĐT.14.13/ĐMCNKK			Đã nghiệm thu, kết quả Khá
13	Nguyễn Anh Dũng	Lọc – Hóa dầu	2015-2017	DA.16/08			Đang thực hiện
14			2015-2017		B2015-02-25		Đang thực hiện
15	Phạm Xuân Núi	Lọc – Hóa dầu	2015-2017	105.09-2015.21			Đang thực hiện
16	Lê Khánh Phồn	Địa vật lý	2012-2016		B2012-02-01SP		Đã nghiệm thu, kết quả Tốt
17	Phạm Văn Tuấn	Địa chất dầu	2010-2014		B2010-02-90		Đã nghiệm thu cơ sở
18	Trần Đình Kiên	Khoan – Khai thác	2012-2016		CTB-2012-02		Đã tổng kết chương trình
19	Phan Thiên Hương	Địa vật lý	2013-2015		B2013-02-12		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
20	Lê Hải An	Địa vật lý	2014-2017		B2014-02-19		Đang tổng kết
21	Nguyễn Thế Vinh	Khoan Khai thác	2014-2016		B2014-02-20		Đã nghiệm thu cơ sở
22	Nguyễn Thị Linh	Lọc – Hóa dầu	2016-2017		B2016-MDA-01ĐT		Đang thực hiện
23	Ngô Thanh Hải	Lọc – Hóa dầu	2016-2017		B2016-MDA-03ĐT		Đang thực hiện
24	Lê Quang Duyến	Khoan – Khai thác	1/2016-12/2016			T16-06	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
25	Nguyễn Trần Tuân	Khoan – Khai thác	1/2016-12/2016			T16-07	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (*từ ... đến*)	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
				Nhà nước	*Bộ*	*Trường*	
26	Vũ Thiết Thạch	Khoan – Khai thác	1/2016-12/2016			T16-08	Quá hạn, chờ thanh lý
IV.	**Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất 16 nhiệm vụ** *(06 đề tài cấp Nhà nước +07 đề tài cấp Bộ+03 đề tài cấp cơ sở)*						
27	Trần Thanh Hải	Địa chất	2016-2019	BĐKH.13/16-20			Đang thực hiện
28	Ngô Xuân Thành	Địa chất	2011-2015	105.01.2011.14			Đã nghiệm thu
29					B2016-MDA-06ĐT		Đang thực hiện
30	Trần Mỹ Dũng	Địa chất	2012-2016	105.01.2012.06			Đang tổng kết
31	Hoàng Văn Long	Địa chất biển	2011-2016	105.01.2011.18			Đang tổng kết
32			2015-2017		B2015-02-24		Đang thực hiện
33	Nguyễn Văn Lâm	Địa chất thủy văn	2014-2017	105.99.2014.19			Đang thực hiện
34	Phạm Thị Vân Anh	Khoáng thạch và ĐH	2013-2015		B2013-02-13		Quá hạn, chưa nghiệm thu
35	Nguyễn Quang Luật	Khoáng sản	2014-2016		B2014-02-33NV		Đang tổng kết
36	Lê Thị Thu	Khoáng sản	2013-2015		B2013-02-14		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
37			2016-2017		B2016-MDA-05ĐT		Đang thực hiện
38	Bùi Hoàng Bắc	Tìm kiếm thăm dò	2011-2016	105.03.2011.11			Đang tổng kết
39	Nguyễn Khắc Giảng	Khoáng thạch và ĐH	2016-2017		B2016-MDA-04ĐT		Đang thực hiện
40	Bùi Trường Sơn	Địa chất công trình	1/2016-12/2016			T16-09	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
41	Phạm Trường Sinh	Khoáng thạch và ĐH	1/2016-12/2016			T16-10	Quá hạn, chờ thanh lý
42	Phạm Thị Thanh Hiền	Nguyên liệu khoáng	1/2016-12/2016			T16-11	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
V.	**Khoa Khoa học cơ bản 05 nhiệm vụ** *(01 nhiệm vụ cấp nhà nước +01 đề tài cấp Bộ + 03 đề tài cấp cơ sở)*						
43	Vũ Kim Thư	Hóa	2012-2016	104.01.2012.24			Đã nghiệm thu
44	Vũ Thị Minh Hồng	Hóa	2014-2016		B2014-02-16		Chờ nghiệm thu cấp Bộ
45	Tống Bá Tuấn	Vật lý	1/2016-12/2016			T16-12	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
46	Phạm Thị Trang	Vật lý	1/2016-12/2016			T16-13	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
47	Nguyễn Thị Kim Thoa	Hóa	1/2016-12/2016			T16-14	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
VI.	**Khoa Mỏ 08 nhiệm vụ** *(01 đề tài Nhà nước + 04 đề tài cấp Bộ+ 03 đề tài cấp cơ sở)*						
48	Vũ Đình Hiếu	Khai thác lộ thiên	2014-2016	105.08.2014.10			Đang thực hiện
49	Bùi Xuân Nam	Khai thác lộ thiên	2015-2016		B2015-02-06ATLĐ		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
50	Phạm Văn Luận	Tuyển khoáng	2014-2016		B2014-02-17		Đang thực hiện, xếp loại Đạt
51	Nhữ Thị Kim Dung	Tuyển khoáng	2016-2017		B2016-MDA-07ĐT		Đang thực hiện
52	Nguyễn Hoàng Sơn	Tuyển khoáng	2016-2017		B2016-MDA-08ĐT		Đang thực hiện
53	Bùi Mạnh Tùng	Khai thác hầm lò	1/2016-12/2016			T16-16	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
54	Nguyễn Phi Hùng	Khai thác hầm lò	1/2016-12/2016			T16-17	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (*từ ... đến*)	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
				Nhà nước	*Bộ*	*Trường*	
55	Vũ Trung Tiến	Khai thác hầm lò	1/2016-12/2016			T16-18	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
VII.	**Khoa Môi trường 05 đề tài** *(01 đề tài HT NĐT+ 02 đề tài cấp Bộ + 02 đề tài cấp cơ sở)*						
56	Nguyễn Phương	Môi trường cơ sở	2013-2015		B2013-02-15		Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
57	Nguyễn Quốc Phi	Môi trường cơ sở	2014-2016		B2014-02-21		Quá hạn chưa nghiệm thu
58	Phan Quang Văn	KT môi trường mỏ	2015-2018	NĐT.02.GER/15			Đang thực hiện
59	Phạm Khánh Huy	ĐST và CNMT	1/2016-12/2016			T16-19	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
60	Nguyễn Thị Hòa	KT môi trường mỏ	1/2016-12/2016			T16-20	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
VIII.	**Khoa Trắc địa, Bản đồ và QLĐĐ 14 nhiệm vụ** *(01 đề tài NCCB + 05 đề tài cấp Bộ+ 08 đề tài cấp cơ sở)*						
61	Nguyễn Quang Minh	TĐPT và sai số	2014-2017	105.99.2014.25			Đang thực hiện
62	Dương Vân Phong	Trắc địa cao cấp	2012-2014		B2012-02-08		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
63	Trần Thùy Dương	Địa chính	2013-2015		B2013-02-11		Đã nghiệm thu, xếp loại Xuất sắc
64	Nguyễn Văn Sáng	Trắc địa cao cấp	2014-2016		B2014-02-18		Đã nghiệm thu, xếp loại Xuất sắc
65	Dương Thành Trung	TĐPT và sai số	2015-2017		B2015-02-22		Đang thực hiện
66	Vũ Văn Trí	Trắc địa cao cấp	2016-2017		B2016-MDA-11ĐT		Đang thực hiện
67	Trần Quỳnh An	Bản đồ	1/2016-12/2016			T16-22	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
68	Nguyễn Gia Trọng	Trắc địa cao cấp	1/2016-12/2016			T16-23	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
69	Lê Thị Thanh Tâm	Trắc địa cao cấp	1/2016-12/2016			T16-24	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
70	Trần Xuân Miễn	Địa chính	1/2016-12/2016			T16-25	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
71	Phạm Thị Làn	Trắc địa mỏ	1/2016-12/2016			T16-26	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
72	Nguyễn Văn Trung	Đo ảnh viễn thám	1/2016-12/2016			T16-27	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
73	Trần Thanh Hà	Đo ảnh viễn thám	1/2016-12/2016			T16-28	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
74	Lê Ngọc Giang	TĐPT và sai số	1/2016-12/2016			T16-29	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
IX.	**Khoa Xây dựng 07 nhiệm vụ** *(02 đề tài Nhà nước+03 đề tài cấp Bộ + 02 đề tài cấp cơ sở)*						
75	Nguyễn Quang Phích	XDCTN&Mỏ	2011-2015	NCCB-ĐHUD.2011-G/13			Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
76	Đỗ Ngọc Anh	XDCTN&Mỏ	2016-2017	105.08-2015.14			Đang thực hiện
77	Nguyễn Trọng Dũng	XD cơ sở hạ tầng	2015-2017		B2015-02-23		Đang thực hiện
78	Đặng Trung Thành	XDCTN và mỏ	2016-2017		B2016-MDA-09ĐT		Đang thực hiện
79	Đặng Văn Kiên	XDCTN và mỏ	2016-2017		B2016-MDA-10ĐT		Đang thực hiện
80	Đào Viết Đoàn	XDCTN và mỏ	1/2016-12/2016			T16-30	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
81	Nguyễn Văn Mạnh	Kỹ thuật xây dựng	1/2016-12/2016			T16-31	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
X.	**Khoa Kinh tế và QTKD 02 nhiệm vụ** *(02 đề tài cấp cơ sở)*						

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (*từ ... đến*)	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
				Nhà nước	*Bộ*	*Trường*	
82	Nguyễn Thanh Thủy	QTDN ĐC-DK	1/2016-12/2016			T16-15	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
83	Nguyễn Ngọc Khánh	QTDN mỏ	1/2016-12/2016			T16-32	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
XI.	**Khoa GDQP 01 đề tài** *(01 đề tài cấp cơ sở)*						
84	Phạm Quốc Đảm	Khoa GDQP	1/2016-12/2016			T16-21	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá

Tổng cộng: 84 đề tài thực hiện trong năm 2016, trong đó:

1. Cấp Nhà nước: *17 (01 đề tài thuộc chương trình trọng điểm cấp Quốc gia; 02 NCCB ĐHUD; 10 NCCB; 01 NĐT; 03 đề tài thuộc Bộ Công thương quản lý);*

2. Cấp Bộ: 35 (*25 đề tài, nhiệm vụ được cấp kinh phí 2016; 01 chương trình và 09 đề tài chuyển từ năm trước sang không còn kinh phí 2016);*
   Kết quả nghiệm thu

3. Cấp cơ sở: 32 *(31 đề tài và 01 nhiệm vụ); 01 đề tài xin phép dừng do chuyển công tác; 02 đề tài quá hạn, chờ thanh lý.*
   Kết quả nghiệm thu 29 đề tài, xếp loại: Tốt: 20; Khá: 07; Đạt: 02.

Bảng 2. Tổng hợp số lượng đề tài NCKH các cấp thực hiện và quyết toán kinh phí năm 2016

(Phân theo các Khoa trong toàn Trường)

TT	Đơn vị quản lý đề tài, nhiệm vụ KHCN	Đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước *(số lượng/tổng kinh phí NSNN (trđ))*				Đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ *(số lượng/tổng kinh phí NSNN (trđ))*				Đề tài NCKH cấp cơ sở *(số lượng/tổng KP (trđ))*
		Bộ Công Thương quản lý	*NCCB ĐHƯD*	*NCCB trong KHTN*	*Nghị định thư*	*Chương trình KHCN*	*Đề tài, nhiệm vụ KHCN*	*Đề tài HTQT song phương*	*Dự án Tăng cường NLNC*	
1	Khoa KHCB			1/77.7			1/420			3/100
2	Khoa Mỏ			1/386			3/573			3/55
3	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất			2/240		1/0	4/612			3/140
4	Khoa Dầu khí	1/500		1/439.5			6/1400	1/840		3/80
5	Khoa Trắc địa- Bản đồ và QLĐĐ			1/203.4			3/759			8/348
6	Khoa Cơ - Điện						1/200		1/6000	3/110
7	Khoa Môi trường				1/2862 (*)		1/420			2/100
8	Khoa Xây dựng			1/400			3/608			2/60
9	Khoa KTế-QTKD									2/38
10	Khoa Lý luận chính trị									
11	Khoa CNTT		1/578				1/330	1/840		2/45
12	Khoa Giáo dục quốc phòng									1/16
Tổng cộng		**1/500**	**1/578**	**7/1.668.9**	**1/2862 (*)**	**1/0**	**23/5322**	**2/1680**	**1/6000**	32/1092

Ghi chú: (*): *đề tài, nhiệm vụ chưa quyết toán hết kinh phí năm 2016, do kinh phí quyết toán theo giai đoạn*

Bảng 3. Tình hình thực hiện đề tài, hợp đồng KHCN với doanh nghiệp, địa phương ký về Trường năm 2016

Số liệu đến ngày 24/3/2017)

TT	Mã số	Đơn vị đặt hàng	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện *(từ ...đến)*	Tổng kinh phí (đ)	Kinh phí quyết toán 2016	Tình hình thực hiện
1	564ĐC/HĐ14	Dự án hợp tác với Viện Khảo sát Địa chất Đan Mạch	Dự án "Ô nhiễm asen trong nước ngầm tại các vùng đồng bằng bồi tích ở Đông Nam Á"	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2014-2017	2 107 564 000	577 761 000	Đang thực hiện
2	567ĐC/HĐ15	Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Nam	Giải pháp quản lý tổng hợp tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2015-2016	477 000 000	219 000 000	Đang thực hiện
3	569ĐC/HĐ16	Viện Khoa học Thủy Lợi	Nghiên cứu đề xuất các mô hình, giải pháp công nghệ khai thác và bảo vệ phát triển bền vững nguồn nước karst phục vụ cấp nước sinh hoạt tại các vùng núi cao, khai hiếm nước khu vực Bắc Bộ	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2016-2018	2449 000 000	439 030 000	Đang thực hiện
4	568ĐC/HĐ15	Viện KH Địa chất và Khoáng sản	Thành lập bản đồ vỏ phong hóa các tỉnh Lai Châu, Hòa Bình và Hà Giang tỉ lệ 1:50.000	Nguyễn Khắc Giảng	2015-2016	1186 635 000	1186 635 000	Đã nghiệm thu
5	83DK/HĐ15	Cty Lọc hóa dầu Bình Sơn	Nâng cao hiệu quả sử dụng và thu hồi xúc tác trong phân xưởng cracking xúc tác (RFCC) nhà máy Lọc dầu Dung Quất	Nguyễn Anh Dũng	2015-2016	3 668 000 000		Đang thực hiện
6	90TĐ/HĐ15	Sở KHCN tỉnh Quảng Ninh	Sử dụng công nghệ viễn thám radar xác định mức độ sụt lún bề mặt tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Quang Minh	2014-2015	896 000 000		Đã nghiệm thu
7	23ĐHĐC/HĐ14	Sở KHCN tỉnh Quảng Ninh	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ LiDAR để quan trắc môi trường bụi không khí tỉnh Quảng Ninh	Bùi Thị Thanh Lan	2014-2015	597 851 000		Đã nghiệm thu
8	92TĐ/HĐ16	Sở KHCN Hà Nội	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ quan trắc liên tục sự dịch chuyển và biến dạng công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội	Phạm Công Khải	2016-2018	1 800 000 000		Đang thực hiện
9	86DK/HĐ16	Sở KHCN Hà Nội	Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất và sử dụng thuốc trừ sâu sinh học dạng vi sữa ứng dụng trong bảo quản nông sản sau thu hoạch	Phạm Xuân Núi	2016-2018	1 200 000 000		Đang thực hiện
10	31KT/HD16	Bộ Công Thương	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quản lý chất lượng đối với thuốc nổ TNT dùng trong công nghiệp	Nguyễn Duy Lạc	2016-2017	300 000 000		Đang thực hiện
11	75DK/HĐ13	Tập đoàn Dầu khí VI	Nghiên cứu đặc điểm trầm tích và đánh giá chất lượng đá chứa cacbonnat tuổi Miocen khu vực Phú Khánh	Lê Hải An	2014-2015	2 161 275 402	462 275 402	Đã nghiệm thu

TT	Mã số	Đơn vị đặt hàng	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện *(từ ...đến)*	Tổng kinh phí (đ)	Kinh phí quyết toán 2016	Tình hình thực hiện
12	29MT/HĐ16	Viện KH Địa chất và KS	Thực hiện 02 chuyên đề và hoàn thiện bản đồ địa chất kinh tế tài nguyên đá vôi, titan và sắt laterit Việt Nam	Nguyễn Phương	2016-2016	175 622 213	156 463 426	Đã nghiệm thu
13	27GDQP/HD15	Trường CĐ Du lịch HN	Hợp đồng liên kết đào tạo môn GDQP-An ninh cho sinh viên	Nguyễn Văn Quảng	2015-2016	56 700 000	56 700 000	Đã hoàn thành
14	30/GDQP/HD16	Học viện Ngoại giao	Hợp đồng liên kết đào tạo môn GDQP-An ninh cho sinh viên	Nguyễn Văn Quảng	2016-2016	230 120 000	230 120 000	Đã hoàn thành
15	32GDQP/HD17	Trường CĐ Du lịch HN	Hợp đồng liên kết đào tạo môn GDQP-An ninh cho sinh viên	Nguyễn Văn Quảng	2017-2017	77 192 500		Đang thực hiện
Cộng						**17 382 960 115**	**3 327 984 828**	

Bảng 4. Tổng hợp số liệu hoạt động KHCN của các trung tâm nghiên cứu, công ty CODECO năm 2016

(số liệu báo cáo của các Trung tâm, công ty đến ngày 24/3/2017)

TT	Trung tâm, công ty	Số hợp đồng thực hiện năm 2016	Kinh phí thực hiện (1000đ)			Kinh phí nộp Trường (1000đ)			Các loại thuế (1000đ)
			Tổng	*Đã về năm 2016*	*Đã quyết toán số kinh phí*	*Số nợ tồn trước 2016*	*Mức giao nộp 2016 (1,5%)*	*Đã nộp*	
1	Công ty CODECO	101	29 392 453		29 392 453		440 887	440 887	3 118 710
2	TT NC Địa kỹ thuật	461	61 480 000		61 480 000		919 097	919 097	1 941 000
3	TT Hỗ trợ Phát triển KHKT	164	40 920 057		40 920 057		613 801	613 801	4 992 600
4	TT NC Môi trường Địa chất	53	18 665 866		18 665 866		279 988	279 988	2 286 517
5	TT KHCN Mỏ và Môi trường	139	11 985 703		10 959 222		164 388	164 388	1 183 531
6	TT NC Trắc địa công trình	50	8 244 000		8 244 000	25 260	123 660	148 920	926 400
7	TT NCUD CNM Trắc địa - Bản đ	23	5 286 841		5 286 841		79 303	79 303	473 984
8	TT NC Cơ điện mỏ	7	2 509 257		2 509 257		37 639	37 639	250 000
9	TT TK Công nghệ khoáng chấ	25	7 004 117		7 004 117		105 062	105 062	906 191
	Tổng cộng	**1 023**	**185 488 294**		**184 461 813**	**25 260**	**2 763 824**	**2 789 085**	**16 078 933**

* Ghi chú: ***Mức giao nộp năm 2016 là 1,5% tổng doanh thu (mức đóng góp tối thiểu 30 trđ).***

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2017 VÀ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018

HÀ NỘI, THÁNG 4/2018

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ NĂM 2017 4

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CÔNG TÁC KH&CN 4

1.1. Thuận lợi ***4***

1.2. Khó khăn ***4***

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 5

2.1. Kết quả hoạt động đề tài NCKH các cấp ***5***

2.1.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước 12

2.1.1.1. Đề tài KHCN cấp Quốc gia thuộc chương trình biến đổi khí hậu 12

2.1.1.2. Đề tài NCCB định hướng ứng dụng 12

2.1.1.3. Thực hiện nhiệm vụ HTNC theo Nghị định thư với nước ngoài 12

2.1.1.4. Đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên 13

2.1.1.5. Đề tài thuộc các chương trình trọng điểm Nhà nước do Bộ Công thương quản lý 13

2.1.2. Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ 13

2.1.3. Nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương 14

2.1.4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở 14

2.1.5. Đánh giá chung 15

2.2. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng và triển khai công nghệ. 15

2.2.1. Các đề tài/hợp đồng ký về trường 15

2.2.2. Hoạt động của các trung tâm nghiên cứu, Công ty CODECO 17

2.2.3. Đánh giá chung 19

2.3. Các hoạt động khoa học và công nghệ khác ***19***

2.3.1. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ 19

2.3.2. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên và thi Olympic 20

2.3.2.1. Nghiên cứu khoa học sinh viên 20

2.3.2.2. Thi Olympic 20

2.3.2.3. Đánh giá chung 21

2.4. Hoạt động thông tin khoa học ***21***

2.4.1. Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất 21

2.4.2. Các hội nghị, hội thảo khoa học 22

2.4.3. Các kết quả công bố khoa học 23

2.4.4. Về tài liệu hội thảo khoa học 25

2.4.5. Về Tuyển tập Công trình khoa học sinh viên 25

2.5. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ ***25***

2.6. Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ***25***

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2017 ..... **26**

3.1. Những kết quả đạt được ***26***

3.2. Một số tồn tại, hạn chế *27*
PHẦN THỨ HAI: KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2018 29
I. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018 29
II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018.....30

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2017, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII về Khoa học và Công nghệ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XIX và Chương trình phát triển Khoa học và Công nghệ của Nhà trường, hoạt động khoa học và công nghệ (KHCN) của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ.

Phát huy tiềm năng, thế mạnh và truyền thống nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ và giảng viên trong trường, trong năm qua chúng ta đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ và kế hoạch KHCN năm 2017 của Nhà trường.

Hôm nay, Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động KHCN nhằm đánh giá kết quả hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ đã đạt được trong năm 2017; rút ra các bài học kinh nghiệm và khắc phục những tồn tại trong hoạt động KHCN của Trường, trên cơ sở đó đặt ra mục tiêu và phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ KHCN cho năm 2018.

Báo cáo tổng kết hoạt động KHCN năm 2017 và triển khai hoạt động KHCN năm 2018 gồm 2 phần chính:

1. Kết quả hoạt động KHCN năm 2017;
2. Kế hoạch triển khai hoạt động KHCN năm 2018.

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ NĂM 2017

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CÔNG TÁC KH&CN

Hoạt động Khoa học và Công nghệ năm 2017 của Trường có những thuận lợi, khó khăn cơ bản như sau:

1.1. Thuận lợi

- Công tác Khoa học và Công nghệ luôn được Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường chỉ đạo kịp thời, quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện, giúp cho công tác này luôn là điểm sáng trong các hoạt động của nhà trường.

- Đội ngũ khoa học nhà trường có số lượng ngày càng tăng về cả số lượng và chất lượng. Tính đến thời điểm 02/2018 Trường Đại học Mỏ-Địa chất có 654 giảng viên, trong đó 02 GS.TS, 52 PGS.TS, 171 TS, 380 ThS và 49 KS/CN. Số giảng viên có trình độ tiến sỹ trở lên là 225 người (chiếm 34,4% tổng số cán bộ giảng dạy), trong đó có nhiều tiến sỹ được đào tạo bài bản từ các nước có nền khoa học tiên tiến.

- Trường có 08 trung tâm nghiên cứu hoạt động trong các lĩnh Khoa học Trái đất và Mỏ và 01 công ty (Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất - CODECO) hoạt động theo loại hình doanh nghiệp khoa học công nghệ.

- Nhà trường có 07 phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu và 01 Trung tâm Phân tích và Thí nghiệm công nghệ cao. Ngoài ra, các khoa và bộ môn chuyên môn còn quản lý và vận hành các phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động KHCN năm 2017 là 9.409 triệu đồng dành cho các đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, cấp Bộ; Kinh phí từ nguồn thu của Trường dành cho cho các đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở (đề tài NCKH cấp cơ sở, đề tài NCKH sinh viên, tổ chức kì thi Olympic các cấp và một số hoạt động KHCN khác) là 2.151 triệu đồng.

1.2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, trong năm qua nhà trường gặp không ít khó khăn, thách thức trong hoạt động KHCN, đòi hỏi mỗi nhà khoa học, nhà quản lý phải phấn đấu nỗ lực, đó là:

- Cơ chế chính sách của nhà nước trong đầu thầu, cạnh tranh các đề tài KHCN cấp quốc gia, cấp bộ có sự thay đổi, trong hồ sơ cần phải có vốn đối ứng cũng như đơn vị hỗ trợ và chuyển giao sản phẩm.

- Yêu cầu đối với đề tài khoa học ngày càng cao trong khi đội ngũ các nhà khoa học trong trường còn chưa kịp thích ứng nên số lượng đề tài NCKH các cấp chưa tương xứng với đội ngũ cán bộ khoa học của nhà trường. Một số cán bộ khoa học không có công trình nghiên cứu khoa học, nên không đủ giờ khoa học theo quy định.

- Kinh phí đầu tư cho đề tài KHCN của Bộ Giáo dục và Đào tạo khó khăn.

- Vai trò quản lý của các bộ môn, các khoa có đề tài NCKH còn chưa rõ nét, vẫn còn có hiện tượng buông lỏng quản lý đề tài. Hoạt động KHCN vẫn tập trung chủ yếu một số khoa có thế mạnh từ trước, một số khoa hoạt động khoa học còn mờ nhạt.

- Một số cán bộ, khi được giao chủ trì đề tài, nhiệm vụ NCKH trong công tác tổ chức triển khai còn nhiều lúng túng, chậm trễ, dẫn đến các đề tài thực hiện không đúng tiến độ, quá hạn, tồn đọng.

- Một số cán bộ còn hạn chế về năng lực nghiên cứu, kỹ năng viết công trình khoa học công bố trên các tạp chí (đặc biệt là các tạp chí quốc tế), xây dựng thuyết minh nhiệm vụ chưa đáp ứng được yêu cầu.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Phát huy kết quả đã đạt được của năm 2016 và bám sát kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2015-2020, trong năm 2017 Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN và đã đạt được các kết quả cụ thể sau đây:

2.1. Kết quả hoạt động đề tài NCKH các cấp *(xem Bảng 1, Bảng 2 và Bảng 3)*:

Bảng 1. Đối sánh số lượng đề tài các cấp và kinh phí thực hiện trong năm 2017 so với năm 2016

TT	Loại đề tài	Năm 2016		Năm 2017		Tỉ lệ tăng/giảm (%)	
		Số lượng đề tài	*Kinh phí thực hiện (trđ)*	*Số đề tài*	*Kinh phí thực hiện (trđ)*	*Số đề tài*	*kinh phí*
1	Đề tài cấp Nhà nước (*đề tài thuộc chương trình, đề tài Quỹ Nafosted tài trợ*)	17	4.209	18	3.479(*)	5,88	-17,34
2	Đề tài KHCN cấp Bộ	35	7.002	33	5430	-5,71	-22,45
3	Đề tài NCKH cấp cơ sở	31	1.062	49	1145	58,06	7,82

(*): *Không bao gồm kinh phí 02 đề tài KHCN thuộc chương trình biến đổi khí hậu giao về trung tâm chủ trì.*

Bảng 2. Danh mục đề tài, nhiệm vụ NCKH các cấp thực hiện năm 2017 *(đến ngày 15/3/2018)*

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (*từ ... đến*)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái *(đang thực hiện/nghiệm thu)*
				Nhà nước	*Bộ*	*Trường*	
I	**Khoa Công nghệ thông tin 06 nhiệm vụ** *(01 đề tài cấp Nhà nước + 02 đề tài cấp Bộ+ 03 đề tài cấp cơ sở)*						
1	Trương Xuân Luận	Tin học Địa chất	2012-12/2017	NCCB-ĐHUD.2012-G/01			Đã nghiệm thu cơ sở
2	Lê Văn Hưng	Công nghệ phần mềm	2012-10/2017		B2012-02-02SP		Đã nghiệm thu cơ sở
3	Nguyễn Tuấn Anh	Tin học Trắc địa	2015-12/2017		B2015-02-26		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
4	Nguyễn T. Phương Bắc	Tin học Mỏ	1/2017-12/2017			T17-01	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
5	Phạm Văn Đồng	Công nghệ phần mềm	11/2017-10/2018			T17-40	Đang thực hiện
6	Tạ Quang Chiểu	Tin học cơ bản	11/2017-10/2018			T17-41	Đang thực hiện
II	**Khoa Cơ điện 06 nhiệm vụ** *(01 nhiệm vụ cấp Bộ + 05 đề tài/nhiệm vụ cấp cơ sở)*						
7	Đinh Văn Thắng	Kỹ thuật điện- Điện tử	2015-2017		B2015-02-33NV		Đã có QĐ NT cấp cơ sở
8	Nguyễn Văn Xô	Máy và thiết bị mỏ	1/2017-12/2017			T17-02	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
9	Nguyễn Chí Tình	Tự động hóa	1/2017-12/2017			T17-03	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
10	Nguyễn Thế Lực	Tự động hóa	1/2017-12/2017			T17-27	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
11	Nguyễn Thạc Khánh	Kỹ thuật điện- Điện tử	1/2017-12/2017			T17-28	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
12	Nguyễn Duy Chỉnh	Kỹ thuật cơ khí	11/2017-10/2018			T17-42	Đang thực hiện
III	**Khoa Dầu khí 14 nhiệm vụ** *(04 đề tài cấp Nhà nước +09 đề tài cấp Bộ + 01 đề tài cấp cơ sở)*						
13	Tống T. Thanh Hương	Lọc - Hóa dầu	1/2016-12/2017		B2016-MDA-02ĐT		Đang thực hiện (xin gia hạn 6/2018)
14	Nguyễn Anh Dũng	Lọc - Hóa dầu	2015-2017	DA.16/08			Quá hạn
15			1/2015-12/2017		B2015-02-25		Quá hạn
16	Phạm Xuân Núi	Lọc - Hóa dầu	3/2015-3/2017	105.09-2015.21			Đang thực hiện
17	Bùi Thị Lệ Thủy	Lọc - Hóa dầu	4/2017-4/2020	104.01.2016.57			Đang thực hiện
18	Vũ Văn Toàn	Lọc - Hóa dầu	12/2017-12/2019	104.05.2017.38			Đang thực hiện
19	Phạm Văn Tuấn	Địa chất dầu	2010-2014		B2010-02-90		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
20	Lê Hải An	Địa vật lý	2014-2017		B2014-02-19		Đã nghiệm thu, xếp loại Xuất sắc
21	Nguyễn Thế Vinh	Khoan Khai thác	2014-2016		B2014-02-20		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (*từ ... đến*)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái *(đang thực hiện/nghiệm thu)*
				Nhà nước	*Bộ*	*Trường*	
22	Nguyễn Thị Linh	Lọc - Hóa dầu	1/2016-12/2017		B2016-MDA-01ĐT		Đang thực hiện (xin gia hạn 6/2018)
23	Ngô Thanh Hải	Lọc - Hóa dầu	1/2016-12/2017		B2016-MDA-03ĐT		Không báo cáo kết quả thực hiện
24	Lê Ngọc Ánh	Địa chất dầu	1/2017-12/2018		B2017-MDA-13ĐT		Đang thực hiện
25	Nguyễn Văn Thịnh	TB Dầu khí	7/2017-12/2018		RD124-17 (Bộ XD)		Đang thực hiện
26	Phan Thị Hồng	Địa vật lý	1/2017-12/2017			T17-04	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
IV	**Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất 16 nhiệm vụ** *(06 đề tài cấp Nhà nước +08 đề tài cấp Bộ+02 đề tài cấp cơ sở)*						
27	Trần Thanh Hải	Địa chất	12/2016-2019	BĐKH.13/16-20			Đang thực hiện (*Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất chủ trì*)
28	Ngô Xuân Thành	Địa chất	2011-2015	105.01.2011.14			Đã nghiệm thu
29					B2016-MDA-06ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
30	Trần Mỹ Dũng	Địa chất	2012-2016	105.01.2012.06			Đã nghiệm thu
31	Hoàng Văn Long	Địa chất biển	2011-2016	105.01.2011.18			Đang tổng kết (đã quá hạn)
32			2015-2017		B2015-02-24		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
33	Nguyễn Văn Lâm	Địa chất thủy văn	3/2015-3/2019	105.99.2014.19			Đang thực hiện
34	Phạm Thị Vân Anh	Khoáng thạch và ĐH	1/2013-12/2015		B2013-02-13		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
35	Nguyễn Quang Luật	Khoáng sản	1/2014-12/2016		B2014-02-33NV		Đã xin phép Bộ dừng thực hiện, hoàn trả kinh phí
36	Lê Thị Thu	Khoáng sản	1/2016-12/2017		B2016-MDA-05ĐT		Đang thực hiện, xin gia hạn đến 6/2018
37	Bùi Hoàng Bắc	Tìm kiếm thăm dò	12/2011-2016	105.03.2011.11			Đã nghiệm thu
38			1/2017-12/2018		B2017-MDA-17ĐT		Đang thực hiện
39	Nguyễn Khắc Giảng	Khoáng thạch và ĐH	1/2016- 6/2018		B2016-MDA-04ĐT		Đang thực hiện
40	Nguyễn Quốc Hưng	Địa chất	1/2017-12/2018		B2017-MDA-14ĐT		Đang thực hiện
41	Khương Thế Hùng	Tìm kiếm thăm dò	1/2017-12/2017			T17-10	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
42	Bùi Thanh Tịnh	Tìm kiếm thăm dò	11/2017-10/2018			T17-31	Đang thực hiện
V	**Khoa Khoa học cơ bản 11 nhiệm vụ** *(02 nhiệm vụ cấp nhà nước +02 đề tài cấp Bộ + 07 đề tài cấp cơ sở)*						
43	Vũ Kim Thư	Hóa	2017-2020	104.01.2012.24			Đang thực hiện
44	Lê Đắc Tuyên	Lý		103.02-2017.67			Đang thực hiện

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (*từ ... đến*)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái *(đang thực hiện/nghiệm thu)*
				Nhà nước	*Bộ*	*Trường*	
45	Vũ Thị Minh Hồng	Hóa	2014-2016		B2014-02-16		Đã nghiệm thu, xếp loại Xuất sắc
46	Lê Thị Duyên	Hóa	2017-12/2018		B2017-MDA-13ĐT		Đang thực hiện
47	Vũ Bá Dũng	Vật lý	1/2017-12/2017			T17-06	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
48	Nguyễn Thị Lan Hương	Toán	1/2017-12/2017			T17-07	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
49	Võ Thị Hạnh	Hóa	1/2017-12/2017			T17-08	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
50	Lê Thị Phương Thảo	Hóa	1/2017-12/2017			T17-09	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
51	Đỗ Thị Hải	Hóa	11/2017-10/2018			T17-37	Đang thực hiện
52	Đỗ Thị Hồng Hải	Vật lý	11/2017-10/2018			T17-38	Đang thực hiện
53	Lê Đắc Tuyên	Vật lý	11/2017-10/2018			T17-39	Đang thực hiện
VI	**Khoa Mỏ 12 nhiệm vụ** *(01 đề tài cấp Nhà nước + 03 đề tài cấp Bộ+ 08 đề tài cấp cơ sở)*						
54	Vũ Đình Hiếu	Khai thác lộ thiên	3/2015- 3/2018	105.08.2014.10			Đang tổng kết
55	Nhữ Thị Kim Dung	Tuyển khoáng	1/2016-12/2017		B2016-MDA-07ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
56	Nguyễn Hoàng Sơn	Tuyển khoáng	1/2016-12/2017		B2016-MDA-08ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
57	Nguyễn Văn Thịnh	Khai thác hầm lò	1/2017-12/2018		B2017-MDA-12ĐT		Đang thực hiện
58	Nguyễn Cao Khải	Khai thác hầm lò	1/2017-12/2017			T17-15	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
59	Trần Quang Hiếu	Khai thác lộ thiên	1/2017-12/2017			T17-16	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
60	Phạm Thị Nhung	Tuyển khoáng	1/2017-12/2017			T17-17	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
61	Trần Văn Được	Tuyển khoáng	1/2017-12/2017			T17-18	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
62	Vũ Thị Chinh	Tuyển khoáng	1/2017-12/2017			T17-19	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
63	Nguyễn Hồng Cường	Khai thác hầm lò	11/2017-10/2018			T17-33	Đang thực hiện
64	Đào Văn Chi	Khai thác hầm lò	11/2017-10/2018			T17-34	Đang thực hiện
65	Nguyễn Anh Tuấn	Khai thác lộ thiên	11/2017-10/2018			T17-35	Đang thực hiện
VII	**Khoa Môi trường 04 đề tài** *(01 đề tài HT NĐT+ 02 đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ + 01 đề tài cấp cơ sở)*						
66	Nguyễn Quốc Phi	Môi trường cơ sở	1/2014-12/2016		B2014-02-21		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
67	Phạn Quang Văn	KT môi trường mỏ	2015-2018	NĐT.02.GER/15			Đang thực hiện
68	Đỗ Văn Bình	Địa sinh thái	3/2017-3/2018		B2017-MDA-12MT		Đang tổng kết
69	Nguyễn Thị Cúc	Môi trường cơ sở	1/2017-12/2017			T17-12	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (*từ ... đến*)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (*đang thực hiện/nghiệm thu*)
				Nhà nước	*Bộ*	*Trường*	
VIII	**Khoa Trắc địa, Bản đồ và QLĐĐ 16 nhiệm vụ** *(02 đề tài cấp Nhà nước + 02 đề tài cấp Bộ+ 12 đề tài cấp cơ sở)*						
70	Trần Xuân Trường	Đo Ảnh và Viễn thám	9/2017-9/2020	BĐKH.20/16-20			Đang thực hiện (*Trung tâm Hỗ trợ KHKT chủ trì*)
71	Nguyễn Quang Minh	TĐPT và sai số	3/2015-3/2019	105.99.2014.25			Đang thực hiện
72	Dương Thành Trung	TĐPT và sai số	1/2015-12/2017		B2015-02-22		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
73	Vũ Văn Trí	Trắc địa cao cấp	1/2016-12/2017		B2016-MDA-11ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
74	Lê Thị Thu Hà	Trắc địa mỏ	1/2017-12/2017			T17-20	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
75	Nguyễn Văn Lâm	Trắc địa cao cấp	1/2017-12/2017			T17-21	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
76	Đinh Thị Lệ Hà	Trắc địa công trình	1/2017-12/2017			T17-22	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
77	Lê Thu Trang	Đo ảnh và Viễn thám	1/2017-12/2017			T17-23	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
78	Nguyễn Quốc Long	Trắc địa mỏ	1/2017-12/2017			T17-24	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
79	Bùi Ngọc Quý	Bản đồ	1/2017-12/2017			T17-25	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
80	Lê Đức Tình	Trắc địa công trình	1/2017-12/2017			T17-26	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
81	Đỗ Thị Phương Thảo	Bản đồ	11/2017-10/2018			T17-43	Đang thực hiện
82	Phạm Quốc Khánh	Trắc địa công trình	11/2017-10/2018			T17-44	Đang thực hiện
83	Phạm Hà Thái	Đo ảnh và Viễn thám	11/2017-10/2018			T17-45	Đang thực hiện
84	Cao Xuân Cường	Trắc địa mỏ	11/2017-10/2018			T17-46	Đang thực hiện
85	Lê Văn Cảnh	Trắc địa mỏ	11/2017-10/2018			T17-47	Đang thực hiện
IX	**Khoa Xây dựng 08 nhiệm vụ** *(01 đề tài cấp Nhà nước+04 đề tài cấp Bộ + 03 đề tài cấp cơ sở)*						
86	Đỗ Ngọc Anh	XDCTN&Mỏ	3/2016-3/2018	105.08-2015.14			Đang tổng kết
87	Nguyễn Trọng Dũng	XD cơ sở hạ tầng	1/2015-12/2017		B2015-02-23		Quá hạn
88	Đặng Trung Thành	XDCTN và mỏ	1/2016-12/2017		B2016-MDA-09ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
89	Đặng Văn Kiên	XDCTN và mỏ	1/2016-12/2017		B2016-MDA-10ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
90	Đào Viết Đoàn	XDCTN và mỏ	1/2017-12/2018		B2017-MDA-16ĐT		Đang thực hiện
91	Trần Tuấn Minh	XDCTN và mỏ	1/2017-12/2017			T17-13	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
92	Nguyễn Tài Tiến	XDCTN và mỏ	1/2017-12/2017			T17-14	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
93	Đặng Văn Phi	Kỹ thuật xây dựng	11/2017-10/2018			T17-36	Đang thực hiện
X	**Khoa Kinh tế và QTKD 02 nhiệm vụ** *(02 đề tài cấp cơ sở)*						
94	Lê Thị Thu Hường	QTDN mỏ	1/2017-12/2017			T17-11	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (*từ ... đến*)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái *(đang thực hiện/nghiệm thu)*
				Nhà nước	*Bộ*	*Trường*	
95	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Kinh tế cơ sở	11/2017-10/2018			T17-48	Đang thực hiện
XI	**Khoa Lý luận chính trị 03 nhiệm vụ** *(03 đề tài cấp cơ sở)*						
96	Đào Thị Tuyết	Pháp luật	1/2017-12/2017			T17-29	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
97	Dương Thị Tuyết Nhung	Pháp luật	1/2017-12/2017			T17-30	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
98	Nguyễn Thị Bích Lệ	NLCN Mác-Lênin	11/2017-10/2018			T17-49	Đang thực hiện
XII	**Đơn vị khác** *(02 đề tài cấp cơ sở)*						
99	Trần Văn Độ	Khoa GDQP	1/2017-12/2017			T17-05	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
100	Trịnh Thế Lực	TT Phân tích và Thí nghiệm công nghệ cao	11/2017-10/2018			T17-32	Đang thực hiện

Tổng cộng: 100 đề tài thực hiện trong năm 2017, trong đó:

1. Cấp Nhà nước: 18 (02 đề tài thuộc chương trình trọng điểm cấp Quốc gia; 01 NCCB ĐHƯD; 13 đề tài NCCB; 01 NĐT; 01 đề tài thuộc Bộ Công thương quản lý).
2. Cấp Bộ: 33 (01 nhiệm vụ HTQT song phương và 31 đề tài/nhiệm vụ KHCN cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo; 01 đề tài Bộ Xây dựng)
   Kết quả nghiệm thu: 6 đề tài nghiệm thu cấp Bộ và 10 đề tài nghiệm thu cấp cơ sở
3. Cấp cơ sở: 49 (đợt 1: 30 đề tài/nhiệm vụ; đợt 2: 19 đề tài), gồm:
   - 30 đề tài/nhiệm vụ giao đợt 1 đã được nghiệm thu. *Kết quả nghiệm thu 30 đề tài, xếp loại: Tốt: 15; Khá:15;*
   - 19 đề tài giao đợt 2 đang thực hiện.

Bảng 3. Tổng hợp số lượng đề tài NCKH các cấp thực hiện và quyết toán kinh phí năm 2017 *(Phân theo các Khoa trong toàn Trường)*

TT	Đơn vị quản lý đề tài, nhiệm vụ KHCN	Đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước *(số lượng/tổng kinh phí NSNN (trđ))*				Đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ *(số lượng/tổng kinh phí NSNN (trđ))*			Đề tài NCKH cấp cơ sở *(số lượng/tổng KP (trđ))*
		Bộ Công Thương quản lý	*NCCB ĐHƯD*	*NCCB trong KHTN*	*Nghị định thư*	*Đề tài, nhiệm vụ KHCN*	*Đề tài HTQT song phương*	*Dự án Tăng cường NLNC*	
1	Khoa KHCB			2/677.27(*)		2/252			7/160
2	Khoa Mỏ			1/0		3/764			8/210
3	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất			2/120		8/1382			3/90
4	Khoa Dầu khí	1/0		5/1.220,5(*)		9/1445			1/20
5	Khoa Trắc địa- Bản đồ và QLĐĐ			1/0		2/376			12/270
6	Khoa Cơ - Điện					1/0		1/0	5/130
7	Khoa Môi trường				1/1.101,3	2/250			1/20
8	Khoa Xây dựng			1/360		4/874			3/60
9	Khoa KTế-QTKD								2/35
10	Khoa Lý luận chính trị								3/60
11	Khoa CNTT		1/0			1/110	1/0		3/75
12	Khoa Giáo dục quốc phòng								1/15
Tổng cộng		**1/0**	**1/0**	**12/2.377,7**	**1/1.101,3**	**32/5430**	**1/0**	**1/0**	49/1145

Ghi chú: (*): *đề tài, nhiệm vụ chưa quyết toán hết kinh phí năm 2017, do kinh phí quyết toán theo giai đoạn*

2.1.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước

Trường Đại học Mỏ - Địa chất thực hiện 18 nhiệm vụ cấp Nhà nước, gồm:

- 02 đề tài thuộc chương trình Khoa học và Công nghệ ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016-2020 mã số BĐKH/16-20 (*do Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất và Trung tâm Hỗ trợ phát triển Khoa học kỹ thuật chủ trì thực hiện*);

- 01 nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt-Đức;

- 13 đề tài NCCB trong KHTN;

- 01 đề tài NCCB định hướng ứng dụng;

- 01 nhiệm vụ cấp Nhà nước do Bộ Công thương quản lý;

2.1.1.1. Đề tài KHCN cấp Quốc gia thuộc chương trình biến đổi khí hậu

1) Đề tài "*Nghiên cứu tác động của hoạt động tân kiến tạo đối với sự biến đổi dòng chính các lưu vực sông khu vực Miền Trung phục vụ bảo vệ các dòng sông, thử nghiệm cho lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn*", mã số BĐKH.13/16-20 do PGS.TS Trần Thanh Hải làm chủ nhiệm, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất chủ trì thực hiện. thời gian thực hiện 36 tháng (tháng 12/2016-12/2019), tổng kinh phí 9,79 tỷ đồng. Đề tài được thực hiện từ tháng 12/2016.

2) Đề tài "*Nghiên cứu, triển khai hệ thống kiểm kê phát thải nhà kính và đề xuất lộ trình giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với ngành công nghiệp luyện kim*" mã số BĐKH.20/16-20 do PGS.TS Trần Xuân Trường làm chủ nhiệm, Trung tâm Hỗ trợ Phát triển khoa học kỹ thuật chủ trì thực hiện. Thời gian thực hiện 36 tháng (9/2017 đến 9/2020), tổng kinh phí 6,3 tỷ đồng.

2.1.1.2. Đề tài NCCB định hướng ứng dụng

Đề tài *"Nghiên cứu xây dựng mô hình địa thống kê đánh giá tài nguyên khoáng mỏ khai thác lộ thiên*" mã số NCCB-ĐHƯD.2012-G/01 do GS.TS Trương Xuân Luận chủ nhiệm. Thời gian thực hiện từ 12/2012 đến 12/2017, với tổng kinh phí là 2.900đ. Kết quả nghiên cứu của đề tài: Hoàn thành 02 modul cơ sở dữ liệu bản đồ cho hai khu mỏ (đồng Sin Quyền và than Cao Sơn). Tổ chức được 02 đoàn ra trao đổi học thuật - báo cáo hội thảo tại Pháp và Áo. Công bố 01 bài báo quốc tế, 1 bài báo trong nước; 02 báo cáo hội thảo nước ngoài và 06 báo cáo khoa học trong nước. Đào tạo được 03 ThS, 09 kỹ sư, 09 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học và hỗ trợ 03 NCS theo hướng đề tài. Đề tài đã nghiệm thu cấp cơ sở tháng 02/2018 và đang hoàn thiện hồ sơ để trình Quỹ Nafosted cho phép nghiệm thu cấp Nhà nước.

2.1.1.3. Thực hiện nhiệm vụ HTNC theo Nghị định thư với nước ngoài

Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt - Đức *"Hợp tác nghiên cứu thành phần vật chất, đề xuất quy trình công nghệ chế biến, định hướng phương pháp khai thác và bảo vệ môi trường mỏ đất hiếm Nậm Xe, tỉnh Lai Châu, Việt Nam"*

do PGS.TS Phan Quang Văn làm chủ nhiệm. Thời hạn 36 tháng (từ tháng 12/2015 đến 12/2018). Tổng kinh phí được cấp 4.400 tr.đ. Nhiệm vụ đã hoàn thành 5/6 nội dung nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã đạt được đó là công bố 04 bài báo trên tạp chí trong nước, đang hoàn thiện 02 bài báo đăng trên tạp chí ISI; 01 báo cáo khoa học tại hội nghị quốc tế; đào tạo được 01 ThS (phía đối tác Đức), đang hướng dẫn và hỗ trợ khoa học cho 05 NCS, 02 học viên cao học ở cả Việt Nam và Đức.

2.1.1.4. Đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên

12 đề tài tiếp tục thực hiện trong năm 2017. Đến nay, kết quả nghiên cứu của các đề tài này đã công bố 11 bài báo thuộc danh mục ISI, 15 bài báo trong nước; 12 báo cáo khoa học tại hội nghị quốc tế và trong nước; hỗ trợ đào tạo cho 5 NCS và đào tạo được 14 thạc sỹ.

Kết quả thực hiện đã có 03 đề tài được Quỹ Nafosted cho phép nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; 06 đề tài đang thực hiện đúng tiến độ; 03 đề tài chưa hoàn thành báo cáo tổng kết do chưa đủ số lượng bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI và đã làm thủ tục xin gia hạn.

Năm 2017, Nhà trường được Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia phê duyệt tài trợ 5 đề tài (3 đề tài đang trong giai đoạn hoàn tất hồ sơ). Kết quả nghiên cứu của các đề tài được hỗ trợ từ quỹ Nafosted đã góp phần đẩy mạnh công bố nhiều công trình khoa học dưới dạng các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành ở trong và ngoài nước; góp phần tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, nâng cao trình độ cho cán bộ khoa học và đào tạo nhân lực trình độ cao cho các ngành khoa học Trái đất.

2.1.1.5. Đề tài thuộc các chương trình trọng điểm Nhà nước do Bộ Công Thương quản lý

Năm 2017, Nhà trường tiếp tục thực hiện 01 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước thuộc các chương trình trọng điểm do Bộ Công Thương quản lý, PGS.TS Nguyễn Anh Dũng làm chủ nhiệm, đề tài đã quá thời gian thực hiện, chưa được nghiệm thu.

2.1.2. Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ

Năm 2017, Trường Đại học Mỏ - Địa chất được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao thực hiện 23 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ với tổng kinh phí được cấp 5.130 tr.đ và tiếp tục thực hiện 10 đề tài/nhiệm vụ chuyển tiếp từ trước năm 2016 chuyển sang không còn kinh phí.

Song song với các đề tài truyền thống từ Bộ chủ quản, Bộ Xây dựng đã giao cho Trường chủ trì thực hiện 01 đề tài KHCN cấp Bộ do TS Nguyễn Văn Thịnh (Khoa Dầu khí) làm chủ nhiệm với kinh phí 500 tr.đ, kinh phí được cấp 2017 là 300 tr.đ. Đề tài đã hoàn thành nhiệm vụ được giao năm 2017.

Đối với các đề tài cấp Bộ được giao năm 2017, các chủ niệm đề tài đã triển khai thực hiện ngay sau khi được phê duyệt. Nhà trường thường xuyên đôn đốc để các chủ

nhiệm đề tài khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành khối lượng nhiệm vụ đặt ra theo đề cương đã được phê duyệt.

Tổng số 33 đề tài thực hiện năm 2017 (có 24 đề tài từ trước năm 2017 chuyển sang). Kết quả của các đề tài đã công bố 16 bài báo quốc tế, 66 bài báo trên tạp chí trong nước, 41 báo cáo hội nghị hội thảo trong và ngoài nước; xuất bản được 02 sách chuyên khảo; hỗ trợ đào tạo 18 tiến sỹ, đào tạo được 34 thạc sỹ, 29 kỹ sư và 5 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học.

Kết quả nghiệm thu: đã có 06 đề tài được nghiệm thu cấp Bộ, 09 đề tài nghiệm thu cơ sở (xem bảng 2).

Ngoài các đề tài thực hiện và nghiệm thu đúng tiến độ, còn 06 đề tài hiện đã quá hạn nghiên cứu chưa nghiệm thu (xem bảng 2), vì chưa đủ sản phẩm khoa học hoặc đào tạo. Chủ nhiệm đề tài cần khẩn trương hoàn thiện các sản phẩm và nghiệm thu trong quý II/2018.

2.1.3. Nhiệm vụ Hợp tác quốc tế song phương

Nhiệm vụ "*Phát triển năng lực nghiên cứu đánh giá một số biến động môi trường điển hình phục vụ định hướng phát triển bền vững lưu vực sông Hồng phần lãnh thổ Việt Nam*" do PGS.TS Lê Văn Hưng làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (1/2012 -12/2014), được gia hạn đến 10/2017. Nhiệm vụ đã hoàn thành mô hình phục vụ đánh giá các biến động môi trường điển hình cho lưu vực sông Hồng, hoàn thành bộ cơ sở dữ liệu về biến động môi trường điển hình, công bố 01 bài báo quốc tế, 02 bài báo trong nước; 05 báo cáo hội thảo quốc tế và 01 báo cáo khoa học trong nước, đào tạo 02 ThS, hỗ trợ hướng dẫn 02 NCS. Tổ chức các đoàn nhà khoa học trao đổi và học hỏi kinh nghiệm tại Nhật Bản. Nhiệm vụ đã được nghiệm thu cấp cơ sở tháng 12/2017, đang hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép nghiệm thu cấp Bộ.

2.1.4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Trong năm 2017, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã phê duyệt và triển khai thực hiện 49 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở, 240 đề tài NCKH của sinh viên, tổ chức một số Hội thảo khoa học quốc tế, hội thảo chuyên đề và thực hiện một số nhiệm vụ KHCN khác (hỗ trợ thông tin xuất bản, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, ...).

Đề tài NCKH cấp cơ sở chủ yếu được xây dựng trên kế hoạch phát triển khoa học - công nghệ và đào tạo của nhà trường, có xét ưu tiên cho các NCS, học viên cao học và cán bộ trẻ thực hiện. Đến nay, 30 đề tài đợt I/2017 được nghiệm thu (đạt 100%). Kết quả các đề tài xếp loại, gồm: Tốt: 15; Khá: 15. Các đề tài này đã được thanh quyết toán tài chính theo đúng quy định của nhà nước.

Sản phẩm của các đề tài NCKH cấp cơ sở đã đạt được: Đã công bố 02 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI, 35 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành trong nước và 01 sách chuyên khảo, ngoài ra một số đề tài còn đóng góp đáng kể trong bổ sung giáo trình, bài giảng chuyên ngành; 11 báo cáo khoa học tại hội nghị/hội thảo trong nước và quốc tế. Góp phần đào tạo 03 NCS và đào tạo được 06 ThS, 22 KS và 04 nhóm sinh viên NCKH.

19 đề tài được phê duyệt đợt bổ sung năm 2017. Thời gian thực hiện từ 11/2017 đến 10/2018 đang được chủ nhiệm đề tài tiến hành triển khai theo kế hoạch.

Công tác quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nhà trường không ngừng đổi mới từ công tác xét duyệt đến tổ chức thực hiện và lập các Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu. Các công bố khoa học (bài báo, báo cáo khoa học, ...) là những tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại kết quả nghiên cứu của đề tài. Theo đó, chất lượng các đề tài NCKH cấp cơ sở năm 2017 được nâng lên rõ rệt.

2.1.5. Đánh giá chung

Đối với các đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và cấp Nhà nước, với sự điều hành, chỉ đạo sát sao của Ban Giám hiệu và sự đôn đốc, nhắc nhở của các đơn vị chức năng, nhiều đề tài tồn đọng từ những năm trước đã tiến hành hoàn tất tổng kết và giải quyết dứt điểm.

Đối với đề tài NCKH cấp cơ sở đã được triển khai theo đúng quy định và được nghiệm thu đạt 100%.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, trong năm qua vẫn còn có những đề tài/nhiệm vụ chưa hoàn thành, làm ảnh hưởng đến thành tích chung và uy tín của nhà trường (xem bảng 2). Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng kéo dài, nhưng một số nguyên nhân chính đó là:

- Một số chủ nhiệm đề tài nhận thức không đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện đề tài;

- Chủ nhiệm đề tài kiêm nhiệm công tác quản lý (Khoa, Bộ môn, Phòng) hoặc làm nghiên cứu sinh cho nên không dành nhiều thời gian cho việc thực hiện đề tài;

- Một số đề tài chưa hoàn thành số lượng công trình công bố quốc tế, sản phẩm đào tạo theo đăng ký trong thuyết minh nên chưa thể hoàn tất việc nghiệm thu thanh lý đề tài.

2.2. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng và triển khai công nghệ

Hoạt động NCKH ứng dụng và triển khai công nghệ được chia làm 2 hình thức: Hợp đồng nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ được ký kết trực tiếp về Trường và các hợp đồng được ký kết về các Trung tâm, Công tỷ thuộc Trường.

2.2.1. Các đề tài/hợp đồng ký về trường

Hoạt động NCKH ứng dụng và chuyển giao công nghệ thuộc các ngành nghề trọng tâm của nhà trường như Địa chất công trình, Dầu khí, Thăm dò - Khai thác khoáng sản, điều tra địa chất cơ bản, tai biến địa chất và môi trường, … trong năm qua vẫn còn khó khăn. Các đề tài, hợp đồng NCKH được thực hiện trong năm chủ yếu từ những năm trước chuyển sang. Năm 2017, có 10 đề tài, hợp đồng NCKH - triển khai công nghệ được thực hiện, với tổng kinh phí quyết toán theo hợp đồng là 7.075 triệu đồng (chi tiết xem Bảng 4 và Bảng 5).

Bảng 4. Tình hình thực hiện đề tài, hợp đồng KHCN với doanh nghiệp, địa phương ký về Trường năm 2017

Số liệu đến ngày 15/3/2018)

TT	Mã số	Đơn vị đặt hàng	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện *(từ ... đến)*	Tổng kinh phí (đ)	Kinh phí quyết toán 2017	Tình hình thực hiện
1	564ĐC/HĐ14	Dự án hợp tác với Viện Khảo sát Địa chất Đan Mạch	Dự án "Ô nhiễm asen trong nước ngầm tại các vùng đồng bằng bồi tích ở Đông Nam Á"	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2014-2017	2 107 564 000	621 654 909	Đã nghiệm thu
2	569ĐC/HĐ16	Viện Khoa học Thủy Lợi	Nghiên cứu đề xuất các mô hình, giải pháp công nghệ khai thác và bảo vệ phát triển bền vững nguồn nước karst phục vụ cấp nước sinh hoạt tại các vùng núi cao, khai hiếm nước khu vực Bắc Bộ	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2016-2018	1648 129 350	1734 873 000	Đã nghiệm thu
3	83DK/HĐ15	Cty Lọc hóa dầu Bình Sơn	Nâng cao hiệu quả sử dụng và thu hồi xúc tác trong phân xưởng cracking xúc tác (RFCC) nhà máy Lọc dầu Dung Quất	Nguyễn Anh Dũng	2015-2016	3 668 000 000		Đang thực hiện (quá hạn)
4	92TĐ/HĐ16	Sở KHCN Hà Nội	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ quan trắc liên tục sự dịch chuyển và biến dạng công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội	Phạm Công Khải	2016-2018	1 651 700 000	1 209 587 800	Đang thực hiện
5	86DK/HĐ16	Sở KHCN Hà Nội	Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất và sử dụng thuốc trừ sâu sinh học dạng vi sữa ứng dụng trong bảo quản nông sản sau thu hoạch	Phạm Xuân Núi	2016-2018	1 200 000 000	600 000 000	Đang thực hiện
6	31KT/HD16	Bộ Công Thương	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quản lý chất lượng đối với thuốc nổ TNT dùng trong công nghiệp	Nguyễn Duy Lạc	2016-2017	300 000 000	300 000 000	Đã nghiệm thu
7	32GDQP/HD17	Trường CĐ Du lịch HN	Hợp đồng liên kết đào tạo môn GDQP-An ninh cho sinh viên	Nguyễn Văn Quảng	2017-2017	69 685 000	69 685 000	Đã nghiệm thu
8	33GDQP/HD17	Học viện Ngoại giao	Hợp đồng liên kết đào tạo môn GDQP-An ninh cho sinh viên	Nguyễn Văn Quảng	2017-2017	180 400 000	180 400 000	Đã nghiệm thu
9	DTCN.25/2017	Sở KHCN Thái Nguyên	Nghiên cứu sử dụng tro xỉ nhà máy nhiệt điện tỉnh Thái Nguyên trong Xây dựng đường giao thông phục vụ phát triển bền vững và bảo vệ môi trường	Nguyễn Ngọc Dũng Bùi Trường Sơn	2017-2019	263 209 596		Đang thực hiện
10	570ĐC/HĐ17	Cục Quản lý điều tra cơ bản biển và hải đảo	Điều tra, đánh giá đa dạng cảnh quan một số đảo và cụm đảo lớn, quan trọng	Hoàng Văn Long	2017	2 358 768 800	2 358 768 800	Đã nghiệm thu
Cộng						**13 447 456 746**	**7 074 969 509**	

Bảng 5. Đối sánh kết quả các đề tài NCKH - triển khai công nghệ với doanh nghiệp, địa phương trực tiếp ký Trường năm 2016 và năm 2017

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Tỉ lệ Tăng/ giảm (%)
1	Số lượng hợp đồng	hợp đồng	15	10	-33,33
2	Tổng kinh phí quyết toán	Tr.đ	3 327	7.075	112,6
3	Số tiền đóng góp cho Trường	Tr.đ	169,5	353,2	108,38

2.2.2. Hoạt động của các trung tâm nghiên cứu, Công ty CODECO

Các Trung tâm, Công ty của Trường đã khẳng định tốt vai trò NCKH - triển khai công nghệ và đào tạo của đơn vị mình, góp phần vào thành tích chung trong hoạt động NCKH, thiết thực cùng các Khoa nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời đóng góp một phần kinh phí không nhỏ cho hoạt động chung của nhà trường.

Kết quả hoạt động của 08 trung tâm nghiên cứu và công ty CODECO được trình bày trong Bảng 6 và Bảng 7.

Bảng 6. Đối sánh kết quả hoạt động NCKH - triển khai công nghệ của các trung tâm và công ty CODECO năm 206 và năm 2017

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Tỉ lệ tăng/ giảm (%)
1	Số lượng hợp đồng	hợp đồng	1023	830	-18,87
2	Tổng doanh thu của TT, Cty	Tr.đ	184.461	189.349	2,65
3	Số tiền đóng góp cho Trường	Tr.đ	2.763	2.847	3,04
4	Số tiền thuế đã nộp	Tr.đ	16.078	14.439	-10,19

Bảng 7. Tổng hợp số liệu hoạt động KHCN của các trung tâm nghiên cứu, công ty CODECO năm 2017 (số liệu báo cáo của các Trung tâm, công ty đến ngày 15/3/2018)

TT	Trung tâm, công ty	Số hợp đồng thực hiện năm	Kinh phí thực hiện (1000đ)			Kinh phí nộp Trường (1000đ)			Các loại thuế (1000đ)
			Tổng	Đã về năm 2017	Đã quyết toán số kinh phí	Mức giao nộp 2017 (1,5%)	Đã nộp	Còn phải nộp	
1	Công ty CODECO	80	29 625 709		29 625 710	444 386	444 386		3 229 126
2	TT NC Địa kỹ thuật	318	60 770 000		60 770 000	911 550	911 550		1 201 116
3	TT Hỗ trợ Phát triển KHKT	158	50 604 000		35 101 152	526 517	526 517		3 634 362
4	TT NC Môi trường Địa chất	17	13 057 040		13 057 040	195 856	195 856		1 137 183
5	TT KHCN Mỏ và Môi trường	117	14 469 823		14 469 823	217 047	217 047		1 488 885
6	TT NC Trắc địa công trình	38	8 536 000		8 536 000	128 040	128 040		955 600
7	TT NCƯD CNM Trắc địa - Bản đồ	34	12 268 219		12 268 219	184 023	184 023		1 292 653
8	TT NC Cơ điện mỏ	41	6 026 524		6 026 524	90 398	90 398		475 994
9	TT TK Công nghệ khoáng chất	27	15 762 000		9 495 306	142 430	142 430		1 024 295
	Tổng cộng	**830**	**211 119 315**		**189 349 774**	**2 840 247**	**2 840 247**	**0**	**14 439 214**

(* Ghi chú: Mức giao nộp năm 2017 là 1,5% tổng doanh thu (mức đóng góp tối thiểu 30 trđ)

2.2.3. Đánh giá chung về hoạt động Khoa học công nghệ của các Công ty, trung tâm

Kết quả hoạt động NCKH của các công ty, trung tâm nghiên cứu đã góp phần đưa các ứng dụng công nghệ mới trong các lĩnh vực thăm dò - khai thác khoáng sản, trắc địa - bản đồ, quản lý tài nguyên và môi trường, công nghệ thông tin phục vụ kịp thời cho các địa phương, doanh nghiệp tạo tiền đề cho công tác quy hoạch, hoạch định chính sách về khai thác, quản lý tài nguyên khoáng sản và đất đai, bảo vệ môi trường … ở các địa phương.

Các trung tâm sau khi chuyển đổi hoạt động theo Nghị định 115/2014-NĐ.CP đã có nhiều thay đổi tích cực, đặc biệt là các trung tâm có sự thay đổi, kiện toàn về nhân sự lãnh đạo. Trung tâm đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính của trung tâm là nghiên cứu khoa học, nhiều trung tâm đã chủ trì thực hiện các đề tài KHCN cấp Quốc gia; liên kết, phối hợp với các Bộ ngành chủ trì các đề tài/hợp đồng nghiên cứu khoa học, như Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học kỹ thuật, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất, Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mỏ, …

Hoạt động nghiên cứu của các công ty, trung tâm đã tạo môi trường thuận lợi cho thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp cho học viên sau đại học và sinh viên của nhà trường. Trong thời gian tới, cần có sự gắn kết hơn nữa giữa các khoa, bộ môn và các công ty, trung tâm nghiên cứu trong công tác NCKH và đào tạo thông qua các đề tài NCKH, hợp đồng chuyển giao công nghệ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có địa bàn thực tập, các tài liệu khoa học, các số liệu chuẩn phục vụ việc xây dựng báo cáo, đồ án, luận văn, luận án và kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Bên cạnh những đóng góp về NCKH - triển khai công nghệ và góp phần hỗ trợ đào tạo, các trung tâm nghiên cứu và công ty Codeco đã đóng góp cho nhà trường một nguồn thu đáng kể từ hoạt động khoa học và công nghệ và dịch vụ khoa học và công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển chung của Trường.

2.3. Các hoạt động khoa học và công nghệ khác

2.3.1. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ

Trường Đại học Mỏ - Địa chất được nhà nước đầu tư 08 phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu, hoạt động của các PTN vẫn chủ yếu phục vụ cho sinh viên thực tập, chưa đạt được hiệu quả như mong muốn, việc sử dụng các phòng thí nghiệm cho NCKH còn hạn chế, chưa đáp ứng đúng mục tiêu đầu tư nhằm phục vụ NCKH và đào tạo nhân lực có trình độ cao (NCS, học viên cao học). Một số trang thiết bị xuống cấp, các linh kiện đi kèm chưa được bổ sung, cơ sở hạ tầng chưa bảo đảm nên khả năng phục vụ nghiên cứu khoa học của các PTN này còn hạn chế.

Trung tâm Thí nghiệm và Phân tích công nghệ cao của Nhà trường, là một đơn vị hoạt động trực thuộc Ban Giám hiệu. Trung tâm kiện toàn công tác tổ chức, nhân sự và đã chính thức đi vào hoạt động. Trung tâm tiếp tục xây dựng quy chuẩn phòng thí nghiệm, quy chế hoạt động và triển khai vận hành thiết bị thí nghiệm, phối hợp với các

đề tài, hợp đồng nghiên cứu thực hiện các phân tích, thí nghiệm công nghệ cao, công bố các bài báo trên những tạp chí khoa học có uy tín. Nhà trường sẽ thí điểm cho phép Trung tâm trở thành đơn vị tự chủ về tài chính và hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

2.3.2. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên và thi Olympic

2.3.2.1. Nghiên cứu khoa học sinh viên

Hội nghị KHSV Trường lần thứ 30 đã được triển khai ở 23 tiểu ban chuyên với tổng số 240 đề tài được báo cáo. Ban tổ chức HNKHSV lần thứ 30 đã thẩm định, đánh giá và lựa chọn được 48 đề tài đạt chất lượng, đề nghị Nhà trường khen thưởng, gồm: 23 đề tài đạt giải Nhất, 18 đề tài đạt giải Nhì và 7 đề tài đạt giải Ba (xem Bảng 8).

Chất lượng chuyên môn của các đề tài NCKHSV được đánh giá là cao hơn so với những năm trước. Nhìn chung, kết quả thực hiện đề tài NCKH của sinh viên đã minh chứng cho kết quả học tập nghiên cứu và hình thành hướng đi trong NCKH của thế hệ trẻ trong tương lai. Nhà trường đã chọn 05 công trình NCKHSV có chất lượng tốt nhất để gửi đi tham dự xét giải thưởng *"Sinh viên nghiên cứu khoa học"* của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả 04 công trình đạt giải, gồm 02 giải nhì, 02 giải ba.

Bảng 8. Đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học sinh viên 2 năm 2016 và 2017.

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Tỉ lệ Tăng/giảm (%)
1	Tổng số đề tài	240	240	-
2	Số sinh viên tham gia	900	1020	13,3
3	Giải thưởng cấp Trường	52	48	-7,69
	Nhất	24	23	-4,17
	Nhì	20	18	-10,0
	Ba	8	7	-12,5
4	Giải thưởng NCKH sinh viên cấp Bộ	4	4	-
	Nhất	1		-100
	Nhì	2	2	-
	Ba		2	200
	Khuyến khích	1		-100

2.3.2.2. Thi Olympic

Kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2017 được tổ chức tại hai địa điểm là Hà Nội và Vũng Tàu với 14 môn thi và 476 sinh viên tham dự (tăng 21,74% so với năm 2016). Ban tổ chức đã lựa chọn và đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng 141 cá nhân có thành tích tốt nhất. Trên cơ sở kết quả của cuộc thi Olympic cấp Trường, Nhà trường đã thành lập 6 đội tuyển tham dự các kỳ thi Olympic cấp quốc gia. Do các đội tuyển được chuẩn bị kiến thức tương đối tốt, các sinh viên tham gia đội tuyển có tinh thần trách nhiệm cao

nên các đội tuyển trong trường đã đạt nhiều kết quả tốt trong kỳ thi Olympic cấp quốc gia với 23 giải thưởng, trong đó môn Toán có 1 giải nhì và 4 giải ba; môn Vật lý có 5 giải nhì, 2 giải khuyến khích; các môn Cơ học đạt 01 giải nhì, 02 giải ba và 08 giải khuyến khích (Bảng 9).

Bảng 9. Kết quả Thi Olympic cấp Trường và Quốc gia năm 2016 so với năm 2017

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Tỉ lệ Tăng/giảm (%)
1	Số sinh viên tham gia	391	476	21,74
2	Giải thưởng cấp Trường	88	141	60,23
	Nhất	*11*	*11*	-
	Nhì	*36*	*23*	-36,11
	Ba	*26*	*57*	119,23
	Khuyến khích	*15*	*50*	233,33
3	Giải thưởng cấp quốc gia	30	23	-23,33
	Nhất	*1*		-100
	Nhì	*11*	*7*	-36,36
	Ba	*4*	*6*	50,0
	Khuyến khích	*14*	*10*	28,57

2.3.2.3. Đánh giá chung

Nhà trường đã tổ chức thi Olympic cấp Trường sớm hơn những năm trước 02 tháng tạo điều cho bộ môn có thời gian huấn luyện, bồi dưỡng các đội tuyển có môn thi Quốc gia. Công tác nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên các cấp trong năm qua, đã đạt được kết quả kết quả đáng khích lệ. Có được thành công này, sự quan tâm chỉ đạo của Ban Giám hiệu, sự chủ động phối hợp giữa các đơn vị trong trường cùng sự tận tình hướng dẫn của các thầy, cô giáo đã tạo điều kiện cho sinh viên tự tin, hăng hái tham gia.

Bên cạnh sự hỗ trợ về kinh phí của nhà trường còn có sự định hướng, hỗ trợ về tinh thần, vật chất của các thầy cô giáo, các đơn vị trong và ngoài trường tạo điều kiện cho sinh viên trong hoạt động nghiên cứu, góp phần không nhỏ vào thành công của hoạt động NCKH và thi Olympic và mang lại ý nghĩa thiết thực cho việc nâng cao chất lượng phục vụ đào tạo và NCKH của sinh viên.

2.4. Hoạt động thông tin khoa học

2.4.1. Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất

Tạp chí đã tạo được cơ sở dữ liệu với mạng lưới 200 chuyên gia uy tín thuộc các lĩnh vực chuyên ngành sẵn sàng phản biện cho các bài báo khoa học được gửi tới Tạp chí. Đơn vị chức năng đã chuẩn hóa được quy trình đăng bài trên tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất theo hướng hiện đại, hòa nhập quốc tế.

Trong năm 2017 đã biên tập và xuất bản 10 số Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất trong đó có 6 số thường kỳ (04 số tiếng Việt và 2 số tiếng Anh) và 4 số chuyên đề. Tổng số 123 bài báo khoa học trong đó có 16 bài tiếng Anh đã được xuất bản.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cũng còn những hạn chế trong việc xuất bản tạp chí như chưa thu hút được các các bài báo có chất lượng chuyên môn cao, tỉ lệ cán bộ trong trường có bài đăng trên tạp chí vẫn còn khiêm tốn.

Ban Biên tập Tạp chí sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng, cải tiến hình thức, tăng cường vai trò của thành viên Hội đồng Biên tập, từng bước tự chủ về tài chính và thương mại hóa tạp chí.

2.4.2. Các hội nghị, hội thảo khoa học

Trong năm 2017, nhà trường cùng các Khoa chuyên môn đã tổ chức được 6 hội thảo (xem Bảng 10).

Bảng 10. Các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước/quốc tế được tổ chức năm 2017

TT	Tên hội nghị/hội thảo	Thời gian tổ chức	Tổng số đại biểu tham gia/đại biểu quốc tế	Đơn vị chủ trì/đồng chủ trì
1	Geo-Spatial Technologies and Earth Resources" (GTER 2017) Công nghệ Địa không gian và Tài nguyên Trái đất	5-7/10/2017	200/60	Trường Đại học Mỏ - Địa chất /Hội Trắc địa mỏ thế giới
2	Hội nghị quốc tế trong lĩnh vực dầu khí tích hợp	19/10/2017	70/14	Trường Đại học Mỏ - Địa chất/Tổng công ty thăm dò và Khai thác Dầu khí
3	International Conference on Sustainable Groundwater Development " (Phát triển bền vững tài nguyên nước dưới đất)	26/10/2017	130/15	Trường Đại học Mỏ - Địa chất/Trung tâm Quy hoạch và Điều tra Tài nguyên nước quốc gia/Tổ chức BGR (Đức)/ Hội Địa chất thủy văn Việt Nam/ Trường ĐH Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội
4	Hội thảo Công tác đào tạo ngành Địa chất dầu khí	9/6/2017	100	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
5	Hội nghị quốc tế về Hợp tác nghiên cứu khoa học giữa Ba Lan và Việt Nam lần thứ IV (Pol-Viet 2017)	20-24/11/2017	100	Trường Đại học AGH (Ba Lan)/Trường Đại học Mỏ - Địa chất
6	Hội thảo Efficient and Effective Approaches for Potential Field Modelling in O&G Exploration: Voxel, Layer Based and Hybrid Modelling	9/5/2017	50/5	Trường Đại học Mỏ - Địa chất/Geosoft,

Năm 2017, Nhà trường đã tổ chức thành công 03 Hội nghị quốc tế, 02 Hội thảo chuyên đề, đồng tổ chức Hội thảo quốc tế với trường đại học Khoa học và Công nghệ AGH (Ba Lan). Các Hội thảo đều được chuẩn bị công phu, nghiêm túc và tổ chức chu đáo. Các Hội thảo đã thu hút được đông đảo các nhà khoa học trong nước và quốc tế đến từ các quốc gia có nền khoa học phát triển như Nga, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản... đã đem lại những thay đổi tích cực trong các lĩnh vực chuyên môn của Nhà trường đối với các nhà khoa học trong và ngoài nước. Thông qua hội thảo, các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cán bộ trẻ của Nhà trường có thêm nhiều cơ hội tiếp xúc giao lưu với các nhà khoa học trong và ngoài nước để học hỏi, đồng thời góp phần trao đổi, hợp tác quốc tế về KHCN cũng như đào tạo sau đại học. Các tài liệu của Hội thảo được biên tập, hiệu chỉnh và đều được cấp giấy phép xuất bản theo quy định của Nhà nước. Đặc biệt tại Hội nghị quốc tế "Geo-Spatial Technologies and Earth Resources" (GTER 2017) Công nghệ Địa không gian và Tài nguyên Trái đất" Ban Tổ chức đã nhận được hơn 200 bài báo của các nhà khoa học và các chuyên gia đến từ 20 quốc gia trên thế giới. Sau quá trình phản biện, 133 bài báo đã được lựa chọn để công bố, trong số đó có 24 bài báo chất lượng cao được chọn để xuất bản trong ấn phẩm đặc biệt của Springer International Publishing.

Bên cạnh những thành tích đạt được trên vẫn tồn tại một số hạn chế như một số tác giả nộp bài muộn dẫn đến hết thời gian nhận bài. Công tác biên tập, hiệu đính do thời gian gấp nên vẫn có lỗi biên tập.

Giải pháp tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế: cần xây dựng các trang website chính thức của các Hội thảo, quảng bá thông tin rộng rãi đến các đơn vị trong và ngoài nước. Liên kết với các tổ chức khoa học, các nhà khoa học ở nước ngoài để phát triển và trao đổi học thuật, tiếp nhận các công nghệ tiên tiến mới trên thế giới góp phần đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế của Nhà trường.

Các hội nghị/hội thảo khoa học đã là nơi giao lưu của các nhà khoa học trong nước và quốc tế trong nghiên cứu khoa học và đào tạo, đồng thời là cơ hội tốt để trao đổi học thuật, chia sẻ kinh nghiệm, công bố những kết quả nghiên cứu mới trong lĩnh vực khoa học Trái và mỏ và các khoa học liên quan. Các Hội nghị/Hội thảo này cũng là dịp để các nhà khoa học, nhà quản lý của Trường Đại học Mỏ - Địa chất tự đánh giá về năng lực chuyên môn và ngoại ngữ, từ đó tiếp tục hoàn thiện kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ.

Đánh giá chung: Các hội nghị, hội thảo đều được chuẩn bị công phu, nghiêm túc và tổ chức chu đáo. Thông qua hội thảo, các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cán bộ trẻ của nhà trường có thêm nhiều cơ hội tiếp xúc giao lưu với các nhà khoa học trong và ngoài nước để học hỏi, trao đổi chuyên môn, ngoại ngữ và kinh nghiệm trong NCKH và quản lý; đồng thời góp phần trao đổi, hợp tác quốc tế về KHCN cũng như đào tạo sau đại học. Mặc dù kinh phí hỗ trợ từ Nhà trường cho cho các Hội nghị, hội thảo còn nhiều khó khăn, nhưng khi được Nhà trường giao nhiệm vụ, Khoa/Bộ môn chủ trì đã chủ động huy động từ các nguồn xã hội hóa.

2.4.3. Các kết quả công bố khoa học

Từ kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH, các nhà khoa học đã công bố kết quả nghiên cứu trên nhiều tạp chí, tài liệu khoa học trong và ngoài nước. Số bài báo

công bố trên tạp chí quốc tế năm 2016 là 60 bài, giảm 25 bài so với năm 2016, các bài báo chủ yếu tập trung ở một số khoa như Khoa học cơ bản, Công nghệ thông tin, Trắc địa, Bản đồ và QLĐĐ, Xây dựng (xem Bảng 11 và Bảng 12).

Bảng 11. Tổng hợp số lượng bài báo, báo cáo khoa học năm 2017 của các Khoa trong trường *(theo số liệu báo cáo của các Khoa).*

TT	Khoa	Bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế	Bài báo đăng trên các tạp chí trong nước	Báo cáo Hội thảo, Hội nghị trong và ngoài nước
1	Cơ - Điện	3	24	7
2	CNTT	13	23	9
3	Dầu khí	3	12	18
4	Khoa học và KT Địa chất	4	12	22
5	Khoa học cơ bản	16	21	28
6	Kinh tế - QTKD	1	25	4
7	Lý luận chính trị		7	1
8	Mỏ	2	28	32
9	Xây dựng	7	23	22
10	Trắc địa, BĐ và QLĐĐ	10	48	49
11	Môi trường	1	14	19
12	Giáo dục quốc phòng		4	
	Cộng	**60**	**241**	**211**

**Chi tiết danh mục các công bố trong nước và quốc tế; báo cáo khoa học tại hội nghị/hội thảo trong và ngoài nước thực hiện trong năm 2017 được đăng tải trên Website của trường.*

Bảng 12. Đối sánh kết quả công bố khoa học 2 năm 2016 và năm 2017

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Tỉ lệ Tăng/giảm (%)
1	Số bài bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế	85	60	- 29,41
2.	Số bài báo khoa học công bố trên tạp chí trong nước	197	241	22,34
3	Số báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước	353	211	-40,23

Năm 2017, nhà trường đã hỗ trợ kinh phí cho 11 bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI theo quy định của nhà trường.

2.4.4. Về tài liệu hội thảo khoa học

Công tác biên tập và xuất bản các báo cáo khoa học của các hội nghị khoa học cấp Trường, Quốc tế cũng như các hội thảo chuyên đề được giao cho Ban Tổ chức hoặc các Khoa chuyên môn đăng cai hội thảo đảm nhận.

Nhìn chung, công tác biên tập đều được thực hiện khá nghiêm túc, đảm bảo chất lượng nội dung và hình thức phù hợp với qui mô, tính chất của từng hội nghị, hội thảo.

2.4.5. Về Tuyển tập Công trình khoa học sinh viên

Sau khi kết thúc Hội nghị NCKHSV Lần thứ 30, Ban tổ chức đã lựa chọn và cho đăng 44 báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên đã đạt giải tại các tiểu ban chuyên môn của HNKH sinh viên.

2.5. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ

Hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học của nhà trường có nhiều kết quả nổi bật. Tiếp tục thực hiện đề tài hợp tác KHCN theo nghị định thư với CHLB Đức và 01 nhiệm vụ hợp tác song phương với Nhật Bản. Đã phối hợp với Trường Đại học Khoa học tự nhiên tiếp tục thực hiện dự án hợp tác với Đan Mạch do Liên minh Châu Âu tài trợ kinh phí.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế nhằm tạo điều kiện cho các nhà khoa học của trường có điều kiện trao đổi thông tin, học hỏi kinh nghiệm về chuyên môn, nâng cao trình độ ngoại ngữ, đồng thời nâng cao uy tín và vị thế của nhà trường trong hoạt động KHCN.

Nhà trường đã triển khai chương trình hợp tác quốc tế Erasmus+ với Trường Đại học KHCN AHG Krakov (Ba Lan) về trao đổi học thuật cho giảng viên và sinh viên, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, trình độ ngoại ngữ và khả năng hội nhập quốc tế cho cán bộ và sinh viên của Trường. Năm qua, đã có 08 sinh viên đại học của trường được đi thực tập 3 tháng tại trường AGH, 03 giảng viên của trường tham gia giảng dạy các chương trình Thạc sĩ và TS tại AGH. Nhà trường đã cử 8 cán bộ tham dự Hội nghị Pol-Viet tại Đại học AGH. Đã có 02 NCS của AGH đến thực tập tại trường và 03 giảng viên của AGH đến giảng một số môn tại các khoa Dầu khí, Trắc địa. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã chú trọng phát triển và mở rộng quan hệ hợp tác về đào tạo và NCKH với các nước có trình độ công nghệ tiên tiến như Anh, Mỹ, Australia, Nhật Bản, Đức, ...

2.6. Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ luôn được nhà trường xác định là công tác quan trọng. Nhà trường đã thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN, bám sát mục tiêu, định hướng chiến lược của nhà trường trong hoạt động KHCN.

Công tác này đã được phòng KHQT và các phòng chức năng liên quan thực hiện và tổ chức quản lý chặt chẽ bám sát các văn bản pháp quy, quy chế nội bộ; chủ động xây dựng kế hoạch KHCN của Trường theo đúng yêu cầu của Nhà trường và các cơ quan quản lý cấp trên.

- Phòng KHQT thường xuyên theo dõi tiến độ, đôn đốc các chủ nhiệm đề tài, dự án triển khai nhiệm vụ theo đúng các hợp đồng và đề cương nghiên cứu. Hướng dẫn kịp thời các chủ nhiệm đề tài thực hiện kế hoạch nghiên cứu theo các quy định. Kịp thời tổ chức đăng ký các đề tài mới và đánh giá nghiệm thu kết quả các đề tài hoàn thành.

- Phòng Tài vụ đã kịp thời hướng dẫn các chủ nhiệm đề tài/nhiệm vụ giải ngân kinh phí cho các đề tài, hợp đồng thực hiện theo đúng tiến độ và thực hiện đúng việc chi tiêu tài chính theo quy định của Nhà nước.

- Các Khoa, Bộ môn đã ý thức được vai trò, trách nhiệm trong quản lý hoạt động KHCN của đơn vị mình.

- Đã cải tiến cách thức đăng ký, xây dựng, xét duyệt và giám sát việc thực hiện đề tài trong đó nâng cao vai trò của các khoa và bộ môn trong triển khai đăng ký, xét duyệt sơ bộ các đề xuất nhiệm vụ KHCN theo hướng dẫn của Trường, tham gia đánh giá nghiệm thu kết quả ở cấp cơ sở và cấp Bộ.

Tuy nhiên, một số đơn vị (khoa, bộ môn chủ quản) chưa quan tâm đúng mức đối với việc xây dựng, xét duyệt và thực hiện các nhiệm vụ KHCN, dẫn tới tình trạng một số đề tài tồn đọng; một số đề cương nghiên cứu không bảo đảm chất lượng và bị các hội đồng xét duyệt từ chối thực hiện.

Trong năm qua, Nhà trường đã sử dụng đúng mục đích kinh phí hoạt động KHCN chi từ ngân sách Nhà nước. Đến quý I/2018, hầu hết đề tài các cấp đều đã hoàn thành việc quyết toán kinh phí năm 2017. Số lượng đề tài, dự án NCKH các cấp được thực hiện và đã quyết toán kinh phí từ NSNN năm 2017 (xem bảng 2).

Ngoài kinh phí được Nhà nước đầu tư, Nhà trường còn trích một phần kinh phí đáng kể từ nguồn chi thường xuyên để hỗ trợ cho các hoạt động KHCN cấp cơ sở như các đề tài NCKH cấp cơ sở, NCKH sinh viên, các hội nghị, hội thảo, … nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động KHCN của Trường với tổng kinh phí là 2.151 trđ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2017

3.1. Những kết quả đạt được

- Nhà trường đã chỉnh sửa và ban hành Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của nhà trường cho phù hợp các quy định mới của nhà nước, tạo cơ sở hành lang pháp lý cho công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.

- Đến cuối năm 2017 hầu hết các đề tài/nhiệm vụ KHCN các cấp, đề tài NCCB thực hiện trước 2017 chuyển sang đã được tổng kết, nghiệm thu.

- Đóng góp quan trọng trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, gắn nhiệm vụ NCKH với đào tạo NCS và cao học, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực có trình độ cao, góp phần thực hiện tốt chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường giai đoạn 2016-2020.

- Hoạt động NCKH cấp cơ sở đã có nhiều thay đổi tích cực trong công tác xét duyệt, thời gian thực hiện và đánh giá kết quả đề tài.

- Hoạt động triển khai công nghệ của các tổ chức khoa học vẫn chủ yếu là thực hiện các hợp đồng dịch vụ KHCN, bên cạnh đó một số trung tâm hoạt động NCKH - triển khai công nghệ đã chủ trì thực hiện các đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ như: Trung tâm Hỗ trợ Phát triển khoa học kỹ thuật, Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mỏ, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất, … đóng góp quan trọng trong hoạt động NCKH và đào tạo nhân lực của Trường.

- Hoạt động NCKH - triển khai công nghệ của nhà trường tiếp tục phát triển về chất lượng và số lượng các hợp đồng, đề tài.

- Một số trung tâm sau khi kiện toàn nhân sự, bổ sung thêm lĩnh vực hoạt động, bước đầu phát huy được những lĩnh vực đặc thù. Tuy nhiên, các trung tâm vẫn cần phát huy tiềm lực sẵn có, nâng cao vị thế và mở rộng các ngành, nghề là thế mạnh của nhà trường, đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội.

- Công tác NCKH sinh viên, Olympic các cấp đã đạt được thành tích đáng khích lệ với các giải thưởng cao, tạo động lực quan trọng trong học tập và NCKH của sinh viên.

- Số lượng công bố khoa học, đặc biệt là công bố quốc tế của cán bộ khoa học nhà trường năm 2017 vẫn ổn định, tiếp tục khẳng định vai trò, vị thế của nhà trường trong nước và trong khu vực.

- Số lượng đề tài do Quỹ Nafosted tài trợ thực hiện năm 2017 đã tăng gấp 2-3 lần so với những năm trước.

3.2. Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động KHCN của Trường trong năm qua còn một số tồn tại và hạn chế nhất định, cụ thể:

- Hoạt động KHCN của nhà trường chưa tương xứng với nhiệm vụ và tiềm lực KHCN của Trường. Sản phẩm NCKH được chuyển giao còn rất khiêm tốn, các kết quả nghiên cứu chủ yếu vẫn dừng ở mức độ nghiên cứu lý thuyết và phục vụ đào tạo;

- Số lượng và kinh phí đầu tư cho hoạt động KHCN cấp Bộ ngày càng hạn chế;

- Công tác hoạt động khoa học và công nghệ ở một số khoa, chuyên môn vẫn còn thiếu chuyên nghiệp, một phần do đặc thù ngành nghề, một phần do chưa được lãnh đạo các Khoa, Bộ môn quan tâm chỉ đạo sát sao.

- Năng lực và xây dựng các đề xuất và viết thuyết minh nhiệm vụ của cán bộ còn hạn chế, trong nhiều trường hợp chưa đáp ứng được yêu cầu của Hội đồng chuyên môn; Mặc dù đã được nhà trường tổ chức các buổi tập huấn, mời chuyên gia hướng dẫn xây dựng đề xuất, viết thuyết minh đề tài, cách thức viết bài báo khoa học để đăng trên các tạp chí uy tín quốc tế, nhưng chưa được các nhà khoa học trẻ quan tâm.

- Công tác triển khai, tổ chức thực hiện đề tài của một số chủ nhiệm còn lúng túng, dẫn đến thực hiện không đúng tiến độ, hoặc kéo dài quá hạn hợp đồng.

- Các phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu chưa phát huy được năng lực nghiên cứu khoa học, các đề tài/nhiệm vụ và học viên sau đại học sử dụng các phòng thí nghiệm này còn hạn chế, chưa tương xứng với quy mô hoạt động.

- Các phòng thí nghiệm chưa phát huy được hiệu quả sử dụng thiết bị phục vụ cho việc nghiên cứu và thực hiện các đề tài và nhiệm vụ KHCN các cấp.

- Phần mềm quản lý khoa học và công nghệ và tính điểm công trình cho cán bộ giảng dạy chưa được đưa vào sử dụng thay thế phương pháp truyền thống.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2018

I. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018

Năm 2018, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường vẫn tiếp tục bám sát định hướng hoạt động KHCN được nêu trong kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2016-2020 của Nhà trường, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề tài NCKH các cấp đã được phê duyệt.

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các chương trình, đề tài KHCN lớn cấp nhà nước, mang tính liên ngành để tập hợp đông đảo các nhà khoa học trong trường cùng giải quyết về các lĩnh vực mang tính chất chuyên ngành Khoa học Trái đất - Mỏ.

- Tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế trong hoạt động KHCN nhất là NCKH - chuyển giao công nghệ.

- Tham gia tích cực vào các chương trình trọng điểm của Nhà nước, Bộ, Ngành;

- Xây dựng các đề tài NCCB trong KHTN và NCCB định hướng ứng dụng do Quỹ Nafosted tài trợ kinh phí;

- Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng các đề tài phục vụ các doanh nghiệp, địa phương, liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, viện nghiên cứu dựa trên năng lực, thế mạnh về lĩnh vực khoa học trái đất và mỏ của các nhà khoa học;

- Tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội thảo quốc tế để các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi, thảo luận về chuyên môn cũng như nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhằm nâng cao vai trò, vị thế của nhà trường;

- Tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng của Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất, số tiếng Việt và số tiếng Anh;

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác NCKH của giảng viên trẻ và của sinh viên.

Để đạt được các mục tiêu nêu trên cần triển khai thực hiện các giải pháp khắc phục những vấn đề còn tồn tại của năm 2017, làm tiền đề cho việc tăng cường hoạt động KHCN trong năm 2018, trong đó có một số nhiệm vụ cụ thể sau:

- Đẩy mạnh việc xây dựng nguồn nhân lực KHCN có trình độ cao, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu trong các lĩnh vực chủ đạo của Nhà trường trong thời gian tới để đáp ứng yêu cầu thực tế và hội nhập quốc tế; Tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu để hình thành và thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực thuộc thế mạnh của nhà trường, giải quyết đáp ứng tốt nhu cầu xã hội cần;

- Tiếp tục đa dạng hóa các loại hình nghiên cứu;

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học. Tăng cường mở các đề tài hợp tác với các nước dưới dạng các nhiệm vụ nghị định thư, nhiệm vụ song phương, tổ chức các hội thảo, hội nghị, trao đổi học thuật;

- Tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng các phòng thí nghiệm, tích cực đầu tư thiết bị thí nghiệm gắn liền với sản xuất;

- Tổ chức các đợt tập huấn kỹ năng xây dựng các đề xuất khoa học, viết thuyết minh đề tài NCKH và viết bài báo khoa học cho cán bộ trẻ;

- Làm tốt công tác khen thưởng và kiên quyết xử lý đối với các đề tài quá hạn.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018

2.1. Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia:

- Tiếp tục xây dựng đề tài NCCB trong KHTN do Quỹ Nafosted tài trợ kinh phí;

- Tiếp tục thực hiện 12 đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước, gồm:

+ 02 đề tài cấp Quốc gia thuộc Chương trình KHCN ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường mã số BĐKH/16-20;

+ 07 đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên;

+ Hoàn thành nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư Việt - Đức;

+ Hoàn thành, nghiệm thu cấp nhà nước đề tài NCCB định hướng ứng dụng;

+ Hoàn thành, nghiệm thu nhiệm vụ thuộc dự án trọng điểm do Bộ Công Thương quản lý.

- Tổ chức ký hợp đồng, kịp thời triển khai thực hiện 05 đề tài NCCB được giao đợt I và đợt II năm 2017.

- Hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài: Tiếp tục xây dựng các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư, hợp tác song phương với các nước: Đức, Ba Lan, Mỹ, …

2.2. Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp bộ:

- Xây dựng các đề xuất và đề cương đề tài cấp bộ 2019;

- Tiếp tục triển khai thực hiện 12 đề tài, nhiệm vụ cấp bộ chuyển tiếp từ 2017 và đôn đốc các đề tài, nhiệm vụ hết hạn nghiên cứu nghiệm thu;

- Hoàn thành, nghiệm thu cấp Bộ nhiệm vụ hợp tác NCKH song phương với Nhật Bản;

- Tổ chức ký hợp đồng, kịp thời triển khai thực hiện 04 đề tài (01 đề tài hợp tác song phương Việt - Hàn và 03 đề tài KHCN cấp Bộ) được giao năm 2018;

- Hoàn thành dự án tăng cường năng lực nghiên cứu cho phòng thí nghiệm của khoa Cơ điện, phòng thí nghiệm Tuyển khoáng, Trắc địa.

2.3. Các nhiệm vụ NCKH - triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ NCKH - triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp, gồm:

- Hoàn thành, nghiệm thu cấp Tỉnh/Thành phố 03 đề tài KHCN cấp Tỉnh.

- Tập trung xây dựng các đề án, đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh thông qua các nhóm nghiên cứu và các nhà khoa học

- Hoàn thành, nghiệm thu các dự án, hợp đồng ký với các doanh nghiệp, địa phương đã hết thời gian nghiên cứu.

2.4. Các nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở

- Tiếp tục thực hiện 19 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở giao đợt II/2017
- Tổ chức tuyển chọn và thực hiện đề tài và nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở năm 2018.
- Tiếp tục thực hiện 250 đề tài NCKH sinh viên.

2.5. Các nhiệm vụ KHCN khác

- Thành lập các nhóm nghiên cứu và các nhóm nghiên cứu mạnh; xây dựng cơ chế hoạt động cho các nhóm nghiên cứu

Tổ chức các hội đồng Tư vấn xác định danh mục, hội đồng Tư vấn xác định chủ trì đề tài các cấp năm 2019;

- Tổ chức Hội nghị khoa học (12/2018) với quy mô Hội nghị Khoa học quốc gia.
- Tổ chức Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 31 (5/2018) và biên tập, xuất bản tuyển tập các công trình NCKH sinh viên năm 2018;
- Tổ chức các đội tuyển tham dự Olympic quốc gia năm 2018 các môn Toán, Vật lý, Hóa, Cơ học;
- Tổ chức các hội thảo khoa học, hội thảo chuyên đề;
- Thực hiện các hoạt động KHCN khác.

2.6. Nhiệm vụ quản lý KHCN

- Xây dựng chiến lược KHCN của Trường đến năm 2025;
- Thành lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ của nhà trường;
- Tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu để hình thành và thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực thế mạnh của nhà trường, giải quyết đáp ứng tốt nhu cầu xã hội cần;
- Xây dựng quy trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp.

Những kết quả đã đạt được trong hoạt động KHCN năm 2017, năm thứ hai của kế hoạch 5 năm (2016-2020) là đáng khích lệ và tiếp tục khẳng định vai trò, vị thế của hoạt động KHCN trong nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, góp phần xứng đáng vào sự phát triển của Trường. Những kết quả đạt được nêu trên xuất phát từ năng lực đội ngũ cán bộ khoa học, tinh thần đoàn kết của cán bộ viên chức và sinh viên trong toàn trường, sự quản lý và chỉ đạo sát sao của Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhà trường. Ngoài sự nỗ lực của Trường, Nhà trường còn nhận được sự quan tâm giúp đỡ có hiệu quả của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, của các Bộ, Ngành, các cơ quan Trung ương và doanh nghiệp, địa phương trong cả nước.

Năm 2018 là năm bản lề của kế hoạch 5 năm (2016-2020), nhiệm vụ KHCN của Trường là rất nặng nề, nhưng với truyền thống đoàn kết của đội ngũ cán bộ viên chức trong toàn Trường và tiềm năng chất xám của đội ngũ cán bộ khoa học của Trường, mối quan hệ tốt đẹp của Trường với nhiều địa phương, doanh nghiệp trong cả nước, tin tưởng rằng Trường Đại học Mỏ - Địa chất sẽ vượt qua những thách thức trong giai đoạn hiện nay, làm chủ KHCN và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

BÁO CÁO

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018 VÀ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2019

HÀ NỘI, THÁNG 3/2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
PHÒNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ
TÀI LIỆU KHOA HỌC

BÁO CÁO

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018
VÀ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2019

HÀ NỘI, THÁNG 3/2019

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 3

PHẦN THỨ NHẤT: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ NĂM 2018 4

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CÔNG TÁC KH&CN 4

1.1. Thuận lợi ***4***

1.2. Khó khăn ***4***

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 5

2.1. Kết quả hoạt động đề tài NCKH các cấp ***5***

2.1.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước 11

2.1.1.1. Đề tài KHCN cấp Quốc gia thuộc chương trình biến đổi khí hậu 11

2.1.1.2. Đề tài NCCB định hướng ứng dụng 11

2.1.1.3. Thực hiện nhiệm vụ HTNC theo Nghị định thư với nước ngoài 12

2.1.1.4. Đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên 12

2.1.2. Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và tương đương 12

2.1.3. Nhiệm vụ HTQT song phương về khoa học công nghệ 13

2.1.4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở 13

2.1.5. Đánh giá chung 14

2.2. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng và triển khai công nghệ ***16***

2.2.1. Các đề tài/hợp đồng ký về trường 16

2.2.2. Hoạt động của các trung tâm nghiên cứu, Công ty CODECO 16

2.2.3. Đánh giá chung về hoạt động Khoa học công nghệ của các Công ty, trung tâm 18

2.3. Các hoạt động khoa học và công nghệ khác ***18***

2.3.1. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ 18

2.3.2. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên và thi Olympic 19

2.3.2.1. Nghiên cứu khoa học sinh viên 19

2.3.2.2. Thi Olympic 20

2.3.2.3. Đánh giá chung 20

2.4. Hoạt động thông tin khoa học ***21***

2.4.1. Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất 21

2.4.2. Các hội nghị, hội thảo khoa học 21

2.4.3. Các kết quả công bố khoa học 23

2.4.4. Về tài liệu hội thảo khoa học 24

2.4.5. Về Tuyển tập Công trình khoa học sinh viên 24

2.5. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ ***24***

2.6. Hoạt động của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh ***25***

2.7. Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ***26***

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018 27

3.1. Những kết quả đạt được ***27***

3.2. Một số tồn tại, hạn chế ***27***

PHẦN THỨ HAI: KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2019 29
I. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2019 29
II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2019 30

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2018, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII về Khoa học và Công nghệ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XIX và Chương trình phát triển Khoa học và Công nghệ của Nhà trường, hoạt động khoa học và công nghệ (KHCN) của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ.

Phát huy tiềm năng, thế mạnh và truyền thống nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ và giảng viên trong trường, trong năm qua chúng ta đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ được đề ra trong kế hoạch KHCN năm 2018 của Nhà trường.

Hội nghị tổng kết hoạt động KHCN được tổ chức nhằm đánh giá kết quả hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ đã đạt được trong năm 2018; rút ra các bài học kinh nghiệm và khắc phục những tồn tại trong hoạt động KHCN của Trường, trên cơ sở đó đặt ra mục tiêu và phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ KHCN cho năm 2019.

Báo cáo tổng kết hoạt động KHCN năm 2018 và triển khai hoạt động KHCN năm 2019 gồm 2 phần chính:

1. Kết quả hoạt động KHCN năm 2018;
2. Kế hoạch triển khai hoạt động KHCN năm 2019.

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ NĂM 2018

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CÔNG TÁC KH&CN

Hoạt động Khoa học và Công nghệ năm 2018 của Trường có những thuận lợi, khó khăn cơ bản như sau:

1.1. Thuận lợi

- Công tác Khoa học và Công nghệ luôn được Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường chỉ đạo kịp thời, quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện, giúp cho công tác công tác này luôn là điểm sáng trong các hoạt động của Trường.

- Đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao của Trường có số lượng ngày càng tăng về cả số lượng và chất lượng. Tính đến thời điểm 3/2019 có 643 giảng viên, trong đó có 01 GS.TSKH, 04 GS.TS, 61 PGS.TS, 185 TS, 352 ThS và 40 KS/CN. Số giảng viên có trình độ tiến sỹ trở lên là 251 người (chiếm 39,04% tổng số cán bộ giảng dạy), trong đó có nhiều tiến sỹ được đào tạo từ các nước có nền khoa học và công nghệ tiên tiến.

- Trường có 08 trung tâm nghiên cứu khoa học hoạt động trong các lĩnh Khoa học Trái đất và Mỏ và 01 công ty (Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất - CODECO) hoạt động theo loại hình doanh nghiệp khoa học công nghệ.

- Trường có 07 phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu và 01 Trung tâm Phân tích và Thí nghiệm công nghệ cao. Ngoài ra, các khoa và bộ môn chuyên môn còn quản lý và vận hành các phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động KHCN năm 2018 là 6.709,2 triệu đồng dành cho các đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, cấp Bộ (không kể đề tài cấp Tỉnh/Thành phố); Kinh phí từ nguồn thu của Trường dành cho cho các đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở (đề tài NCKH cấp cơ sở, đề tài NCKH sinh viên, tổ chức kì thi Olympic các cấp và một số hoạt động KHCN khác) là 1.680 triệu đồng.

- Các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp đã và đang triển khai nhiều chương trình thúc đẩy hoạt động KHCN, gắn kết quả NCKH với sản xuất, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng KHCN 4.0. Điều này tạo ra cơ hội rất lớn cho các nhà khoa học của trường đề xuất, tham gia các đề tài, dự án KHCN.

1.2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, trong năm qua nhà trường gặp không ít khó khăn, thách thức trong hoạt động KHCN, đòi hỏi mỗi nhà khoa học, nhà quản lý phải phấn đấu nỗ lực, đó là:

- Cơ chế chính sách của nhà nước trong đầu thầu, cạnh tranh các đề tài KHCN cấp quốc gia, cấp bộ có sự thay đổi, trong hồ sơ cần phải có vốn đối ứng cũng như đơn vị hỗ trợ và chuyển giao sản phẩm.

- Yêu cầu đối với đề tài khoa học ngày càng cao, đặc biệt là sản phẩm bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín (ISI) và sản phẩm có tính ứng dụng cao trong khi đội ngũ các nhà khoa học trong trường còn chưa kịp thích ứng nên số lượng đề tài NCKH các cấp chưa tương xứng với đội ngũ cán bộ khoa học của nhà trường.

- Hoạt động KHCN vẫn tập trung chủ yếu tại một số Khoa có thế mạnh từ trước, một số Khoa khác hoạt động khoa học còn mờ nhạt.

- Vai trò quản lý của các Bộ môn, các Khoa có đề tài NCKH còn chưa rõ nét, vẫn còn có hiện tượng chưa sát sao trong việc quản lý đề tài dẫn đến việc đề tài thực hiện chậm muộn, không hoàn thành phải xin thanh lý (đề tài của TS. Ngô Thanh Hải).

- Một số cán bộ, khi được giao chủ trì đề tài/nhiệm vụ NCKH trong công tác tổ chức triển khai còn nhiều lúng túng, chậm trễ, dẫn đến các đề tài thực hiện không đúng tiến độ, quá hạn, tồn đọng.

- Một số cán bộ còn hạn chế về năng lực nghiên cứu, kỹ năng viết công trình khoa học công bố trên các tạp chí (đặc biệt là các tạp chí quốc tế), xây dựng thuyết minh nhiệm vụ chưa đáp ứng được yêu cầu.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Phát huy kết quả đã đạt được của năm 2018 và bám sát kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2015-2020, trong năm 2019 Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN và đã đạt được các kết quả cụ thể sau đây:

2.1. Kết quả hoạt động đề tài NCKH các cấp *(xem Bảng 1 và Bảng 2)*

Bảng 1. Đối sánh số lượng đề tài các cấp và kinh phí thực hiện trong năm 2018 so với năm 2017

TT	Loại đề tài	Năm 2017		Năm 2018		Tỉ lệ tăng/giảm (%)	
		Số đề tài	*Kinh phí thực hiện (trđ)*	*Số đề tài*	*Kinh phí thực hiện (trđ)*	*Số đề tài*	*Kinh phí thực hiện (trđ)*
1	Đề tài cấp Nhà nước (*đề tài thuộc chương trình, đề tài Quỹ Nafosted tài trợ*)	18	3.479(*)	22	4.534(*)	22,2	30,3
2	Đề tài KHCN cấp Bộ	33	5.430	36	1.975	9,09	-63,63
3	Đề tài NCKH cấp cơ sở	49	1.145	57	945	16,33	-17,47

(*): *Không bao gồm kinh phí 02 đề tài KHCN thuộc chương trình biến đổi khí hậu giao về trung tâm chủ trì.*

Bảng 2. Danh mục đề tài, nhiệm vụ NCKH các cấp thực hiện năm 2018 *(tính đến ngày 20/3/2019)*

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (*từ ... đến*)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (*đang thực hiện/nghiệm thu*)
				Nhà nước	*Bộ/Tỉnh*	*Trường*	
I	**Khoa Công nghệ thông tin 09 nhiệm vụ** *(03 đề tài cấp Nhà nước + 02 đề tài cấp Bộ+ 04 đề tài cấp cơ sở)*						
1	Nguyễn Trường Xuân	Tin học Trắc địa	5/2018-10/2020	VT-UD.07/18-20			Đang thực hiện
2	Trương Xuân Luận	Tin học Địa chất	1/2012-12/2017	NCCB-ĐHUD.2012-G/01			Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
3	Lê Văn Hưng	Công nghệ phần mềm	01/2012-10/2017		B2012-02-02SP		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
4			12/2018-12/2021	105.08.2018-09			Đang thực hiện
5	Ngô Thị Phương Thảo	Tin học Trắc địa	1/2018-12/2019		B2018-MDA-18ĐT		Đang thực hiện
6	Phạm Văn Đồng	Công nghệ phần mềm	11/2017-10/2018			T17-40	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
7	Tạ Quang Chiểu	HT thông tin và TT	11/2017-10/2018			T17-41	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
8	Dương Hiền Thị Thanh	Tin học kinh tế	6/2018-5/2019			T18-01	Đang thực hiện
9	Diêm Công Hoàng	Công nghệ phần mềm	12/2018-11/2019			T18-18	Đang thực hiện
II	**Khoa Cơ điện 03 nhiệm vụ** *(01 nhiệm vụ cấp Bộ + 02 đề tài cấp cơ sở)*						
10	Đinh Văn Thắng	Kỹ thuật điện- Điện tử	2015-2017		B2015-02-33NV		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
11	Nguyễn Duy Chỉnh	Kỹ thuật cơ khí	11/2017-10/2018			T17-42	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
12	Nguyễn Thanh Tùng	Kỹ thuật cơ khí	6/2018-5/2019			T18-05	Đang thực hiện
III	**Khoa Dầu khí 15 nhiệm vụ** *(05 đề tài cấp Nhà nước +07 đề tài cấp Bộ/Tỉnh + 03 đề tài cấp cơ sở)*						
13	Lê Hải An	Địa vật lý	7/2018-12/2020	KC.09.30/16-20			Đang thực hiện
14	Nguyễn Thị Linh	Lọc - Hóa dầu	1/2016-6/2018		B2016-MDA-01ĐT		Đang tổng kết, quá hạn 8 tháng
15	Tống T. Thanh Hương	Lọc - Hóa dầu	1/2016-6/2018		B2016-MDA-02ĐT		Đang tổng kết, quá hạn 8 tháng
16	Nguyễn Anh Dũng	Lọc - Hóa dầu	1/2015-12/2017		B2015-02-25		Nghiệm thu cấp cơ sở, quá hạn 14 tháng
17	Phạm Xuân Núi	Lọc - Hóa dầu	3/2015-3/2017	105.09-2015.21			Đã nghiệm thu
18			7/2016-3/2019		01C.06/01-2016-3		Đã nghiệm thu
19			12/2018-12/2021	105.99.2018.301			Đang thực hiện
20	Bùi Thị Lệ Thủy	Lọc - Hóa dầu	4/2017-4/2020	104.01.2016.57			Năm 2018 chưa được cấp kinh phí.
21	Vũ Văn Toàn	Lọc - Hóa dầu	12/2017-12/2019	104.05.2017.38			Đang thực hiện
22	Ngô Thanh Hải	Lọc - Hóa dầu	1/2016-12/2017		B2016-MDA-03ĐT		Không báo cáo kết quả thực hiện, Trường đã đề nghị Bộ cho thanh lý
23	Lê Ngọc Ánh	Địa chất dầu	1/2017-6/2019		B2017-MDA-13ĐT		Đang thực hiện

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (*từ ... đến*)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái *(đang thực hiện/nghiệm thu)*
				Nhà nước	*Bộ/Tỉnh*	*Trường*	
24	Nguyễn Văn Thịnh	TB Dầu khí	7/2017-12/2018		RD124-17 (Bộ XD)		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
25	Nguyễn Thị Hải Yến	Thiết bị dầu khí và CT	12/2018-11/2019			T18-35	Đang thực hiện
26	Kiều Duy Thông	Địa vật lý	12/2018-11/2019			T18-36	Đang thực hiện
27	Bùi Thị Ngân	Địa chất dầu khí	12/2018-11/2019			T18-37	Đang thực hiện
IV	**Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất 19 nhiệm vụ** *(05 đề tài cấp Nhà nước +08 đề tài cấp Bộ/Tỉnh +06 đề tài cấp cơ sở)*						
28	Trần Thanh Hải	Địa chất	12/2016-12/2019	BĐKH.13/16-20			Đang thực hiện (*Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất chủ trì*)
29	Ngô Xuân Thành	Địa chất	1/2016-12/2017		B2016-MDA-06ĐT		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
30			8/2018-8/2021	105.99.2017.314			Đang thực hiện
31	Hoàng Văn Long	Địa chất	1/2015-12/2017		B2015-02-24		Đã nghiệm thu, xếp loại Xuất sắc
32	Nguyễn Văn Lâm	Địa chất thủy văn	3/2015-3/2019	105.99.2014.19			Đang thực hiện, xin gia hạn 3/2020
33	Nhữ Việt Hà	Địa chất công trình	8/2018-8/2021	105.08.2017.316			Đang thực hiện
34			6/2018-5/2019			T18-08	Đang thực hiện
35	Lê Thị Thu	Khoáng sản	1/2016-6/2018		B2016-MDA-05ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
36	Bùi Hoàng Bắc	Tìm kiếm thăm dò	1/2017-12/2018		B2017-MDA-17ĐT		Đã nghiệm thu cơ sở
37			8/2018-8/2021	105.99.2017.317			Đang thực hiện
38	Nguyễn Khắc Giảng	Khoáng thạch và ĐH	1/2016- 6/2018		B2016-MDA-04ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
39	Nguyễn Quốc Hưng	Địa chất	1/2017-6/2019		B2017-MDA-14ĐT		Đang thực hiện
40	Nguyễn Hữu Hiệp	Địa chất	1/2018-12/2019		B2018-MDA-20ĐT		Đang thực hiện
41	Bùi Trường Sơn	Địa chất công trình	8/2017-2/2019		ĐT.CN25/2017		Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
42	Bùi Thanh Tịnh	Tìm kiếm thăm dò	11/2017-10/2018			T17-31	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
43	Vũ Anh Đạo	Địa chất	6/2018-5/2019			T18-07	Đang thực hiện
44	Nguyễn Bách Thảo	Địa chất thủy văn	12/2018-11/2019			T18-32	Đang thực hiện
45	Dương Văn Bình	Địa chất thủy văn	12/2018-11/2019			T18-33	Đang thực hiện
46	Phạm Như Sang	Tìm kiếm thăm dò	12/2018-11/2019			T18-34	Đang thực hiện
V	**Khoa Khoa học cơ bản 11 nhiệm vụ** *(02 nhiệm vụ cấp nhà nước +03 đề tài cấp Bộ + 06 đề tài cấp cơ sở)*						
47	Vũ Kim Thư	Hóa	4/2017-4/2020	104.01.2016.24			Năm 2018 chưa được cấp kinh phí.
48	Lê Đắc Tuyên	Lý	12/2017-12/2019	103.02-2017.67			Đang thực hiện
49			11/2017-10/2018			T17-39	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
50	Lê Thị Duyên	Hóa	2017-6/2019		B2017-MDA-13ĐT		Đã nghiệm thu cơ sở

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (*từ ... đến*)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái *(đang thực hiện/nghiệm thu)*
				Nhà nước	*Bộ/Tỉnh*	*Trường*	
51	Trần Thị Hà	Lý	1/2018-12/2019		B2018-MDA-01CTrVL		Đang thực hiện
52	Đào Việt Thắng	Lý	1/2018-12/2019		B2018-MDA-02CTrVL		Đang thực hiện
53	Đỗ Thị Hải	Hóa	11/2017-10/2018			T17-37	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
54	Đỗ Thị Hồng Hải	Vật lý	11/2017-10/2018			T17-38	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
55	Nguyễn Thị Kim Thoa	Hóa	6/2018-5/2019			T18-09	Đang thực hiện
56	Hà Mạnh Hùng	Hóa	12/2018-11/2019			T18-19	Đang thực hiện
57	Dương Thúy Hương	Ngoại ngữ	12/2018-11/2019			T18-38	Đang thực hiện
VI	**Khoa Mỏ 15 nhiệm vụ** *(01 đề tài cấp Nhà nước + 04 đề tài cấp Bộ+ 10 đề tài cấp cơ sở)*						
58	Vũ Đình Hiếu	Khai thác lộ thiên	3/2015- 3/2018	105.08.2014.10			Đang tổng kết
59	Nhữ Thị Kim Dung	Tuyển khoáng	1/2016-12/2017		B2016-MDA-07ĐT		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
60	Nguyễn Hoàng Sơn	Tuyển khoáng	1/2016-12/2017		B2016-MDA-08ĐT		Đã nghiệm thu, xếp loại Xuất sắc
61	Nguyễn Văn Thịnh	Khai thác hầm lò	1/2017-12/2018		B2017-MDA-12ĐT		Nghiệm thu cấp cơ sở
62	Bùi Xuân Nam	Khai thác lộ thiên	1/2018-12/2020		B2018-MDA-03SP		Năm 2018 chưa được cấp kinh phí.
63	Nguyễn Hồng Cường	Khai thác hầm lò	11/2017-10/2018			T17-33	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
64	Đào Văn Chi	Khai thác hầm lò	11/2017-10/2018			T17-34	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
65	Nguyễn Anh Tuấn	Khai thác lộ thiên	11/2017-10/2018			T17-35	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
66	Nguyễn Như Hùng	Sức bền vật liệu	6/2018-5/2019			T18-02	Đang thực hiện
67	Lê Việt Hà	Tuyển khoáng	6/2018-5/2019			T18-03	Đang thực hiện
68	Phạm Thị Nhung	Tuyển khoáng	6/2018-5/2019			T18-04	Đang thực hiện
69	Đặng Phương Thảo	Khai thác hầm lò	6/2018-5/2019			T18-06	Đang thực hiện
70	Lê Tiến Dũng	Khai thác hầm lò	12/2018-11/2019			T18-21	Đang thực hiện
71	Trần Văn Được	Tuyển Khoáng	12/2018-11/2019			T18-22	Đang thực hiện
72	Nguyễn Văn Quang	Khai thác hầm lò	12/2018-11/2019			T18-23	Đang thực hiện
VII	**Khoa Môi trường 06 nhiệm vụ** *(01 đề tài HT NĐT+ 02 đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ + 03 đề tài cấp cơ sở)*						
73	Nguyễn Quốc Phi	Môi trường cơ sở	1/2014-12/2016		B2014-02-21		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
74	Phan Quang Văn	KT môi trường mỏ	1/2015-10/2019	NĐT.02.GER/15			Đang thực hiện
75	Đỗ Văn Bình	Địa sinh thái và CNMT	3/2017-3/2018		B2017-MDA-12MT		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
76	Đỗ Thị Hải	Địa sinh thái và CNMT	12/2018-11/2019			T18-27	Đang thực hiện
77	Nguyễn Thị Cúc	Môi trường cơ sở	12/2018-11/2019			T18-28	Đang thực hiện

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (*từ ... đến*)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái *(đang thực hiện/nghiệm thu)*
				Nhà nước	*Bộ/Tỉnh*	*Trường*	
78	Nguyễn Hoàng Nam	Kỹ thuật MT mỏ	12/2018-11/2019			T18-29	Đang thực hiện
VIII	**Khoa Trắc địa, Bản đồ và QLĐĐ 19 nhiệm vụ** *(03 đề tài cấp Nhà nước + 04 đề tài cấp Bộ/Tỉnh+ 12 đề tài cấp cơ sở)*						
79	Trần Xuân Trường	Đo ảnh và Viễn thám	9/2017-9/2020	BĐKH.20/16-20			Đang thực hiện (*Trung tâm Hỗ trợ KHKT chủ trì*)
80	Nguyễn Viết Nghĩa	Trắc địa mỏ	4/2018-5/2020	03.HĐ-KHCN-NTM			Đang thực hiện
81			1/2018-12/2019		09/ĐT-KHCN-PT/2018		Đang thực hiện
82	Nguyễn Quang Minh	TĐPT và sai số	3/2015-3/2019	105.99.2014.25			Đang thực hiện, xin gia hạn
83	Dương Thành Trung	TĐPT và sai số	1/2015-12/2017		B2015-02-22		Đã nghiệm thu, xếp loại Xuất sắc
84	Vũ Văn Trí	Trắc địa cao cấp	1/2016-12/2017		B2016-MDA-11ĐT		Đã nghiệm thu, xếp loại Xuất sắc
85	Phạm Công Khải	Trắc địa mỏ	7/2016-3/2019		01C.04/08-2016-3		Đang tổng kết
86	Đỗ Thị Phương Thảo	Bản đồ	11/2017-10/2018			T17-43	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
87	Phạm Quốc Khánh	Trắc địa công trình	11/2017-10/2018			T17-44	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
88	Phạm Hà Thái	Đo ảnh và Viễn thám	11/2017-10/2018			T17-45	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
89	Cao Xuân Cường	Trắc địa mỏ	11/2017-10/2018			T17-46	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
90	Lê Văn Cảnh	Trắc địa mỏ	11/2017-10/2018			T17-47	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
91	Lê Thu Trang	Đo ảnh và viễn thám	6/2018-5/2019			T18-10	Đang thực hiện
92	Nguyễn Thị Thu Hương	TĐ PT và sai số	6/2018-5/2019			T18-11	Đang thực hiện
93	Dương Anh Quân	Bản đồ	6/2018-5/2019			T18-12	Đang thực hiện
94	Lã Phú Hiến	TĐPT và sai số	6/2018-5/2019			T18-13	Đang thực hiện
95	Phạm Văn Hiệp	Bản đồ	12/2018-11/2019			T18-26	Đang thực hiện
96	Nguyễn Gia Trọng	Trắc địa cao cấp	12/2018-11/2019			T18-30	Đang thực hiện
97	Đoàn Thị Nam Phương	Đo ảnh và viễn thám	12/2018-11/2019			T18-31	Đang thực hiện
IX	**Khoa Xây dựng 09 nhiệm vụ** *(02 đề tài cấp Nhà nước+05 đề tài cấp Bộ + 02 đề tài cấp cơ sở)*						
98	Đỗ Ngọc Anh	XDCTN&Mỏ	3/2016-3/2018	105.08-2015.14			Đã nghiệm thu
99			12/2018-12/2021	105.08.2018.310			Đang thực hiện
100	Nguyễn Trọng Dũng	XD cơ sở hạ tầng	1/2015-12/2017		B2015-02-23		Đã có quyết định HĐ cấp Bộ
101	Đặng Trung Thành	XDCTN và mỏ	1/2016-12/2017		B2016-MDA-09ĐT		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
102	Đặng Văn Kiên	XDCTN và mỏ	1/2016-12/2017		B2016-MDA-10ĐT		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
103	Đào Viết Đoàn	XDCTN và mỏ	1/2017-12/2018		B2017-MDA-16ĐT		Đã có quyết định HĐ cấp Bộ

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (*từ ... đến*)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái *(đang thực hiện/nghiệm thu)*
				Nhà nước	*Bộ/Tỉnh*	*Trường*	
104	Trần Tuấn Minh	XDCTN và mỏ	1/2018-12/2019		B2018-MDA-19ĐT		Đang thực hiện
105	Đặng Văn Phi	Kỹ thuật xây dựng	11/2017-10/2018			T17-36	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
106	Nguyễn Duyên Phong	XDCTN và mỏ	12/2018-11/2019			T18-25	Đang thực hiện
X	**Khoa Kinh tế và QTKD 07 nhiệm vụ** *(07 đề tài cấp cơ sở)*						
107	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Kinh tế cơ sở	11/2017-10/2018			T17-48	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
108	Lê Minh Thống	QTDN Địa chất- DK	6/2018-5/2019			T18-14	Đang thực hiện
109	Nguyễn Thị Kim Oanh	Kế toán doanh nghiệp	6/2018-5/2019			T18-15	Đang thực hiện
110	Nguyễn Đức Thắng	QTDN mỏ	6/2018-5/2019			T18-16	Đang thực hiện
111	Lưu Thị Thu Hà	Kế toán doanh nghiệp	6/2018-5/2019			T18-17	Đang thực hiện
112	Dương Thị Nhàn	Kế toán	12/2018-11/2019			T18-20	Đang thực hiện
113	Lê Đình Chiều	QTDN mỏ	12/2018-11/2019			T18-21	Đang thực hiện
XI	**Khoa Lý luận chính trị 01 nhiệm vụ** *(01 đề tài cấp cơ sở)*						
114	Nguyễn Thị Bích Lệ	NLCN Mác-Lênin	11/2017-10/2018			T17-49	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
XII	**Đơn vị khác 01 nhiệm vụ** (*01 đề tài cấp cơ sở)*						
115	Trịnh Thế Lực	TT Phân tích và Thí nghiệm công nghệ cao	11/2017-01/2019			T17-32	Quá hạn

Tổng cộng: 115 đề tài thực hiện trong năm 2018, trong đó:

1. Cấp Nhà nước: 22 (05 đề tài thuộc chương trình trọng điểm cấp Quốc gia; 01 NCCB ĐHƯD; 15 đề tài NCCB; 01 Nghị định thư);
   Số đề tài nghiệm thu: 03 đề tài (01 đề tài NCCB ĐHƯD; 02 đề tài NCCB)
2. Cấp Bộ/Tỉnh: 36 (02 nhiệm vụ HTQT song phương và 29 đề tài/nhiệm vụ KHCN cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo; 01 đề tài Bộ Xây dựng; 04 đề tài cấp Tỉnh/Thành phố);
   Số đề tài nghiệm thu: 01 nhiệm vụ HTQT song phương, 13 đề tài nghiệm thu cấp Bộ/Tỉnh. 10 đề tài nghiệm thu cấp cơ sở.
3. Cấp cơ sở: 57 đề tài, gồm:
   - 19 đề tài/nhiệm vụ chuyển tiếp từ 2017 sang, *Số đề tài nghiệm thu 18 đề tài: (16 tốt, 02 khá) và 01 đề tài quá hạn;*
   - 38 đề tài phê duyệt đợt 1 và đợt bổ sung năm 2018 thực hiện đúng tiến độ.

2.1.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước

Trường Đại học Mỏ - Địa chất thực hiện 22 nhiệm vụ cấp Nhà nước, gồm:

- 05 đề tài thuộc các chương trình trọng điểm cấp quốc gia;
- 01 nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt-Đức;
- 01 đề tài NCCB định hướng ứng dụng;
- 15 đề tài NCCB trong KHTN.

2.1.1.1. Đề tài KHCN cấp Quốc gia thuộc chương trình biến đổi khí hậu

1) Đề tài "*Nghiên cứu tác động của hoạt động tân kiến tạo đối với sự biến đổi dòng chính các lưu vực sông khu vực Miền Trung phục vụ bảo vệ các dòng sông, thử nghiệm cho lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn*", mã số BĐKH.13/16-20 do GS.TS Trần Thanh Hải làm chủ nhiệm, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất chủ trì. Thời gian thực hiện 36 tháng (tháng 12/2016-12/2019), tổng kinh phí 9,79 tỷ đồng.

2) Đề tài "*Nghiên cứu, triển khai hệ thống kiểm kê phát thải nhà kính và đề xuất lộ trình giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với ngành công nghiệp luyện kim*" mã số BĐKH.20/16-20 do PGS.TS Trần Xuân Trường làm chủ nhiệm, Trung tâm Hỗ trợ Phát triển khoa học kỹ thuật chủ trì thực hiện. Thời gian thực hiện 36 tháng (9/2017 đến 9/2020), tổng kinh phí 6,3 tỷ đồng.

2.1.1.2. Đề tài KHCN cấp quốc gia thuộc chương trình KC.09 "Nghiên cứu địa tầng - trầm tích và địa mạo Plicen - Đệ Tứ khu vực Tây Nam trũng sâu Biển Đông và kế cận" mã số KC.09.30/16-20 do PGS.TS Lê Hải An làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 30 tháng (7/2018-12/2020), tổng kinh phí 20 tỷ đồng.

2.1.1.3. Đề tài thuộc chương trình KHCN Vũ trụ "Nghiên cứu ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý, giám sát đường biển và trợ giúp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với đảm bảo quốc phòng - an ninh khu vực biên giới phía Bắc, ứng dụng cho tỉnh Cao Bằng" mã số VT-UD.07/18-20 do PGS.TS Nguyễn Trường Xuân làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 30 tháng (5/2018-10/2020), tổng kinh phí 5,25 tỷ đồng.

2.1.1.4. Đề tài thuộc chương trình KHCN phục vụ xây dựng nông thôn mới "Nghiên cứu xây dựng bản đồ phân vùng và cảnh báo lũ quét độ phân giải cao cho một số tỉnh vùng Tây Bắc nhằm tăng cường khả năng ứng phó với thiên tai của cộng đồng phục vụ xây dựng nông thôn mới" mã số 03.HĐ-KHCN-NTM do TS Nguyễn Viết Nghĩa làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 24 tháng (4/2018-5/2020), tổng kinh phí 4,790 tỷ đồng.

2.1.1.2. Đề tài NCCB định hướng ứng dụng

Đề tài *"Nghiên cứu xây dựng mô hình địa thống kê đánh giá tài nguyên khoáng mỏ khai thác lộ thiên*" mã số NCCB-ĐHUD.2012-G/01 do GS.TS Trương Xuân Luận chủ nhiệm. Thời gian thực hiện từ 12/2012 đến 12/2017, với tổng kinh phí là 2.900đ. Kết quả nghiên cứu của đề tài: Công bố 02 bài báo thuộc danh mục ISI, 01 bài báo quốc tế khác, 03 bài báo trong nước; 02 báo cáo hội thảo nước ngoài và 06 báo cáo khoa học trong nước.

Đào tạo được 03 ThS, 09 kỹ sư, 09 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học và hỗ trợ 03 NCS theo hướng đề tài. Đề tài đã nghiệm thu cấp quốc gia tháng 02/2019.

2.1.1.3. Thực hiện nhiệm vụ HTNC theo Nghị định thư với nước ngoài

Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt - Đức *"Hợp tác nghiên cứu thành phần vật chất, đề xuất quy trình công nghệ chế biến, định hướng phương pháp khai thác và bảo vệ môi trường mỏ đất hiếm Nậm Xe, tỉnh Lai Châu, Việt Nam"* do PGS.TS Phan Quang Văn làm chủ nhiệm. Thời hạn 36 tháng (từ tháng 12/2015 đến 12/2018), gia hạn đến tháng 10/2019. Tổng kinh phí được cấp 4.400 tr.đ. Nhiệm vụ đã hoàn thành nội dung nghiên cứu chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã đạt được đó là công bố 04 bài báo trên tạp chí trong nước, đang hoàn thiện 02 bài báo đăng trên tạp chí ISI; 01 báo cáo khoa học tại hội nghị quốc tế; đào tạo được 01 ThS (phía đối tác Đức), đang hướng dẫn và hỗ trợ khoa học cho 05 NCS, 02 học viên cao học ở cả Việt Nam và Đức.

2.1.1.4. Đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên

15 đề tài tiếp tục thực hiện trong năm 2018, trong đó có 12 đề tài từ năm 2017 chuyển sang và 03 đề tài thực hiện từ 2018. Kết quả có 02 đề tài được Quỹ Nafosted cho phép nghiệm thu, thanh lý hợp đồng (*đề tài mã số 105.08.2015.14 và 105.09.2015.21*); 10 đề tài thực hiện đúng tiến độ; 03 đề tài thực hiện từ năm 2014 chưa hoàn thành báo cáo tổng kết do chưa đủ số lượng bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI theo quy định, đã làm thủ tục xin gia hạn (đề tài mã số *105.08.2014.10; 105.99.2014.19 và 105.99.2014.25*).

Đến nay, kết quả nghiên cứu của các đề tài này đã công bố 14 bài báo thuộc danh mục ISI, 11 bài báo trong nước; 6 báo cáo khoa học tại hội nghị quốc tế và trong nước; hỗ trợ đào tạo cho 2 NCS và đào tạo được 06 thạc sỹ. Kết quả nghiên cứu của các đề tài được hỗ trợ từ quỹ Nafosted đã góp phần đẩy mạnh công bố nhiều công trình khoa học dưới dạng các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành ở trong và ngoài nước; góp phần tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, nâng cao trình độ cho cán bộ khoa học và đào tạo nhân lực trình độ cao cho các ngành khoa học Trái đất.

2.1.2. Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và tương đương

Năm 2018, Trường Đại học Mỏ - Địa chất thực hiện 34 đề tài KHCN cấp Bộ và tương đương trong đó: 30 đề tài/nhiệm vụ KHCN cấp Bộ, 04 đề tài Tỉnh/Thành. Tình hình thực hiện các đề tài, cụ thể:

Bộ Giáo dục và Đào tạo giao 12 đề tài KHCN với tổng kinh phí được cấp 1.975 tr.đ và tiếp tục thực hiện 17 đề tài/nhiệm vụ chuyển tiếp từ trước năm 2018 chuyển sang không còn kinh phí.

Song song với các đề tài truyền thống từ Bộ chủ quản, Bộ Xây dựng đã giao cho Trường chủ trì thực hiện 01 đề tài KHCN cấp Bộ với kinh phí 500 tr.đ, kinh phí được cấp 2018 là 200 tr.đ. Đề tài đã được nghiệm thu cấp cơ sở, đã làm thủ tục đề nghị nghiệm thu cấp Bộ.

Bên cạnh đó, 04 đề tài cấp Tỉnh, Thành phố cũng được triển khai thực hiện đúng tiến độ, trong đó có 02 đề tài được nghiệm thu cấp Thành phố/cấp Tỉnh. 02 đề tài tiếp tục thực hiện đúng tiến độ.

Đối với các đề tài cấp Bộ/Tỉnh được giao thực hiện năm 2018, đã triển khai thực hiện ngay sau khi được phê duyệt. Nhà trường thường xuyên đôn đốc để các chủ nhiệm đề tài khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành khối lượng nhiệm vụ đặt ra theo đề cương đã được phê duyệt.

Kết quả nghiên cứu của các đề tài đã công bố 23 bài báo quốc tế, 57 bài báo trên tạp chí trong nước, 42 báo cáo hội nghị hội thảo trong và ngoài nước; xuất bản được 03 sách chuyên khảo; hỗ trợ đào tạo 12 tiến sỹ, đào tạo được 28 thạc sỹ, 29 kỹ sư và 06 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học.

Kết quả nghiệm thu: đã có 13 đề tài được nghiệm thu cấp Bộ/Tỉnh (6 đề tài xếp loại xuất sắc/tốt, 01 đề tài xếp loại Khá và 06 đề tài xếp loại đạt), 10 đề tài nghiệm thu cơ sở.

Ngoài các đề tài thực hiện và nghiệm thu đúng tiến độ, còn 04 đề tài hiện đã quá hạn nghiên cứu chưa nghiệm thu, vì chưa đủ sản phẩm khoa học hoặc đào tạo. 01 đề tài đã làm văn bản đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thanh lý (*mã số B2016-MDA-03ĐT do TS Ngô Thanh Hải chủ trì*). Đối với các đề tài quá hạn, chủ nhiệm đề tài cần khẩn trương hoàn thiện các sản phẩm và nghiệm thu trong quý II/2019.

2.1.3. Nhiệm vụ HTQT song phương về khoa học công nghệ

1. Nhiệm vụ mã số B2012-02-02SP "*Phát triển năng lực nghiên cứu đánh giá một số biến động môi trường điển hình phục vụ định hướng phát triển bền vững lưu vực sông Hồng phần lãnh thổ Việt Nam*" do PGS.TS Lê Văn Hưng làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (1/2012 -10/2014), được gia hạn đến 10/2017. Nhiệm vụ đã công bố 01 bài báo quốc tế, 02 bài báo trong nước; 05 báo cáo hội thảo quốc tế và 01 báo cáo khoa học trong nước, đào tạo 02 ThS, hỗ trợ hướng dẫn 02 NCS. Nhiệm vụ đã được nghiệm thu cấp Bộ, kết quả xếp loại Tốt.

2. Nhiệm vụ mã số B2018-MDA-03SP "*Nghiên cứu xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng không khí nhằm đảm bảo an toàn lao động trong các mỏ khai thác than lộ thiên sâu khu vực Quảng Ninh*" do GS.TS Bùi Xuân Nam làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (1/2018-12/2020), kinh phí phía Việt Nam là 1.600 triệu đồng. Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu với Hàn Quốc. Đề tài gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện do chưa được cấp kinh phí năm 2018.

2.1.4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Trong năm 2018, Trường Đại học Mỏ - Địa·chất thực hiện: 57 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở (19 đề tài chuyển từ 2017 sang và 38 đề tài giao thực hiện từ 2018), 240 đề tài NCKH của sinh viên, tổ chức một số Hội thảo khoa học quốc tế, hội thảo chuyên đề và thực hiện một số nhiệm vụ KHCN khác (hỗ trợ thông tin xuất bản, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, ...).

Đề tài NCKH cấp cơ sở chủ yếu được xây dựng trên kế hoạch phát triển khoa học - công nghệ và đào tạo của nhà trường, có xét ưu tiên cho các NCS, học viên cao học và cán bộ trẻ thực hiện. Đến nay, 18/19 đề tài đợt II/2017 được nghiệm thu (đạt 95%). Kết quả các đề tài xếp loại, gồm: Tốt: 16; Khá: 02. Các đề tài này đã được thanh quyết toán tài chính theo đúng quy định của nhà nước.

Sản phẩm của các đề tài NCKH cấp cơ sở đã đạt được: Đã công bố 03 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI, 23 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành trong nước, ngoài ra một số đề tài còn đóng góp đáng kể trong bổ sung giáo trình, bài giảng chuyên ngành; 12 báo cáo khoa học tại hội nghị/hội thảo trong nước và quốc tế. Góp phần hỗ trợ đào tạo 03 NCS và đào tạo được 05 ThS, 10 KS và 04 nhóm sinh viên NCKH.

Tổng số 38 đề tài được giao thực hiện năm 2018 với tổng kinh phí do Trường hỗ trợ là 945 triệu đồng, các chủ nhiệm đề tài đã tiến hành triển khai theo kế hoạch.

Công tác quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở đã được Nhà trường không ngừng đổi mới từ công tác xét duyệt đến thành lập Hội đồng nghiệm thu. Nhà trường luôn quan tâm tới hoạt động nghiên cứu khoa học cho cán bộ trẻ, học viên cao học, nghiên cứu sinh. Để phù hợp với điều kiện và nhu cầu thực tế, nhà trường đã tổ chức đăng ký và tuyển chọn cá nhân, tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hai lần/năm góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu cũng như những nghiên cứu mới luôn được cập nhật….

2.1.5. Đánh giá chung

Đối với các đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và cấp Nhà nước, với sự điều hành, chỉ đạo sát sao của Ban Giám hiệu và sự đôn đốc, nhắc nhở của các đơn vị chức năng, nhiều đề tài tồn đọng từ những năm trước đã tiến hành hoàn tất tổng kết và giải quyết dứt điểm. Tổng số lượng đề tài các cấp năm 2018 đã tăng lên so với năm 2017 (115/100) nhưng tổng kinh phí năm 2018 lại giảm (7,454 tỷ/10,054 tỷ).

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, trong năm qua vẫn còn có những đề tài/nhiệm vụ chưa hoàn thành, làm ảnh hưởng đến thành tích chung và uy tín của nhà trường (chi tiết xem Bảng 2). Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng kéo dài, nhưng một số nguyên nhân chính đó là:

- Một số chủ nhiệm đề tài nhận thức không đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện đề tài dẫn đến đề tài không hoàn thành đúng tiến độ;

- Chủ nhiệm đề tài kiêm nhiệm công tác quản lý (Khoa, Bộ môn, Phòng) hoặc làm nghiên cứu sinh cho nên không dành nhiều thời gian cho việc thực hiện đề tài;

- Một số đề tài chưa hoàn thành số lượng công trình công bố quốc tế, sản phẩm đào tạo theo đăng ký trong thuyết minh nên chưa thể hoàn tất việc nghiệm thu thanh lý đề tài.

- Sự buông lỏng quản lý của một số Khoa, Bộ môn trong việc kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ các đề tài trong quá trình thực hiện.

Bảng 3. Tổng hợp số lượng đề tài các cấp và kinh phí thực hiện năm 2018 theo các Khoa

TT	Khoa	Đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước *(số lượng/tổng kinh phí NSNN (trđ))*				Đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ/Tỉnh *(số lượng/tổng kinh phí NSNN (trđ))*				Đề tài NCKH cấp cơ sở *(số lượng/tổng KP (trđ))* **(chỉ tính đề tài cấp KP 2018)**
		Đề tài thuộc các chương trình	*NCCB ĐHƯD*	*NCCB trong KHTN*	*Nghị định thư*	*Đề tài HTQT song phương*	*Đề tài, nhiệm vụ KHCN Bộ GDĐT*	*Đề tài KHCN Bộ Xây dựng*	*Đề tài KHCN cấp Tỉnh*	
1	Cơ - Điện						1/0			1/25
2	Công nghệ thông tin	1/721	1/0	1/0		1/0	1/331			2/80
3	Dầu khí	1/1.500		4/459.3			5/98	1/200	1/66,95	3/65
4	Khoa học và KT Địa chất	1(*)		4/605.9			7/527		1/130	5/140
5	Khoa học cơ bản			2/350			3/498			3/70
6	Kinh tế-QTKD									6/105
7	Mỏ			1/0		1(**)	3/98			7/170
8	Xây dựng			2/40			5/423			1/20
9	Trắc địa- BĐ và QLĐĐ	2(1(*);1(**))		1/0			2/0		2/536	7/185
10	Môi trường				1/858		2/0			3/85
Tổng cộng		**5/2.221**	**1/0**	**15/1.455,2**	**1/858**	**2/0**	**29/1.975**	**1/200**	**4/732,95**	38/945

Ghi chú: (*): Đề tài kinh phí giao về trung tâm nghiên cứu;
(**): đề tài chưa được cấp kinh phí năm 2018.

2.2. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng và triển khai công nghệ

Hoạt động NCKH ứng dụng và triển khai công nghệ được chia làm 2 hình thức: Hợp đồng nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ được ký kết trực tiếp về Trường và các hợp đồng được ký kết về các Trung tâm, Công ty thuộc Trường.

2.2.1. Các đề tài/hợp đồng ký về trường

Hoạt động NCKH ứng dụng và chuyển giao công nghệ thuộc các ngành nghề trọng tâm của nhà trường như Địa chất công trình, Địa chất thủy văn, Dầu khí, Thăm dò - Khai thác khoáng sản, điều tra địa chất cơ bản, tai biến địa chất và môi trường, … trong năm qua vẫn còn khó khăn. Các đề tài, hợp đồng NCKH được thực hiện trong năm chủ yếu từ những năm trước chuyển sang. Năm 2018, có 05 đề tài, hợp đồng NCKH - triển khai công nghệ được thực hiện, với tổng kinh phí quyết toán theo hợp đồng là 2.340 triệu đồng, giảm 69,63% so với năm 2017 (xem Bảng 4).

Bảng 4. Đối sánh kết quả các đề tài NCKH - triển khai công nghệ với doanh nghiệp, địa phương trực tiếp ký Trường năm 2017 và năm 2018

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Tỉ lệ Tăng/ giảm (%)
1	Số lượng hợp đồng	hợp đồng	10	5	-50,00
2	Tổng kinh phí quyết toán	Tr.đ	7.075	2.340	-69,63
3	Số tiền đóng góp cho Trường	Tr.đ	353,2	108,27	-69,34

2.2.2. Hoạt động của các trung tâm nghiên cứu, Công ty CODECO

Năm 2018, hoạt động của các Trung tâm, Công ty của Trường vẫn tiếp tục khẳng định tốt vai trò làm chủ trong công tác NCKH - triển khai công nghệ và đào tạo của đơn vị mình, góp phần vào thành tích chung trong hoạt động NCKH, thiết thực cùng các Khoa nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời đóng góp một phần kinh phí không nhỏ cho hoạt động chung của nhà trường. Kết quả hoạt động của 08 trung tâm nghiên cứu và công ty CODECO được trình bày trong Bảng 5 và Bảng 6.

Bảng 5. Đối sánh kết quả hoạt động NCKH - triển khai công nghệ của các trung tâm và công ty CODECO năm 2017 và năm 2018

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Tỉ lệ tăng/ giảm (%)
1	Số lượng hợp đồng	hợp đồng	830	889	7,11
2	Tổng doanh thu của TT, Cty	Tr.đ	189.349	232.242	22,65
3	Số tiền đóng góp cho Trường	Tr.đ	2.847	3.483	22,34
4	Số tiền thuế đã nộp	Tr.đ	14.439	15.816	9,54

Bảng 6. Tổng hợp số liệu hoạt động KHCN của các trung tâm nghiên cứu, công ty CODECO năm 2018

(theo số liệu báo cáo của các Trung tâm, công ty đến ngày 26/3/2019)

TT	Trung tâm, công ty	Số hợp đồng thực hiện năm 2018	Kinh phí thực hiện (đ)		Kinh phí nộp Trường năm 2018 (đ)				Các loại thuế (đ)
			Tổng	Đã quyết toán số kinh phí	Số tiền nghĩa vụ năm 2017	Mức giao nộp 2018(1,5%)	Đã nộp	Còn phải nộp	
1	Công ty CODECO	68	28 344 059 754	28 344 059 754		425 160 896	425 160 896		2 247 223 900
2	TT NC Địa kỹ thuật	407	72 144 000 000	72 144 000 000		1082 160 000	1082 160 000		1 734 110 000
3	TT Hỗ trợ Phát triển KHKT	134	47 168 095 035	47 168 095 035		707 521 426	707 521 426		3 873 315 071
4	TT NC Môi trường Địa chất	21	12 841 027 135	12 841 027 135		192 615 407	193 000 000		1 424 567 323
5	TT KHCN Mỏ và Môi trường	129	26 201 451 197	26 201 451 197	117 357 178	393 021 768	255 907 178	254 471 768	2 657 562 569
6	TT NC Trắc địa công trình	33	8 779 000 000	8 779 000 000		131 685 000	131 685 000		979 900 000
7	TT NCUD CNM Trắc địa - Bản đồ	35	13 333 416 825	13 333 416 825		200 001 252	200 000 000		1 423 547 729
8	TT NC Cơ điện mỏ	36	9 959 417 433	9 959 417 433	48 234 343	149 391 261	197 625 604		668 201 934
9	TT TK Công nghệ khoáng chất	26	13 472 378 454	13 472 378 454		202 085 677	202 085 677		808 554 796
	Tổng cộng	**889**	**232 242 845 833**	**232 242 845 833**	**165 591 521**	**3 483 642 687**	**3 395 145 781**	**254 471 768**	**15 816 983 322**

2.2.3. Đánh giá chung về hoạt động Khoa học công nghệ của các Công ty, trung tâm

Kết quả hoạt động NCKH của các công ty, trung tâm nghiên cứu đã góp phần đưa các ứng dụng công nghệ mới trong các lĩnh vực thăm dò - khai thác khoáng sản, trắc địa - bản đồ, quản lý tài nguyên và môi trường, công nghệ thông tin phục vụ kịp thời cho các địa phương, doanh nghiệp tạo tiền đề cho công tác quy hoạch, hoạch định chính sách về khai thác, quản lý tài nguyên khoáng sản và đất đai, bảo vệ môi trường … ở các địa phương.

Các trung tâm nghiên cứu có nhiều thay đổi tích cực, đặc biệt là các trung tâm có sự thay đổi, kiện toàn về nhân sự lãnh đạo. Trung tâm đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính của trung tâm là nghiên cứu khoa học. Nhiều trung tâm đã chủ trì thực hiện các đề tài KHCN cấp Quốc gia; liên kết, phối hợp với các Bộ ngành chủ trì các đề tài/hợp đồng nghiên cứu khoa học, như: Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học kỹ thuật, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất, Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mỏ, …

Hoạt động nghiên cứu của các công ty, trung tâm đã tạo điều khiện thuận lợi cho thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp cho học viên sau đại học và sinh viên của nhà trường. Trong thời gian tới, cần có sự gắn kết hơn nữa giữa các khoa, bộ môn và các công ty, trung tâm nghiên cứu trong công tác NCKH và đào tạo thông qua các đề tài NCKH, hợp đồng chuyển giao công nghệ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có địa bàn thực tập, các tài liệu khoa học, các số liệu chuẩn phục vụ việc xây dựng báo cáo, đồ án, luận văn, luận án và kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Bên cạnh những đóng góp về NCKH - triển khai công nghệ và góp phần hỗ trợ đào tạo, các trung tâm nghiên cứu và công ty Codeco đã đóng góp cho nhà trường một nguồn thu đáng kể từ hoạt động khoa học và công nghệ và dịch vụ khoa học và công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển chung của Trường. Các đơn vị có nhiều đóng góp hỗ trợ kinh phí hoạt động của Trường là: Trung tâm Nghiên cứu Địa kỹ thuật đã đóng góp 31,54% và trung tâm HTPT khoa học kỹ thuật đã đóng góp 20,61% tổng kinh phí (Bảng 4).

2.3. Các hoạt động khoa học và công nghệ khác

2.3.1. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ

Trường Đại học Mỏ - Địa chất được nhà nước đầu tư 08 phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu, hoạt động của các PTN vẫn chủ yếu phục vụ cho sinh viên thực tập, chưa đạt được hiệu quả như mong muốn, việc sử dụng các phòng thí nghiệm cho NCKH còn hạn chế, chưa đáp ứng đúng mục tiêu đầu tư nhằm phục vụ NCKH và đào tạo nhân lực có trình độ cao (NCS, học viên cao học). Một số trang thiết bị xuống cấp, các linh kiện đi kèm chưa được bổ sung, cơ sở hạ tầng chưa bảo đảm nên khả năng phục vụ nghiên cứu khoa học của các PTN này còn hạn chế.

Trung tâm Thí nghiệm và Phân tích công nghệ cao của Nhà trường, là một đơn vị hoạt động trực thuộc Ban Giám hiệu. Trung tâm kiện toàn công tác tổ chức, nhân sự và đã chính thức đi vào hoạt động. Trung tâm tiếp tục xây dựng quy chuẩn phòng thí nghiệm, quy chế hoạt động và triển khai vận hành thiết bị thí nghiệm, phối hợp với các đề tài, hợp

đồng nghiên cứu thực hiện các phân tích, thí nghiệm công nghệ cao, công bố các bài báo trên những tạp chí khoa học có uy tín. Nhà trường sẽ thí điểm cho phép Trung tâm trở thành đơn vị tự chủ về tài chính và hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

2.3.2. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên và thi Olympic

2.3.2.1. Nghiên cứu khoa học sinh viên

Hội nghị KHSV Trường lần thứ 31 đã được triển khai ở 24 tiểu ban chuyên với tổng số 240 đề tài được báo cáo. Ban tổ chức HNKHSV lần thứ 31 đã thẩm định, đánh giá và lựa chọn được 52 đề tài đạt chất lượng, đề nghị Nhà trường khen thưởng, gồm: 24 đề tài đạt giải Nhất, 18 đề tài đạt giải Nhì và 10 đề tài đạt giải Ba (xem Bảng 7).

Chất lượng chuyên môn của các đề tài NCKHSV được đánh giá là cao hơn so với những năm trước. Nhìn chung, kết quả thực hiện đề tài NCKH của sinh viên đã minh chứng cho kết quả học tập nghiên cứu và hình thành hướng đi trong NCKH của thế hệ trẻ trong tương lai. Nhà trường đã chọn 02 công trình NCKHSV có chất lượng cao, có sản phẩm ứng dụng để gửi dự thi giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học Eureka lần thứ 20 do thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Đại học Quốc gia tổ chức. Kết quả 01 công trình đạt giải nhất.

Bên cạnh nguồn kinh phí của hỗ trợ 1,5 triệu đồng/đề tài NCKH sinh viên lấy từ nguồn kinh phí của Nhà trường, nhiều Khoa và Bộ môn cũng đã chủ động bổ sung nguồn kinh phí từ quỹ hoạt động của Khoa và sự ủng hộ của các cán bộ giảng viên trong Nhà trường góp phần hỗ trợ cho các đề tài NCKH của sinh viên.

Trong kế hoạch triển khai hoạt động NCKH của sinh viên năm học 2018 - 2019, bên cạnh nguồn kinh phí của Nhà trường, Khoa chuyên môn như các năm trước đây, Công ty dầu khí Rosneft cũng đã tài trợ khoản kinh phí 6.000 USD cho 05 đề tài NCKH sinh viên có tiềm năng trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động dầu khí. Các đề tài này đang được thực hiện và sẽ nghiệm thu vào tháng 4/2019.

Bảng 7. Đối sánh kết quả sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2017 và 2018.

TT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Tỉ lệ tăng/giảm (%)
1	Tổng số đề tài	240	240	
2	Số sinh viên tham gia	1020	879	-13,82
3	Giải thưởng cấp Trường	48	52	8,33
	Nhất	23	24	4,35
	Nhì	18	18	
	Ba	7	10	42,86
4	Giải thưởng NCKH sinh viên cấp Bộ	4	0	-
	Nhất			

	Nhì	2		-
	Ba	2		-
	Khuyến khích			

2.3.2.2. Thi Olympic

Kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2018 được tổ chức tại hai địa điểm là Hà Nội và Vũng Tàu với 14 môn thi và 313 sinh viên tham dự (giảm 34,24% so với năm 2017). Ban tổ chức đã lựa chọn và đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng 116 cá nhân có thành tích tốt nhất. Trên cơ sở kết quả của cuộc thi Olympic cấp Trường, Nhà trường đã thành lập 6 đội tuyển tham dự các kỳ thi Olympic cấp quốc gia. Do các đội tuyển được chuẩn bị kiến thức tương đối tốt, các sinh viên tham gia đội tuyển có tinh thần trách nhiệm cao nên các đội tuyển trong trường đã đạt nhiều kết quả tốt trong kỳ thi Olympic cấp quốc gia với 24 giải thưởng, trong đó môn Toán có 02 giải nhì; môn Vật lý có 03 giải nhì, 03 giải ba và 01 giải khuyến khích; môn Hóa có 02 giải nhất, 02 giải nhì và 01 giải ba; các môn Cơ học đạt: 07 giải khuyến khích môn sức bền vật liệu và 03 giải khuyến khích môn thủy lực (Bảng 8).

Bảng 8. Kết quả Thi Olympic cấp Trường và Quốc gia năm 2017 so với năm 2018

TT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Tỉ lệ tăng/giảm (%)
1	Số sinh viên tham gia	476	313	-34,24
2	Giải thưởng cấp Trường	141	116	-17,73
	Nhất	*11*	*23*	109,09
	Nhì	*23*	*22*	-4,35
	Ba	*57*	*35*	-38,60
	Khuyến khích	*50*	*36*	-28,00
3	Giải thưởng cấp quốc gia	23	24	4,35
	Nhất		*2*	200
	Nhì	*7*	*7*	0
	Ba	*6*	*4*	-33,33
	Khuyến khích	*10*	*11*	10,0

2.3.2.3. Đánh giá chung

Nhà trường đã tổ chức thi Olympic cấp Trường sớm hơn những năm trước 02 tháng tạo điều cho bộ môn có thời gian huấn luyện, bồi dưỡng các đội tuyển có môn thi Quốc gia. Công tác nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên các cấp trong năm qua, đã đạt được kết quả kết quả đáng khích lệ. Có được thành công này, sự quan tâm chỉ đạo của Ban Giám hiệu, sự chủ động phối hợp giữa các đơn vị trong trường cùng sự tận tình hướng dẫn của các thầy, cô giáo đã tạo điều kiện cho sinh viên tự tin, hăng hái tham gia.

Bên cạnh sự hỗ trợ về kinh phí của nhà trường còn có sự định hướng, hỗ trợ về tinh thần, vật chất của các thầy cô giáo, các đơn vị trong và ngoài trường tạo điều kiện cho sinh viên trong hoạt động nghiên cứu, góp phần không nhỏ vào thành công của hoạt động

NCKH và thi Olympic và mang lại ý nghĩa thiết thực cho việc nâng cao chất lượng phục vụ đào tạo và NCKH của sinh viên.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng, năm qua công trình sinh viên nghiên cứu khoa học được Trường đề xuất tham dự Giải Sinh viên Nghiên cứu khoa học của Bộ 2018 chưa được sự quan tâm đúng mức của cán bộ hướng dẫn cũng như sinh viên thực hiện đề tài, dẫn đến Trường không có công trình tham gia giải Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ (VIFOTEC). Hơn nữa, kinh phí hỗ trợ cho mỗi đề tài còn rất khiêm tốn, cũng là lý do làm cho chất lượng các đề tài NCKH của sinh viên chưa được như mong muốn.

Nhà trường tiếp tục đầu tư và đẩy mạnh hơn nữa chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên, phấn đấu nâng cao chỉ tiêu hơn nữa số lượng giải thưởng "Sinh viên nghiên cứu khoa học" của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện đề án "Hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp đến năm 2020" trên cơ sở tìm kiếm nguồn lực hỗ trợ từ các doanh nghiệp, Tập đoàn, Tổng công ty trong nước và có yếu tố nước ngoài.

2.4. Hoạt động thông tin khoa học

2.4.1. Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất

Tạp chí đã tạo được cơ sở dữ liệu với mạng lưới 200 chuyên gia uy tín thuộc các lĩnh vực chuyên ngành sẵn sàng phản biện cho các bài báo khoa học được gửi tới. Đơn vị chức năng đã chuẩn hóa được quy trình đăng bài trên tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất theo hướng hiện đại, hòa nhập quốc tế.

Trong năm 2018 đã biên tập và xuất bản 07 số Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất trong đó có 06 số thường kỳ (04 số tiếng Việt và 02 số tiếng Anh) và 01 số chuyên đề. Tổng số 76 bài báo khoa học trong đó có 18 bài tiếng Anh đã được xuất bản.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cũng còn những hạn chế trong việc xuất bản tạp chí như chưa thu hút được các các bài báo có chất lượng chuyên môn cao, tỉ lệ cán bộ trong trường viết bài cho tạp chí vẫn còn khiêm tốn.

Ban Biên tập Tạp chí sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng, cải tiến hình thức, tăng cường vai trò của thành viên Hội đồng Biên tập, từng bước tự chủ về tài chính và thương mại hóa tạp chí.

2.4.2. Các hội nghị, hội thảo khoa học

Trường đã chủ trì tổ chức Hội nghị Khoa học toàn quốc ERSD -2018 và phối hợp với các đơn vị tổ chức các hội thảo 02 hội thảo quốc tế và 02 hội thảo khoa học chuyên đề, gồm:

2.4.2.1 Hội nghị Khoa học toàn quốc ERSD 2018

Năm 2018, nhân kỷ niệm 52 năm ngày thành lập Trường, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã chủ trì tổ chức Hội nghị Khoa học toàn quốc với chủ đề "*Khoa học Trái đất và tài nguyên với phát triển bền vững - (ERSD-2018)*" vào ngày 07/12/2018 tại 17 tiểu ban chuyên môn. Hội nghị được tổ chức bởi Trường Đại học Mỏ - Địa chất và các đơn vị phối hợp (Tổng cục Địa chất, Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn than Khoáng sản Việt Nam, Tổng hội địa chất, Các Cục, Viện, Hội thuộc lĩnh vực chuyên môn).

Tham dự Hội nghị có gần 800 đại biểu, các nhà khoa học, nhà quản lý trong nước và quốc tế. Một số phân ban còn có sự tham gia của các nhà khoa học quốc tế đến từ Nga, Trung Quốc, Thái Lan.... Đã có 287 báo cáo được lựa chọn với tổng số 1515 trang để đăng trên tuyển tập của Hội nghị. Tuyển tập Hội nghị có chỉ số xuất bản ISBN, được phân theo từng lĩnh vực chuyên môn: Quyển 1- Kỹ thuật dầu khí tích hợp, Quyển 2- Địa chất & Tài nguyên địa chất, Quyển 3- Môi trường trong khai thác Tài nguyên và Phát triển bền vững, Quyển 4 - Những tiến bộ trong khai thác mỏ, Quyển 5 - Những tiến bộ trong Xây dựng, Quyển 6 - Dữ liệu thông tin không gian và Phát triển bền vững, Quyển 7 - Công nghệ thông tin và ứng dụng, Quyển 8 - Cơ điện.

Hội nghị khoa học toàn quốc ERSD 2018 là nơi giao lưu trong nghiên cứu khoa học và đào tạo, đồng thời là cơ hội tốt để các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi học thuật, chia sẻ kinh nghiệm, công bố những kết quả nghiên cứu mới trong lĩnh vực khoa học Trái đất, Mỏ và các khoa học liên quan.

2.4.2.2. Hội nghị, hội thảo khoa học khác

Năm 2018, Trường Đại học Mỏ - Địa chất tổ chức 02 Hội thảo quốc tế, gồm:

- Hội thảo "*Địa kỹ thuật và Địa chất công trình trong ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững cơ sở hạ tầng – Geological and Geotechnical Engineering in response to climate change and sustainable development of infrastructure*", do Trường Đại học Mỏ - Địa chất tổ chức phối hợp với Hội địa chất công trình và môi trường Việt Nam, Trường Đại học Yamaguchi (Nhật Bản), Trường Đại học Công nghệ (Thái Lan), Trường Đại học Đồng Tế (Trung Quốc) ... hội thảo được diễn ra tại Quảng Bình từ ngày 21-22/9/2018. Kết quả hội nghị là diễn đàn để các nhà khoa học trong nước và quốc tế giới thiệu và trao đổi các kết quả nghiên cứu về lĩnh vực địa kỹ thuật và đưa ra các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hội thảo khoa học Quốc tế "*Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản – Economic Management in Mineral Activities (EMMA)*" lần thứ 4 đã được tổ chức từ ngày 19 đến ngày 20/11/2018. Hội thảo là nơi trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về quản lý kinh tế trong ngành khai thác, chế biến và tiêu thụ khoáng sản.

Ngoài ra, Trường tổ chức 02 hội thảo khoa học: "*Giải pháp phát triển nguồn nhân lực và khoa học - công nghệ về Trái đất - Mỏ - Môi trường phục vụ phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu*" và Hội thảo khoa học "*Gắn kết khoa học cơ bản với khoa học trái đất*" lần thứ 2.

Bên cạnh các Hội nghị, Hội thảo khoa học, Nhà trường cũng đã tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề giới thiệu, hướng dẫn viết thuyết minh đề xuất đề tài KHCN (02 buổi), hướng dẫn và chia sẻ kinh nghiệm viết bài báo quốc tế (03 buổi), hướng dẫn đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ (01 buổi).

Đánh giá chung: Các Hội nghị, hội thảo đều được chuẩn bị nghiêm túc và tổ chức chu đáo. Thông qua hội thảo các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cán bộ của Nhà trường có thêm nhiều cơ hội để giao lưu, trao đổi học thuật và chia sẻ những kinh nghiệm trong NCKH và quản lý, đồng thời góp phần trao đổi, hợp tác quốc tế về KHCN trong thời gian tới.

2.4.3. Các kết quả công bố khoa học

Từ kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH, các nhà khoa học đã công bố kết quả nghiên cứu trên nhiều tạp chí, tài liệu khoa học trong và ngoài nước. Số bài báo công bố trên tạp chí quốc tế năm 2018 là 142 bài (trong đó có 86 bài ISI), tăng 82 bài so với năm 2017, các bài báo chủ yếu tập trung ở một số khoa: Xây dựng, Khoa học cơ bản, Công nghệ thông tin, Dầu khí, Khoa học và Kỹ thuật địa chất, Mỏ (xem Bảng 9 và Bảng 10).

Bảng 9. Tổng hợp số lượng bài báo, báo cáo khoa học năm 2018 của các Khoa trong trường *(theo số liệu báo cáo của các Khoa)*.

TT	Khoa	Bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế	Bài báo đăng trên các tạp chí trong nước	Báo cáo Hội thảo, Hội nghị trong và ngoài nước
1	Cơ - Điện	2	20	25
2	CNTT	16	5	16
3	Dầu khí	14	19	27
4	Khoa học và KT Địa chất	17	40	53
5	Khoa học cơ bản	16	40	30
6	Kinh tế - QTKD	2	27	40
7	Lý luận chính trị	1	3 10	22 26
8	Mỏ	12	20	54
9	Xây dựng	50	17	66
10	Trắc địa, BĐ và QLĐĐ	7	31	55
11	Môi trường	5	12	53
12	Giáo dục quốc phòng	0	6	8
	Cộng	**142**	**240**	**449**

**Chi tiết danh mục các công bố trong nước và quốc tế; báo cáo khoa học tại hội nghị/hội thảo trong và ngoài nước thực hiện trong năm 2017 được đăng tải trên Website của trường.*

Bảng 10. Đối sánh kết quả công bố khoa học năm 2017 và năm 2018

TT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Tỉ lệ Tăng/giảm (%)
1	Số bài bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế	60	142	136.66
2	Số bài báo khoa học công bố trên tạp chí trong nước	241	240	-0.41
3	Số báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước	211	449	112,79

Năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thưởng cho 43 bài báo được công bố trên tạp chí khoa học uy tín trong danh mục ISI/SCI/SCIE năm 2017 cho các tác giả là nhà khoa học của Trường với tổng kinh phí là 156 triệu đồng. Đầu năm 2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã có quyết định khen thưởng cho 77 bài bài báo được công bố trong năm 2018 trên tạp chí khoa học uy tín trong danh mục ISI/SCI/SCIE với tổng giá trị 277 triệu đồng. Theo số liệu thống kê của Bộ, năm 2018, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đứng thứ 8 trên tổng số 28 trường có công bố quốc tế (một số trường không có công bố quốc tế) về số lượng bài báo quốc tế trong danh mục ISI/SCI/SCIE năm 2018, chỉ sau 6 trường đại học vùng và Đại học Bách khoa Hà Nội.

Tháng 01/2018 đến tháng 3/2019, nhà trường đã hỗ trợ kinh phí cho tác giả của 32 bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI/SCI/SCIE theo quy chế chi tiêu nội bộ với tổng kinh phí 103,762 triệu đồng.

2.4.4. Về tài liệu hội thảo khoa học

Công tác biên tập và xuất bản các báo cáo khoa học của các hội nghị khoa học cấp Trường, Quốc tế cũng như các hội thảo chuyên đề được giao cho Ban Tổ chức hoặc các Khoa chuyên môn đăng cai hội thảo đảm nhận.

Nhìn chung, công tác biên tập đều được thực hiện khá nghiêm túc, đảm bảo chất lượng nội dung và hình thức phù hợp với qui mô, tính chất của từng hội nghị, hội thảo.

2.4.5. Về Tuyển tập Công trình khoa học sinh viên

Tuyển tập công trình khoa học sinh viên năm 2018 được xuất bản với 51 bài báo khoa học sinh viên, đây kết quả của các công trình đã đạt giải sinh viên nghiên cứu khoa học của Trường.

2.5. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ

Hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học của nhà trường có nhiều kết quả nổi bật. Tiếp tục thực hiện đề tài hợp tác KHCN theo nghị định thư với CHLB Đức và 01 nhiệm vụ hợp tác song phương với Hàn Quốc. Đã phối hợp với Trường Đại học Khoa học tự nhiên tiếp tục thực hiện dự án hợp tác với Đan Mạch do Liên minh Châu Âu tài trợ kinh phí.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế nhằm tạo điều kiện cho các nhà khoa học của trường có điều kiện trao đổi thông tin, học hỏi kinh nghiệm về chuyên môn, nâng cao trình độ ngoại ngữ, đồng thời nâng cao uy tín và vị thế của nhà trường trong hoạt động KHCN.

Nhà trường đang thực hiện 3 dự án do Erasmus + do EU tài trợ với kết quả tốt. Chương trình hợp tác quốc tế Erasmus+ với Trường Đại học KHCN AHG Krakov (Ba Lan) về trao đổi học thuật cho giảng viên và sinh viên, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, trình độ ngoại ngữ và khả năng hội nhập quốc tế cho cán bộ và sinh viên của Trường. Năm qua, đã có 08 sinh viên đại học và 02 học viên cao học của trường được đi thực tập 3 tháng tại trường AGH, 05 giảng viên của trường tham gia giảng dạy các chương trình Thạc sĩ và TS tại AGH. Nhà trường đã cử 8 cán bộ tham dự Hội nghị Pol-Viet tại Đại học AGH. Đã có 04 NCS của AGH đến thực tập tại

trường và 05 giảng viên của AGH đến giảng một số môn tại các khoa Dầu khí, Trắc địa. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã chú trọng phát triển và mở rộng quan hệ hợp tác về đào tạo và NCKH với các nước có trình độ công nghệ tiên tiến như Anh, Mỹ, Australia, Nhật Bản, Đức, …

Nhà trường đã có một số cải thiện về cơ sở vật chất thông qua các dự án nghiên cứu như trang bị thêm các thiết bị hiện đại, nâng cao trình độ cho các cán bộ, giảng viên trong Trường. Thông qua chương trình Erasmus+, Nhà trường đã được tài trợ phòng học trực tuyến hiện đại và trang bị thiết bị về Hệ thống điện thông minh cho Phòng thí nghiệm Bộ môn điện khí hóa (Đang trong giai đoạn chuẩn bị mua sắm thiết bị). Công ty Rosneft đã tài trợ thiết bị thí nghiệm cho phòng thí nghiệm lọc hóa dầu phục vụ nghiên cứu khoa học sinh viên và tiếp tục chương trình tài trợ trang thiết bị phục vụ NCKH sinh viên cho năm 2019.

Nhằm tăng cường trao đổi kết quả nghiên cứu, cập nhật thông tin khoa học công nghệ mới, Trường đã tổ chức nhiều hội nghị Khoa học quốc tế. Một số hội nghị được tổ chức định kỳ như Hội nghị Khoa học hợp tác Việt Nam - Ba Lan trong lĩnh vực Khoa học Trái đất và Mỏ, Hội nghị Quốc tế Những tiến bộ trong khai thác mỏ và công trình ngầm-ICAMT, Hội nghị Quốc tế Quản lý kinh tế trong Hoạt động Khoáng sản-EMMA, Hội nghị Trắc địa mỏ ISM 2017, với sự tham gia của nhiều nhà khoa học quốc tế hàng đầu trong lĩnh vực chuyên môn. Kinh phí dành cho các hội nghị quốc tế được tài trợ một phần từ nguồn kinh phí của Nhà trường, một phần từ các nguồn xã hội hóa, tài trợ từ các công ty, tổ chức quốc tế và cá nhân. Hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học còn được thể hiện ở sản phẩm khoa học quan trọng là công bố khoa học, kết quả nghiên cứu chung giữa các nhà khoa học trong Trường và các nhà khoa học nước ngoài được công bố trên các tạp chí và kỷ yếu hội nghị quốc tế.

2.6. Hoạt động của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh

Trong năm 2018, Nhà trường đã ra quyết định thành lập 03 nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh bao gồm:

- Nhóm nghiên cứu mạnh Địa kỹ thuật, vật liệu và phát triển bền vững.
- Nhóm nghiên cứu mạnh Công nghệ Thông tin và Ứng dụng trong các khoa học Trái đất.
- Nhóm nghiên cứu Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong Trắc địa - Bản đồ.

Bên cạnh 3 nhóm nghiên cứu trên, trong thực tế còn tồn tại một số nhóm nghiên cứu khác trong nhà trường được hình thành trong quá trình thực hiện các đề tài/nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp. Song song với việc thành lập các nhóm nghiên cứu, Nhà trường cũng đã ban hành một số chế độ hỗ trợ cho hoạt động của các nhóm nghiên cứu như ưu tiên đề xuất các đề tài khoa học công nghệ các cấp, trang thiết bị thí nghiệm, … Tuy nhiên, trong thực tế sau gần một năm thành lập, hiệu quả hoạt động của các nhóm nghiên cứu chưa rõ nét, chưa phát huy được vai trò tập hợp các nhà khoa học trong các hoạt động nghiên cứu khoa học gắn với định hướng hoạt động của nhóm.

Hiện nay, các chương trình khoa học công nghệ của các Bộ, Ngành thường gắn với nhiệm vụ xây dựng và phát triển năng lực của các nhóm nghiên cứu trong các đơn vị, đặt biệt là hỗ trợ đề tài, dự án đầu tư PTN tăng cường năng lực nghiên cứu, … Vì vậy, nhiệm vụ trong thời gian tới của Nhà trường và các nhóm nghiên cứu là đẩy mạnh vai trò, hoạt

động của các nhóm nghiên cứu trong Nhà trường, xây dựng các chế độ chính sách hỗ trợ, đánh giá hiệu quả hoạt động của nhóm nghiên cứu.

2.7. Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ luôn được nhà trường quan tâm, đầu tư phát triển. Nhà trường đã thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN, bám sát mục tiêu, định hướng chiến lược của nhà trường trong hoạt động KHCN. Công tác này đã được phòng KHQT và các phòng chức năng liên quan thực hiện và tổ chức quản lý chặt chẽ bám sát các văn bản pháp quy, quy chế nội bộ; chủ động xây dựng kế hoạch KHCN của Trường theo đúng yêu cầu của Nhà trường và các cơ quan quản lý cấp trên, cụ thể như:

- Phòng KHQT thường xuyên theo dõi tiến độ, đôn đốc các chủ nhiệm đề tài, dự án triển khai nhiệm vụ theo đúng các hợp đồng và đề cương nghiên cứu. Hướng dẫn kịp thời các chủ nhiệm đề tài thực hiện kế hoạch nghiên cứu theo các quy định. Kịp thời tổ chức đăng ký các đề tài mới và đánh giá nghiệm thu kết quả các đề tài hoàn thành.

- Nhà trường đã ra quyết định thành lập Qũy tài năng KHCN HUMG; xây dựng và ban hành quy chế hoạt động của Quỹ; tổ chức đánh giá, xét chọn các nhà khoa học tiêu biểu để trao tặng giải thưởng KHCN HUMG.

- Nhà trường đã thay đổi Quy chế hỗ trợ các bài báo quốc tế nhằm khuyến khích, hỗ trợ các nhà khoa học, giảng viên trong toàn trường. Mức hỗ trợ tối đa cho 1 bài báo là 100 triệu đồng.

- Nhà trường đã đưa vào sử dụng phần mềm quản lý khoa học (tại địa chỉ: http://qlkh.humg.edu.vn/) cho phép quản lý hiệu quả các công trình khoa học của các đơn vị, cá nhân trong toàn trường và giúp đơn giản hóa việc thống kê, tính khối lượng giờ khoa học công nghệ hàng năm và là cơ sở quan trọng để đánh giá đúng tiềm lực khoa học công nghệ của Nhà trường, quảng bá và giới thiệu kết quả hoạt động KHCN với các doanh nghiệp, cơ quan, cá nhân ngoài trường.

- Phòng Tài vụ đã kịp thời hướng dẫn các chủ nhiệm đề tài/nhiệm vụ giải ngân kinh phí cho các đề tài, hợp đồng thực hiện theo đúng tiến độ và thực hiện đúng việc chi tiêu tài chính theo quy định của Nhà nước.

- Khoa, Bộ môn đã nâng cao vai trò, trách nhiệm trong quản lý hoạt động KHCN của đơn vị mình. Tuy nhiên, một số đơn vị (khoa, bộ môn chủ quản) chưa quan tâm đôn đốc, kiểm tra việc triển khai và thực hiện các nhiệm vụ KHCN, dẫn tới tình trạng một số đề tài quá hạn, tồn đọng.

Trong năm qua, Nhà trường đã sử dụng đúng mục đích kinh phí hoạt động KHCN chi từ ngân sách Nhà nước. Đến quý I/2019, hầu hết đề tài các cấp đều đã hoàn thành việc quyết toán kinh phí năm 2018. Số lượng đề tài, dự án NCKH các cấp được thực hiện và đã quyết toán kinh phí từ NSNN năm 2018 (Bảng 3).

Ngoài kinh phí được Nhà nước đầu tư, Nhà trường còn trích một phần kinh phí từ nguồn chi thường xuyên để hỗ trợ cho các hoạt động KHCN cấp cơ sở như: các đề tài NCKH cấp cơ sở, NCKH sinh viên, các hội nghị, hội thảo, … nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động KHCN của Trường với tổng kinh phí là 1.680 trđ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018

3.1. Những kết quả đạt được

- Đã hoàn thiện cơ chế chính sách hoạt động KHCN Trường; khen thưởng kịp thời các cán bộ có nhiều đóng góp cho hoạt động khoa học công nghệ; quy định thưởng đối với cán bộ có công bố trong tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI.

- Đến cuối năm 2018 hầu hết các đề tài/nhiệm vụ KHCN các cấp, đề tài NCCB thực hiện trước 2018 chuyển sang đã được tổng kết, nghiệm thu.

- Đóng góp quan trọng trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, gắn nhiệm vụ NCKH với đào tạo NCS và cao học, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực có trình độ cao, góp phần thực hiện tốt chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường giai đoạn 2016-2020.

- Hoạt động NCKH cấp cơ sở đã có nhiều thay đổi tích cực trong công tác xét duyệt, thời gian thực hiện và đánh giá kết quả đề tài.

- Hoạt động triển khai công nghệ của các tổ chức khoa học vẫn chủ yếu là thực hiện dịch vụ KHCN, bên cạnh đó một số trung tâm hoạt động NCKH - triển khai công nghệ đã chủ trì thực hiện các đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ như: Trung tâm Hỗ trợ Phát triển khoa học kỹ thuật, Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mỏ, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất, … đóng góp quan trọng trong hoạt động NCKH và đào tạo nhân lực của Trường.

- Một số trung tâm sau khi kiện toàn nhân sự, bổ sung thêm lĩnh vực hoạt động, bước đầu phát huy được những lĩnh vực đặc thù. Tuy nhiên, các trung tâm vẫn cần phát huy tiềm lực sẵn có, nâng cao vị thế và mở rộng các ngành, nghề là thế mạnh của nhà trường, đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội.

- Công tác NCKH sinh viên, Olympic các cấp đã đạt được thành tích đáng khích lệ với các giải thưởng cao, tạo động lực quan trọng trong học tập và NCKH của sinh viên.

- Số lượng công bố khoa học quốc tế, đặc biệt là các bài báo thuộc danh mục ISI của cán bộ khoa học năm 2018 tăng về số lượng, thuộc nhóm bài có chỉ số IF cao, qua đó tiếp tục khẳng định vai trò, vị thế của Trường trong nước và trong khu vực.

- Số lượng đề tài do Quỹ Nafosted tài trợ thực hiện năm 2018 đã tăng hơn những năm trước;

- Phần mềm quản lý khoa học và công nghệ và tính điểm công trình khoa học cho cán bộ giảng dạy được đưa vào sử dụng.

3.2. Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động KHCN của Trường trong năm qua còn một số tồn tại và hạn chế nhất định, cụ thể:

- Hoạt động KHCN của nhà trường chưa tương xứng với nhiệm vụ và tiềm lực KHCN của Trường. Sản phẩm NCKH được chuyển giao còn rất khiêm tốn, các kết quả nghiên cứu chủ yếu vẫn dừng ở mức độ nghiên cứu lý thuyết và phục vụ đào tạo;

- Hoạt động khoa học và công nghệ vẫn chủ yếu tập trung ở một số khoa chủ chốt, chưa đồng đều ở các đơn vị, một phần do đặc thù ngành nghề, một phần lãnh đạo các Khoa, Bộ môn chưa thực sự quan tâm chỉ đạo.

- Một số cán bộ khoa học không có công trình nghiên cứu khoa học, nên không đủ giờ khoa học theo quy định.

- Năng lực và kỹ năng xây dựng đề xuất và thuyết minh nhiệm vụ của một số cán bộ còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của Hội đồng chuyên môn. Nhà trường tổ chức các buổi tập huấn, mời chuyên gia hướng dẫn xây dựng đề xuất, viết thuyết minh đề tài, chia sẻ kinh nghiệm viết bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín quốc tế, nhưng chưa được các nhà khoa học trẻ quan tâm.

- Công tác triển khai, tổ chức thực hiện đề tài của một số chủ nhiệm còn lúng túng, dẫn đến thực hiện không đúng tiến độ, hoặc kéo dài quá hạn hợp đồng.

- Các phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu chưa phát huy được năng lực nghiên cứu khoa học, các đề tài/nhiệm vụ và học viên sau đại học sử dụng các phòng thí nghiệm này còn hạn chế, chưa tương xứng với quy mô hoạt động.

- Thủ tục hành chính, tài chính vẫn còn phức tạp, rườm rà, tốn nhiều thời gian thời gian.

- Cán bộ giảng viên chưa tích cực tham gia các hoạt động do Nhà trường tổ chức nhằm nâng cao năng lực NCKH (hướng dẫn viết thuyết minh đề tài, hướng dẫn viết bài báo quốc tế, Hội thảo KH).

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2019

I. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2019

Năm 2019, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường tiếp tục bám sát định hướng hoạt động KHCN được nêu trong kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2016-2020 của Nhà trường, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Đẩy mạnh việc xây dựng nguồn nhân lực KHCN có trình độ cao, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu trong các lĩnh vực chủ đạo của Nhà trường trong thời gian tới để đáp ứng yêu cầu thực tế và hội nhập quốc tế;

- Tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu để hình thành và thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực thuộc thế mạnh của nhà trường, đặc biệt chú trọng phát triển các nhóm nghiên cứu liên ngành;

- Xây dựng chế độ, chính sách tăng cường hỗ trợ hoạt động của các nhóm nghiên cứu, hoạt động của các phòng thí nghiệm;

- Ban hành quy định hướng dẫn đăng ký, thực hiện đề tài đột xuất và đề tài tiềm năng bằng nguồn kinh phí của Nhà trường;

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác NCKH của giảng viên trẻ và của sinh viên;

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề tài NCKH các cấp đã được phê duyệt;

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các chương trình, đề tài KHCN lớn cấp nhà nước, mang tính liên ngành để tập hợp đông đảo các nhà khoa học trong trường cùng giải quyết về các lĩnh vực mang tính chất chuyên ngành Khoa học Trái đất - Mỏ, đặc biệt là thích ứng với cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0;

- Tham gia tích cực vào các chương trình KHCN trọng điểm của Nhà nước, Bộ, Ngành;

- Xây dựng các đề tài NCCB trong KHTN và NCCB định hướng ứng dụng do Quỹ Nafosted tài trợ kinh phí; đề tài do Quỹ đổi mới sáng tạo (VINIF) thuộc Tập đoàn VINGROUP tài trợ.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng các đề tài phục vụ các doanh nghiệp, địa phương, liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, viện nghiên cứu dựa trên năng lực, thế mạnh về lĩnh vực khoa học trái đất và mỏ của các nhà khoa học;

- Tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế trong hoạt động KHCN nhất là NCKH - chuyển giao công nghệ;

- Tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội thảo quốc tế để các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi, thảo luận về chuyên môn cũng như nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhằm nâng cao vai trò, vị thế của nhà trường;

- Đầu tư các dự án khởi nghiệp về KHCN do sinh viên thực hiện;

- Tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng tài liệu thông tin khoa học và công nghệ, tăng cường quảng bá, truyền thông về hoạt động khoa học công nghệ.

Để đạt được các mục tiêu nêu trên cần triển khai thực hiện các giải pháp khắc phục những vấn đề còn tồn tại của năm 2018, làm tiền đề cho việc tăng cường hoạt động KHCN trong năm 2019, trong đó có một số nhiệm vụ cụ thể sau:

- Tiếp tục đa dạng hóa các loại hình nghiên cứu;

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học. Tăng cường mở các đề tài hợp tác với các nước dưới dạng các nhiệm vụ nghị định thư, nhiệm vụ song phương, tổ chức các hội thảo, hội nghị, trao đổi học thuật;

- Tăng cường hơn nữa trong việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp;

- Tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng các phòng thí nghiệm, tích cực đầu tư thiết bị thí nghiệm gắn liền với NCKH và phục vụ sản xuất;

- Tổ chức các đợt tập huấn kỹ năng xây dựng các đề xuất khoa học, viết thuyết minh đề tài NCKH và viết bài báo khoa học cho cán bộ trẻ;

- Làm tốt công tác khen thưởng và kiên quyết xử lý đối với các đề tài quá hạn.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2019

2.1. Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia:

- Tiếp tục xây dựng đề tài NCCB trong KHTN do Quỹ Nafosted tài trợ kinh phí;

- Tiếp tục thực hiện 09 đề tài, nhiệm vụ cấp Quốc, gồm:

+ Tiếp tục thực hiện 05 đề tài thuộc các chương trình KHCN trọng điểm cấp quốc gia;

+ Hoàn thành nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư Việt - Đức;

+ 11 đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên (hoàn thành dứt điểm 03 đề tài thực hiện từ năm 2014);

- Tổ chức ký hợp đồng, kịp thời triển khai thực hiện 02 đề tài NCCB được giao đợt đợt II năm 2018.

- Hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài: Tiếp tục xây dựng các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư, hợp tác song phương với các nước: Đức, Ba Lan, Mỹ, …

2.2. Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp bộ:

- Xây dựng các đề xuất và đề cương đề tài cấp bộ 2020;

- Tiếp tục triển khai thực hiện 06 đề tài, nhiệm vụ cấp bộ chuyển tiếp từ 2018 và đôn đốc các đề tài, nhiệm vụ hết hạn nghiên cứu nghiệm thu;

- Tổ chức ký hợp đồng, kịp thời triển khai thực hiện 12 đề tài (04 đề tài thuộc chương trình 562 và 08 đề tài KHCN cấp Bộ) được giao năm 2019;

- Thực hiện quy trình tuyển chọn các nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình KHCN cấp Bộ mã số CT.2019.01.

2.3. Các nhiệm vụ NCKH - triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ NCKH - triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp, gồm:

- Hoàn thành, nghiệm thu cấp Tỉnh/Thành phố 02 đề tài KHCN cấp Tỉnh.
- Hoàn thành, nghiệm thu các dự án, hợp đồng ký với các doanh nghiệp, địa phương đã hết thời gian nghiên cứu.

2.4. Các nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở

- Tiếp tục thực hiện 38 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở giao năm 2018;
- Tổ chức tuyển chọn và thực hiện đề tài và nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở năm 2019.
- Tiếp tục thực hiện 195 đề tài sinh viên NCKH do Trường hỗ trợ và 05 đề tài sinh viên NCKH do Công ty Rossnef tài trợ kinh phí.

2.5. Các nhiệm vụ KHCN khác

- Tổ chức các hội đồng Tư vấn xác định danh mục, hội đồng Tư vấn xác định chủ trì đề tài các cấp năm 2020;
- Tổ chức Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 32 (5/2019) và biên tập, xuất bản tuyển tập các công trình NCKH sinh viên năm 2019;
- Tổ chức các đội tuyển tham dự Olympic quốc gia năm 2019 các môn Toán, Vật lý, Cơ học;
- Tổ chức các hội thảo khoa học, hội thảo chuyên đề;
- Tham gia hội thảo khoa học Pol - Việt 2019 tại Krakow, Ba Lan;
- Thực hiện các hoạt động KHCN khác.

2.6. Nhiệm vụ quản lý KHCN

- Xây dựng chiến lược KHCN của Trường đến năm 2025;
- Thành lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ của nhà trường;
- Tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu để hình thành và thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực thế mạnh của nhà trường;
- Ban hành quy định hướng dẫn đăng ký, thực hiện đề tài đột xuất và đề tài tiềm năng bằng nguồn kinh phí của Nhà trường.

Những kết quả đã đạt được trong hoạt động KHCN năm 2018, năm thứ ba của kế hoạch 5 năm (2016-2020) là đáng khích lệ và tiếp tục khẳng định vai trò, vị thế của hoạt động KHCN trong nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, góp phần xứng đáng vào sự phát triển của Trường. Những kết quả đạt được nêu trên xuất phát từ năng lực đội ngũ cán bộ khoa học, tinh thần đoàn kết của cán bộ viên chức và sinh viên trong toàn trường, sự quản lý và chỉ đạo sát sao của Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhà trường. Ngoài sự nỗ lực của Trường, Nhà trường còn nhận được sự quan tâm giúp đỡ có hiệu quả của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, của các Bộ, Ngành, các cơ quan Trung ương và doanh nghiệp, địa phương trong cả nước.

Năm 2019, nhiệm vụ KHCN của Trường là rất nặng nề, nhưng với truyền thống đoàn kết của đội ngũ cán bộ viên chức trong toàn Trường và tiềm năng chất xám của đội ngũ cán bộ khoa học của Trường, với sự tin tưởng, tạo điều kiện của các Bộ, Ngành, Địa phương, doanh nghiệp trong cả nước, tin tưởng rằng Trường Đại học Mỏ - Địa chất sẽ vượt qua những khó khăn, thách thức trong giai đoạn hiện nay, làm chủ KHCN và hoàn thành tốt nhiệm vụ./.